

BÁCH KHOA

SỐ 94 — NGÀY 1-12-1960

KHẢO-LUẬN

HUYỄNH-VĂN-LANG	Phát-triển cộng-đồng.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Hiệp - chúng - quốc trước ngã ba đường.
PHẠM-HOÀNG	Công - bình và Nhân-ái.
BỬU-KẾ	Công - cuộc phòng- thủ miền duyên-hải.
VÕ-QUANG-YẾN	Vấn - đề thâu - hồi vệ-linh.
ĐÔNG-HỒ	Mạn - đàm về Văn- Hóa.
NGUYỄN BẠT-TUY	Tên cá trong Ngũ- Việt.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

NGUYỄN-VĂN-TRUNG	Gửi anh em trong « nhóm Sáng-Tạo ».
NGUYỄN-VĂN-THU	Bản vẽ tập « Ba người lính nhảy dù lâm nạn » của N.M. Côn.
HÀ-HỢP-NGUYỄN	Chiều lạnh âm hồn.
TRẦN-VĂN-KHÊ	Lá thư hải-ngoại.
VĂN-TRANG	Một lối trả thù.
ĐOÀN-THÊM	Thu chiều nay.
A. T.	Ba người tử tù (phỏng-dịch Le Mur của J. P. Sartre).
VÕ-PHIÊN	Giã từ.
TRƯƠNG-UẦN-NGỌC	Hoang đảo.
NGUYỄN-NGU-Í	Sinh-viên với báo-ch

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh « **EAU DE VIE CŨ** » 40° và 50°

— Rượu Tàu « **LÀO-MẠNH-TỬU** »

— Rượu Tàu « **ÍCH-THỌ-TỬU** »

SI-RÔ « **VERIGOUD** » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « **DISTAROME** »

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**

NƯỚC HOA và DAU
THƠM « **D.I.C.** »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHAP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHÂN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(**S.I.C.A.**) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

*Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIÊN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoàn
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn - Huệ — SAIGON

Điện-thoại số : 21.624 - 25 - 26

ĐƯỜNG NGOẠI-QUỐC

S A I G O N	VIENTIANE và SENO	— Mỗi thứ Tư và thứ Bảy bằng DC. 4	
	PHNOMPENH	— Mỗi thứ Ba, thứ Năm thứ Sáu và thứ Bảy	} Bảng DC. 3 và DC. 4
	SIEMREAP	— Mỗi thứ Ba và thứ Bảy	
	BANGKOK	— Mỗi thứ Ba và thứ Sáu	
	HONGKONG	— Mỗi thứ Hai	} Bảng Super Constellation
	PARIS	— Mỗi thứ Năm	

TỔNG ĐẠI-LÝ :

B. O. A. C.

AIR INDIA INTERNATIONAL

JAPAN AIRLINES

K. L. M.

AIR FRANCE (trừ SAIGON)

ROYAL AIR CAMBODGE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

148-150, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automokiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 821

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON, KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*



PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

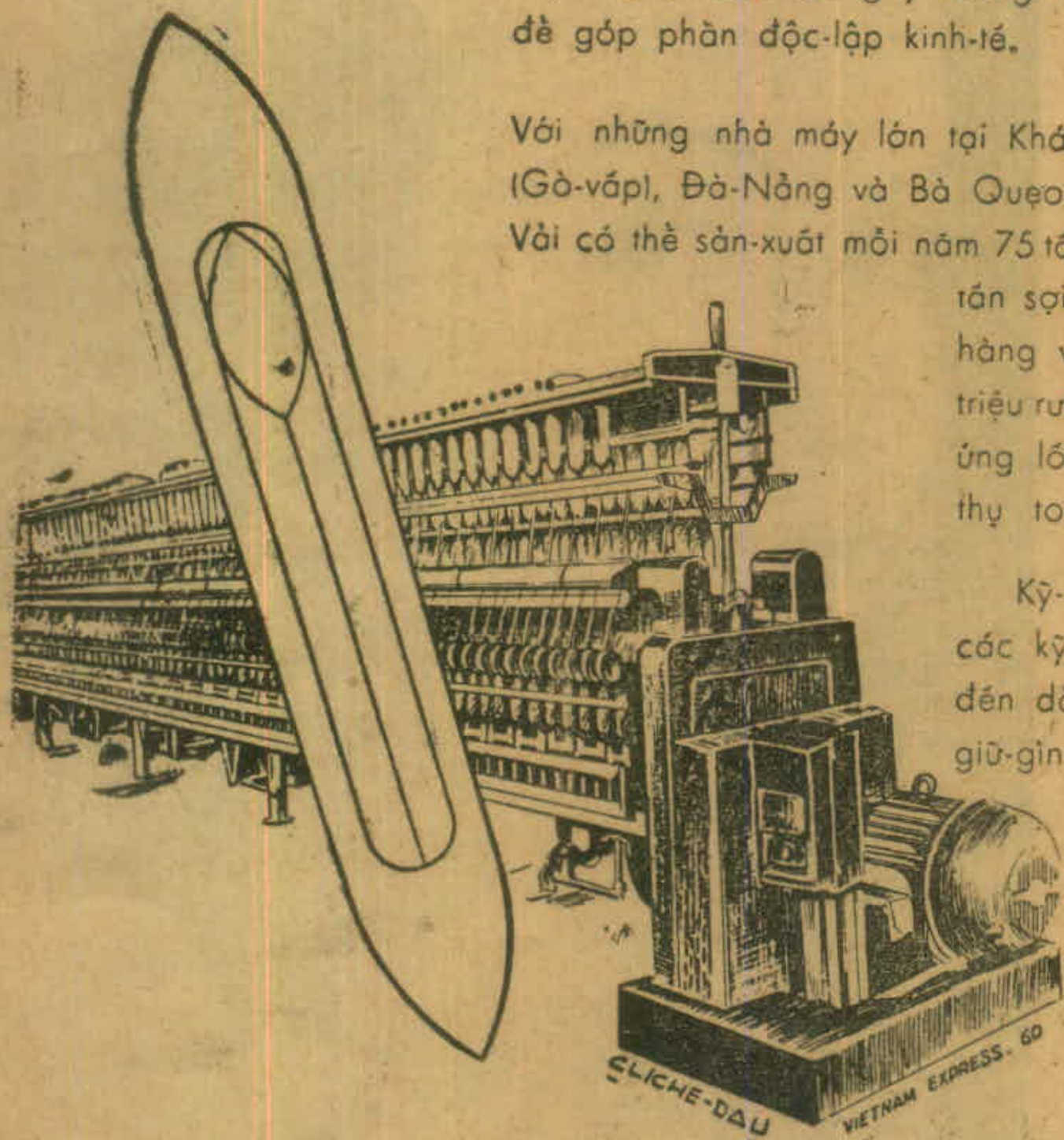
KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI

Kỹ-Nghệ Bông Vải và Tơ Sợi là một ngành hoạt-động tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều-khiển của các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam, các Công-ty Bông Vải nỗ-lực kiến-thiết để góp phần độc-lập kinh-tế.

Với những nhà máy lớn tại Khánh-Hội, An-Nhon (Gò-vấp), Đà-Nẵng và Bà Quẹo, các Công-ty Bông Vải có thể sản-xuất mỗi năm 75 tấn chi may, 23 ngàn tấn sợi, 17 triệu rưỡi thước hàng vải và nhuộm lối 4 triệu rưỡi thước, đủ để cung-ứng lối 40% tổng số tiêu-thụ toàn-quốc.

Kỹ-nghệ này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ,



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

BÁCH-KHOA

Số 94 — Ngày 1 - 12 - 1960

	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	
HOANG-MINH-TUYNH	
PHẠM-HOÀNG	
BỬU-KẾ	
VÕ-QUANG-YẾN	
ĐÔNG-HỒ	
NGUYỄN-BẠT-TUY	
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	
NGUYỄN-VĂN-THU	
HÀ-HỢP-NGUYỄN	
TRẦN-VĂN-KHÊ	
VÂN-TRANG	
ĐOÀN-THÊM	
A.T.	
VÕ-PHIẾN	
TRƯƠNG-UẦN-NGỌC	
NGUYỄN-NGU-Í	
<i>Phát-triển cộng-đồng.</i>	3
<i>Hiệp-chúng-quốc trước ngã ba đường</i>	9
<i>Công-binh và Nhân-ái</i>	15
<i>Công cuộc phòng thủ miền duyên hải</i>	16
<i>Vấn-đề thâu hồi vệ-tinh</i>	22
<i>Mạn đàm về Văn-hóa</i>	26
<i>Tên cá trong Ngữ Việt</i>	31
<i>Gửi anh em trong « nhóm Sáng-Tạo »</i>	38
<i>Bàn về tập : « Ba người linh nhảy dù lâm nạn » của N.M. Côn</i>	47
<i>Chiều lạnh âm hôn (thơ)</i>	55
<i>Lá thư hải-ngoại</i>	56
<i>Một lối trả thù</i>	65
<i>Thu chiều nay (thơ)</i>	72
<i>Ba người tử tù (Phỏng dịch Le Mur của J. P. Sartre)</i>	73
<i>Giã từ</i>	85
<i>Hoang-đảo (thơ)</i>	96
<i>Sinh-viên với báo chí</i>	97

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Hiệp-Chúng-quốc trước ngã ba đường.*
- BỬU-KẾ : *Thuận-An.*
- NGUYỄN-PHÚC-SA : *Viện-trợ cho các nước kém mở mang.*
- NGUYỄN-VĂN-THƯ : *Vài nét đại quan về luật tương-đối và các lý-thuyết phụ thuộc.*
- NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Nguyễn-Hữu-Cảnh.*
- TRỊNH-THIÊN-TÚ : *Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới.*
- NGUYỄN BẠT-TỤY : *Nghề mành ở Tam-Quan.*
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Nhân-loại-học — Nhân-chủng-học.*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *Danh nhân Florence Nightingale.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài tử ».*
- VŨ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn).*
- NGUYỄN-CHÂU : *Hung thần La-Mã (truyện dịch).*
- NGHIÊU-NHỤT : *Cầu phước (truyện dịch).*
- NGUYỄN-VĂN-XUÂN : *Khóc đầu tri kỷ (truyện ngắn).*
- LƯU-KIỂM : *Chuyện làng (truyện ngắn).*

(Trích bản thuyết-trình của Ô. Huỳnh-Văn-Lang đọc tại Nha Công-quân chuyên-chữ công-cộng tại Đô thành Sài Gòn ngày 10-11-1960).

PHÁT-TRIỂN CÔNG-ĐỒNG

HUỲNH - VĂN - LANG

(tiếp theo B. K. số 93)

NÓ I đến chánh sách phát-triển công-đồng, chắc chắn có người nghĩ ngay là chánh sách nào mà chẳng hay, nhưng chỉ khi áp dụng mới thấy khó, mới nảy sanh những cái không hay chút nào. Cho nên trong đoạn này chúng tôi sẽ nêu ra trước hết những ý-kiến, những nguyên - tắc thuộc về chánh sách và sau đó tôi cố đưa ra những vấn đề, những cái khó khăn trở ngại mà khi thực hành chánh sách ta phải thận trọng lưu ý, nếu không thì có nhiều chánh sách, trên lý thuyết rất mực đàng hoàng, mà khi thực hành vẫn hết mực tệ hại.

*
* *

1 — Một nước vừa thu lại chủ quyền, vừa thoát khỏi tình trạng thuộc địa, thì trước tiên phải chú trọng đến hai yếu tố căn bản

làm nền móng để xây dựng là: Sự lãnh đạo quốc-gia và các cơ quan chánh quyền. Ngày nào hai yếu tố ấy khởi sự hoạt động có hiệu quả thì tất nhiên người dân trở thành một nguồn tài nguyên quan trọng nhất để mưu việc phát triển quốc-gia.

2 — Muốn mưu việc phát triển quốc gia, chắc chắn chánh phủ phải để ra một số lớn tài nguyên quốc gia như tài chánh, kỹ-thuật, người, tư bản . . . Những sự sử dụng các tài nguyên ấy chỉ có hiệu quả nhiều, khi người dân biết quan tâm, chú trọng đến vấn đề phát triển quốc gia và khi người dân chúng ta trông vào chính phủ như một nguồn tài nguyên bổ túc để giúp người dân làm những việc mà họ không thể làm một mình được. Chánh phủ có muốn phát triển đến đâu, có cố gắng thế nào đi nữa, mà nếu

PHÁT-TRIỂN CỘNG-ĐỒNG

người dân thờ ơ lãnh đạm với công cuộc phát triển thì khó mà có kết quả khả quan được, trừ phi trường hợp không đếm xỉa đến những vấn đề nhân vị, tự do, dân chủ...

3.— Trong công cuộc kiến thiết xứ sở, xây dựng một quốc gia mới chắc chắn là không thiếu những tấm lòng, những năng lực muốn góp phần vào công cuộc chung. Bởi vậy phát triển cộng đồng là một cơ hội thuận tiện cho mọi người được góp công xây dựng quốc gia.

4.— Trên thế giới hiện giờ, khoa học và kỹ-thuật đã tiến bộ rất xa và đã phụng sự một cách đắc lực bao nhiêu nhân-dân nước khác. Vấn đề đối với chúng ta là làm sao thâm nhập được những kinh-nghiệm tiến-bộ ấy và đem áp-dụng ở quê nhà. Vậy phát triển cộng đồng là một hệ-thống tổ-chức để đem những tiến-bộ ấy đến mọi đơn-vị sản-xuất, mọi đồn điền lớn nhỏ, mọi gia-đình. Hơn nữa phát-triển cộng-đồng còn là một phương-tiện thí-nghiệm để phân tách mổ xẻ và giải-quyết những vấn-đề kinh-tế xã-hội của thôn quê, của làng mạc...

5.— Trong phát-triển cộng-đồng, nhìn về tương lai thì ngay những kẻ trưởng thành hiện tại cũng vẫn cần được giúp đỡ để cải thiện hơn nữa. Nhưng phát-triển cộng-đồng chủ yếu là sân vận-động dành cho thanh thiếu niên và do đó mà khi lớp thanh thiếu niên hiện giờ trưởng thành, thì những tiến-bộ kinh-tế xã-hội và văn-hóa sẽ được đảm-bảo và mạnh mẽ hơn.

6.— Phát - triển cộng - đồng là một phương-tiện giúp đỡ người dân học tập để biết cách gia tăng lợi tức của mình nhiều hơn cũng như để biết cách xử-dụng

lợi tức của mình hợp lý hơn, để sống một cuộc đời xứng đáng hơn.

7.— Phát-triển cộng - đồng là một cố gắng chung để cho đời sống vật chất và tinh-thần của thôn quê bớt khác biệt với thành-thị, của miền này bớt khác biệt với miền kia, của dân-tộc này bớt khác biệt với dân-tộc khác cùng trong một quốc-gia.

8.— Sau những ngày quốc khánh náo nhiệt, thể xác và tinh-thần của nhân-dân có thể đã mệt mỏi trong khi công cuộc tranh-đấu xây - dựng độc-lập quốc-gia vẫn còn. Phát-triển cộng-đồng là biện pháp để thức tỉnh tâm-lý quốc dân và hoàn-bị công cuộc tranh-đấu xây-dựng độc-lập quốc-gia.

Các điểm trên đây có lẽ đã khá đủ để giải-thích chánh-sách phát-triển cộng-đồng. Nhưng từ chánh sách tiến tới sự áp-dụng chánh sách phải qua nhiều giai-đoạn, nhiều hệ-thống tổ-chức khác nhau mà chỗ nào ta cũng có thể gặp những cạm bẫy, những khúc mắc có thể làm sai lệch cả chánh sách, cả đường lối của công cuộc. Rất tiếc là chúng tôi không có kinh-nghiệm trực tiếp trong công cuộc phát-triển cộng-đồng của quốc-gia. Những ý-kiến chúng tôi mạo muội đưa ra đây là do sự lợm lặt trong sách vở, báo chí nói về phát-triển cộng-đồng ở các nước và trong câu chuyện với những người trực tiếp trách nhiệm trong việc phát triển cộng đồng của xứ sở.

Như trên đã nói : mục tiêu căn bản của chương trình phát-triển cộng đồng là đào tạo những điều-kiện để cho cộng đồng tiến bộ về mặt xã-hội, kinh-tế, văn-hóa bằng những phương-pháp dựa trên hoạt-động và trách nhiệm địa phương. Cho nên phát triển cộng đồng có ba phần :

1) Những biện pháp để thu hút được sự tham gia cộng tác vào chương trình phát triển của những người mà chính vì họ chương trình ấy đã được quan niệm cùng thành lập trên căn bản tự lực cánh sinh.

2) Những biện pháp để đem lại cho người dân của cộng đồng các ích lợi khoa học, kỹ thuật tối tân, dưới một hình thức nào mà họ có thể sử dụng được để thỏa mãn nhu cầu của họ.

3) Những biện pháp dân chủ để đảm bảo rằng sự tiến bộ sẽ qui hướng về những mục đích mà chính cộng đồng đã công nhận và phải là thứ tiến bộ để bảo vệ sự tôn trọng con người, để nâng cao nhân phẩm và tự do con người. Chính những biện pháp trên đây làm cho sự phát triển cộng đồng của ta khác biệt với những biện pháp do một chế độ độc tài bắt buộc.

*
* *

— 1) Riêng về yếu tố «tự lực cánh sinh» của chương trình phát triển cộng đồng thì mục đích chính của nó là áp dụng những biện pháp nào để giải tỏa, để phát huy các nghị lực, các năng khiếu tiềm tàng của người dân, để khuyến khích sáng kiến và tinh thần công dân của họ, để thúc đẩy họ tham gia vào sinh hoạt kinh tế xã hội của đoàn thể của quốc gia. Xin lược kê một ít vấn đề liên quan đến yếu tố «tự lực cánh sinh», mình giúp mình.

a) Ở cấp tỉnh, cấp quận, cấp làng, có rất nhiều luật lệ, chánh sách, cổ lệ hành chánh hiện áp dụng cho các cộng đồng mà chính lại gây ra lắm khó khăn trở ngại cho việc phát triển cộng đồng trên phương diện tự lực cánh sinh. Có những luật lệ thuộc địa đặt ra để kềm hãm và

kiểm soát người dân mà vẫn được tiếp tục áp dụng. Thiết tưởng chính phủ cần phải xem xét lại để cổ võ và phát huy tinh thần tự lực cánh sinh của cộng đồng vì chính đó là linh hồn của công cuộc phát triển cộng đồng. Ví dụ: Người dân trong xã muốn cất một cái trường phải qua bao nhiêu ai hành chánh phức tạp; người dân trong thôn ấp muốn đắp con đường làng trước khi đắp quốc lộ liệu có được chấp thuận và nâng đỡ hay không?

b) Những bước đầu tiên «tự lực cánh sinh» phát triển cộng đồng của làng X, của xã Y có được ban thưởng công khai, nhà cầm quyền cao cấp có xuống tận nơi tuyên dương công trạng hay không? Nghĩa là có cách gì đơn giản để khuyến khích những bước đầu tiên đó hay không?

c) Chánh quyền địa phương như cấp tỉnh có quyền chấp thuận hay khuyến khích công cuộc phát triển cộng đồng trên căn bản tự lực cánh sinh không? Hay bất cứ việc gì cũng phải chờ lệnh trên, và một khi được lệnh là nhắm mắt thi hành bất chấp đến tinh thần dân chủ...

d) Các nhân viên kỹ thuật của chánh phủ chỉ giới hạn trách nhiệm trong việc thực hiện những công tác của chánh phủ hay còn có bổn phận giúp đỡ kỹ thuật cho các đoàn thể, các cộng đồng địa phương? Kiến trúc sư của Nha Kiến-Thiết chỉ vẽ nhà kiến thiết của chánh phủ hay còn phận sự phải vẽ nhà cho phát triển cộng đồng địa phương? Kỹ sư cầu cống của Bộ Công-Chánh chỉ lo đường sá của chánh phủ, mà người dân nói là để cho xe hơi chạy, hay là họ còn phận sự phải chỉ dẫn cho cộng đồng thôn quê đắp các đường làng, xây cầu, đặt cống trong thôn ấp.

e) Các Bộ, Nha sở trung ương trong khi giao dịch với các cộng đồng, có bao giờ kiểm điểm xem thái độ của mình có thực sự khuyến khích tinh thần tự lực cánh sinh của các cộng đồng không? Hay đôi khi còn làm cho họ mất hứng thú phát triển là khác nữa.

f) Chính phủ tuyên truyền phổ biến những việc mình làm cho cộng đồng hay là tuyên truyền phổ biến những công tác của cộng đồng để giải quyết những vấn đề của họ trên căn bản tự lực cánh sinh?

Ngay việc phát triển cộng đồng của Công quản đây đã được tuyên truyền phổ biến chu đáo chưa? Đã được đưa vào thời sự Việt-Nam chưa? Và thời sự Việt-Nam nhằm mục đích gì, nếu không phải là để tuyên truyền phổ biến những cố gắng của cộng đồng?

g) Để khuyến khích, đề cao những cá nhân, những nhóm người đã tham gia vào các chương trình tự lực cánh sinh. Chính phủ đã treo giải thưởng chung hay riêng, bằng tài chính bằng dịch vụ, giấy khen, huy chương v.v... cho họ chưa?

h) Chính sách nào khuyến khích sự tự lực cánh sinh có thể áp dụng một cách tổng-quát và chính sách nào chỉ có thể để thí-nghiệm trong một vài dự-án điển-hình?

*
* *

— 2) Các vấn-đề liên-quan đến việc cung-cấp những tiến-bộ khoa-học kỹ-thuật cho người dân cũng không kém phần khó khăn:

a) Những phương-tiện nào để định đoạt những yếu-tố khoa-học kỹ-thuật cấp-tốc cần kíp và phải áp dụng dưới hình thức nào

mới hiệu-nghiệm nhất. Chúng tôi có một ông bạn kỹ-sư đi thăm mấy làng Thượng đã vội cho là gà nhỏ con, heo vừa nhỏ vừa lâu lớn và đề-ngợi cho một ít gà giống và heo giống. Kết quả: gà chết, heo chết vì không hợp địa phương và ít lâu sau làng Thượng ấy không có gà heo nữa.

b) Làm sao ước lượng được ảnh-hưởng kỹ-thuật của ngành này liên-quan với kỹ-thuật của ngành khác. Ví dụ: đập đập làm điện có ảnh-hưởng gì đến canh-nông? Đào kinh giao-thông có ảnh-hưởng gì đối với vấn-đề cá mắm ở đồng-quê?

c) Hoặc ta chỉ nên làm những dự-án có nhiều mục-đích như vừa đập đập làm điện vừa dẫn thủy nhập điền, hay vừa đào kinh giao thông vừa giữ cá làm mắm.

d) Phải có một kế-hoạch trung-ương đồng nhất đem áp-dụng cho toàn quốc hay là một chương-trình chung bao gồm những chương-trình địa-phương do sáng-kiến địa-phương đưa ra? Một kế-hoạch trung-ương đồng nhất tất nhiên cần phải nhờ đến những biện-pháp cứng rắn mới thực hiện được, và như vậy có e ngại tổn-thương đến tinh-thần dân-chủ chăng?

e) Nếu phải theo một kế-hoạch trung-ương thì phải thực-hiện đại qui mô một lượt trong toàn quốc hay chỉ làm dần dần từng vùng, lần lượt từng dự-án? Ví dụ những máy cày của dinh-diễn.

f) Hay là ta dùng một quá trình tự nhiên là ở đâu có những cộng-đồng sẵn sàng tự lực cánh sinh phát-triển hơn thì giúp ở đó trước.

g) Nếu cần phải lựa những địa điểm, những cộng-đồng nào để giúp trước thì

phải theo tiêu - chuẩn nào : hoặc là ở đâu có nhiều vấn - đề hơn thì phải lo trước hay là ở đâu có nhiều khả năng giải quyết các vấn đề của họ hơn thì giúp trước, hay cùng giúp cả hai loại cộng đồng ấy trước.

b) Phải âm thầm hoạt động trên một ít dự án khiêm tốn hay công khai tuyên bố cho biết chánh sách phát triển cộng đồng của chánh phủ và vận động quần chúng nhất loạt tham gia, ủng hộ, hoặc là chỉ có vấn đề thời gian : thực hiện hết giải pháp này tiếp đến giải pháp khác?

*
* *

— 3) Sau hết, cần phải áp dụng những biện pháp nào để thực hiện chánh sách phát triển cộng đồng dựa trên những phương pháp dân chủ hơn là phương pháp độc tài, áp bức?

a) Làm sao biết được những nguyện vọng, những mục đích mà chính cộng đồng đòi hỏi hay công nhận, trừ phi dùng những phương pháp dân chủ trực tiếp như : mít-ting cộng đồng, thăm dò ý kiến những ủy ban địa phương, hội đồng xã, quận v. v. ...

b) Trong mỗi một công tác, chánh quyền phải tránh hai cái thái cực là hoặc hoàn toàn giúp đỡ, trả tiền mọi hoạt động, hoặc hoàn toàn để cộng đồng một mình tự cáng đáng mọi sự không giúp đỡ gì hết. Giải pháp trung dung có lẽ hơn cả nghĩa là phải giúp đỡ, nhưng vẫn để một phần lớn hoạt động cho cộng đồng tự cáng đáng khi mà những mục đích theo đuổi là do cộng đồng đòi hỏi hay công nhận. Trái lại, khi chánh quyền đặt ra những công tác chỉ do chánh quyền quyết định, thì không thể bắt buộc các cộng đồng cáng đáng nhiều hơn chánh phủ.

c) Có bao nhiêu hiệp hội tư nhân hoặc địa phương hoặc ngoài địa phương cần phải được chánh quyền giúp đỡ và khuyến khích trong công cuộc phát triển cộng đồng? Điều này cần phải đặc biệt lưu ý, vì ở các nước vừa thâu hồi độc lập, người ta thường quan niệm sai lầm là cái gì chánh phủ cũng phải làm và chỉ có chánh phủ làm mới xong, còn các hội tư nhân thì gác bỏ. Hội Văn-hóa Bình-dân chúng tôi cũng gặp rất nhiều sự lãnh đạm và hiểu lầm như vậy ở địa phương.

d) Vai trò của sự sưu tầm nghiên cứu xã hội là tìm hiểu, xác định xem những mục đích nào do cộng đồng đòi hỏi và những mục đích nào do chính chánh quyền bắt buộc cộng đồng phải công nhận, để phân định giới hạn trách nhiệm về phận sự trong công cuộc phát triển quốc gia.

e) Phải có những biện pháp thực tiễn để cho thiện chí, nhân phẩm và tự do tiến triển cùng một nhịp với sự tiến triển về vật chất. Đây điều căn bản phân biệt phát triển cộng đồng với sự phát triển do độc tài bắt buộc. Số bất cơm của người Trung-Hoa chắc chắn ngày mai có tăng thêm nhưng nhân phẩm và tự do của họ sẽ kém đi... như thế thì chưa hẳn là họ đã tiến đến được một bước.

Kết luận.

Trong phần này chúng tôi xin lưu ý các bạn về hai điểm sau đây :

1) Chánh sách phát triển cộng đồng không thể hoạt động bề mặt được. Nó phải liên đới mật thiết với những chánh sách chánh trị, kinh tế và xã hội khác. Ví dụ : sự liên đới giữa chánh sách cải cách

PHÁT-TRIỂN CỘNG-ĐỒNG

điền địa và chánh sách phát triển cộng đồng giữa chánh sách phát triển cộng đồng và chánh sách phát triển kinh tế quốc gia. Triệt để phải tránh cái nạn trống đánh xuôi kèn thổi ngược, để rồi người dân hóa ra bất mãn hay hoang mang.

2) Chánh sách phát triển cộng đồng bao giờ cũng liên đới với chính trị và nó như con dao hai lưỡi: giết người được mà tự sát cũng được. Ai có trách nhiệm trong công cuộc phát triển cộng đồng cần phải hết sức dè dặt. Nhờ phát triển cộng đồng ta có thể biến thù ra bạn và cũng có thể làm cho bạn hóa ra thù. Có những người chỉ muốn lập công với thượng cấp nên rút cuộc chỉ làm cho người dân ta oán, oán trách chánh quyền.

3) Gần đây chúng tôi có cơ hội đọc một bầu tin tức Hà-nội, trong đó họ có nhấn mạnh rằng: « Chánh quyền miền Nam vừa mở thêm hai trại tập trung » (... ý họ muốn nói đến khu trù mật) và nơi khác « Chánh quyền miền Nam bắt ba ngàn dân đi sưu dịch » (... ý họ muốn chỉ phát triển cộng đồng). Tất nhiên, đó là một bản tuyên truyền xuyên tạc đầu độc dân miền Bắc. Nhưng dân miền Nam chúng ta cần phải hiểu rằng: « mình giúp mình, rồi trời sẽ giúp cho »; mình phải giúp

mình ra khỏi vòng luẩn quẩn hậu tiến xử dụng nhân công dư thừa của mình để gia tăng tư bản xã hội, gia tăng tài nguyên thiên nhiên, gia tăng kỹ thuật để nâng cao năng xuất của mình lên lần lần. Đó là điều kiện duy nhất để tiến bộ về mặt kinh tế xã hội và văn hóa. Những kẻ đã tâm đốn cao su của nhân dân trồng, phá đường sá, cầu cống, nhà cửa của nhân dân xây cất, phá hoại tinh thần tự lực cánh sinh của nhân dân, tất nhiên là những người làm trở ngại bước tiến của dân tộc. Chúng tôi tự hỏi tại sao có những cái mâu thuẫn hiển nhiên giữa bản tin tức Miền Bắc và những hành động phá hoại của Cộng-sản ở miền Nam như thế mà vẫn có người tin theo dễ dàng được?

Biết rằng từ chánh sách đến thực hành có lắm khó khăn, còn nhiều lỗi lầm, nhưng nếu người dân am hiểu chánh sách hơn, người có trách nhiệm cố gắng và ý thức hơn thì chắc chắn mọi sự sẽ hóa ra dễ dàng. Nếu những lời chúng tôi nói đây chỉ sửa sai được mỗi một sự hiểu lầm nhỏ về vấn đề phát triển cộng đồng, thì cũng đủ để cho người thuyết trình hôm nay được sung sướng và thỏa mãn vô cùng.

HUYNH-VĂN-LANG

PHIAM-HOANG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT NANG ĐỠ NGƯỜI CỘNG TÁC

- Có nhiều cách làm tê liệt, do đây, làm nản chí người công tác ;
- Can thiệp bừa bãi vào khu vực đã giao phó cho họ ;
- Xét xử luôn luôn những việc thuộc phạm-vi quyền-hành của họ ;
- Không cho họ được tự phát sáng ý ;
- Ý kiến nào của họ đưa ra cũng cho là lỗ bịch, tức cười ;
- Kiếm cách thế đổ lỗi cho họ mà không nhận phần trách-nhiệm của mình. (Courtois)

HIỆP-CHÚNG-QUỐC

TRƯỚC NGÃ BA ĐƯỜNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

I.— MỘT TÂM - TRẠNG

Ông Kennedy đắc cử tổng - thống, nhiều người cho có nghĩa là thế kỷ XX đã lọt vào tòa Bạch-Ốc và lực-lượng bảo thủ đã chịu nhường bước cho lực-lượng tân-tiến tại Hiệp-chúng-quốc.

Toàn thế thế - giới chờ đợi những biện pháp mới mẻ và cương-quyết của tòa Bạch-ốe đòi chủ, trước những cuộc tấn công mãnh liệt và qui mô của cộng - sản trong khắp hoàn cầu.

Ai cũng tin tưởng người mới, tất sẽ có tinh thần mới, và với tinh thần mới, Hiệp-chúng - quốc chắc có hy - vọng ngăn chặn hữu hiệu hơn bước tiến vũ bão của người cộng-sản trong trận chiến tranh lạnh.

Tinh thần mới ấy nó sẽ thế nào ? và nó cần được thể hiện ra sao ? Lúc này hình như đa số người Mỹ chưa ý thức rõ rệt và cũng chưa muốn ý thức rõ rệt. Họ chỉ cảm thấy cần phải thay đổi tình-trạng hiện nay, không thể để nó kéo dài hơn nữa. Còn như thay đổi tình trạng trên theo chiều hướng nào và để đi tới đâu, họ có vẻ như không lấy đó làm điều đáng quan ngại.

HIỆP-CHÚNG-QUỐC...

Tâm trạng ấy không chỉ là tâm trạng của hạng bình dân Mỹ mà cũng là tâm trạng của nhiều nhà trí thức Mỹ. Người ngoại quốc không hiểu tâm trạng ấy thường lấy làm khó chịu và cho dân tộc Mỹ là một dân tộc thiếu suy nghĩ, nhiều khi không biết mình muốn cái gì.

Thật ra đó chỉ là biểu chứng của một đức tính đặc thù của người dân Mỹ, đức tính lạc-quan trước cuộc đời và tin-tưởng sắt đá vào ngày mai nhất định chiến thắng.

Là người ngoại quốc, chúng ta có quyền nghi ngờ hậu quả tốt đẹp của một tinh thần lạc quan mà chúng ta cho là phi lý đó, nhưng chúng ta không thể chối cãi chính nó đã đóng vai trò chủ yếu trong sự phồn vinh của Hiệp-Chúng-quốc từ mấy trăm năm nay.

Duy đến lúc này, tinh thần ấy liệu còn đủ mãnh liệt và hiệu năng để đối phó với cái khí thế cao ngạo và quỷ quyết của người cộng-sản không ?

Câu hỏi ấy đến với chúng ta, hờn nhiên và thuận lý, sau những dịp chúng ta được hiểu rõ chi tiết của một số sự việc kiểu mẫu, tượng trưng và nhất là thấy tỏ nhiều khía cạnh tâm lý của một số nhân vật nắm quyền điều khiển tinh thần và vận mệnh của cả dân tộc Mỹ.

Chúng ta, nhiều người, vì hoàn cảnh, chưa được đích thân tới viếng nước Mỹ, chỉ biết nước Mỹ qua sách vở, báo chí, điện ảnh Mỹ và qua nhóm người Mỹ tới giúp đỡ chúng ta trong công cuộc mở mang xứ sở. Tuy nhiên, vận mệnh của họ ảnh hưởng đến vận mệnh của chúng ta thế nào, không nói chắc ai cũng rõ. Do đấy, việc tìm hiểu họ không hẳn là vô ích đối với chúng ta, nhất là tìm-hiểu cái tinh thần lạc quan, gần như ngoan cố, chúng tôi đã nói trên, và coi xem với một chính quyền mới, liệu họ có khả năng thi hành những biện pháp mới và nếu thi hành thì sẽ lợi hại thế nào ?

*
* *

Tờ báo *Le Monde* xuất bản tại Pháp từ số ngày 17, 18, 19, 20 tháng Chín năm 1960, trong một loạt bài điều tra về tình hình Mỹ quốc, có thuật lại nhiều mẩu chuyện điển hình về tinh thần của người Mỹ rất ngộ. Báo ấy thuật lại chuyện vị giáo sư Mỹ danh tiếng nọ, một hôm được mời tới dự tiệc tại nhà một đại diện ngoại giao ở Hoa-thịnh-đốn. Trong bữa tiệc, nhà ngoại giao hỏi ông giáo sư về điểm tại sao Hiệp-Chúng-quốc lại thay đổi chính sách trong vấn đề Bá-Linh là vấn đề đã được bày tỏ với ông Kơ-rút-sốp nhân cuộc hội đàm tại Camp David :

— « Vị gia chủ mời tôi dự bữa tiệc, vị giáo sư Mỹ đáp, chắc không được hài lòng về lời phúc đáp của tôi, vì tôi đã giải-thích cho vị ấy hiểu rằng Hiệp-Chúng-quốc, trái với điều vị ấy vẫn tưởng, chẳng hề bao giờ quyết-nghị một chính-sách nào đối với vấn-đề Bá-Linh, từ sau thông-điệp của ông Kơ-rút-Sốp hồi tháng mười một năm 1958. Những câu phúc đáp ứng khẩu của Tổng thống Ai-xen-hao đối với những lời chất vấn của ông Kơ-rút-sốp tại Camp David, không căn cứ trên một ý tưởng rõ rệt nào. Những câu ấy không phải là kết-quả của những suy tư chín chắn, cũng chẳng hề được coi là những lời cam-kết đứng đắn bao giờ. »

Một chính-sách không bao giờ áp - dụng

Như đề nhấn mạnh thêm về tính-chất đặc-biệt hiện nay của chính-sách Hiệp-Chúng-quốc, vị giáo-sư lại kể thêm một câu chuyện khác. Ông nói : « Mấy hôm gần đây, tôi có tham dự một hội-nghị quan-trọng tại Bộ Ngoại giao, với tư-cách chuyên viên. Hội-nghị họp dưới quyền chủ-tọa của một nhân-vật hàng đầu và thạc-luận về chính sách Hiệp-Chúng-quốc tại Viễn-đông, đặc biệt về thái-độ đối với Trung-Hoa cộng-sản. Tôi cố-gắng trình-bày quan-điểm của tôi cho thật rõ ràng. Khi tôi nói xong, vị chủ tịch Hội-nghị thân mật bắt tay tôi rất lâu, vồn vã nói với tôi ông rất tán thành ý kiến của tôi.

« Tôi ngạc-nhiên : » Ừ ? Lập-trường của tôi nghịch hẳn với đường lối chính-trị ngài đang theo đuổi mà ?...

« — Đúng rồi ! Chính-sách của tôi không phù-hợp với tin tưởng của tôi mà cũng không phù hợp với quyền-lợi chân-chính của quốc-gia. Song đó là ý-kiến duy nhất được Quốc-hội và công-luận Hiệp-Chúng-quốc tán đồng. »

Đề chấm dứt lời chứng-minh, vị giáo-sư kết-luận :

— « Thưa quý ông, rất hiếm có vị tổng-thống Hiệp-Chúng-quốc nào có được một chính-sách đối-ngoại rõ rệt và dứt khoát. Vì thật ra, nếu có, vị tổng-thống sẽ cảm thấy hết sức khó khăn trong việc thuyết-phục Nội-các, các cộng-sự-viên và nhất là Quốc-Hội nghe theo lẽ phải, lẽ đúng trong đường lối của mình. Những trở-lực ấy nhiều khi không thể gì vượt qua nổi, nên chính-sách của vị tổng-thống thường, à không được áp-dụng. »

Một thứ im lặng rất nặng nề tiếp đón những lời nói chán chường của vị giáo-sư. Cuối cùng, có người lên tiếng hỏi :

— « Nếu vậy chẳng hóa ra quý quốc không bao giờ có ược chuẩn bị đúng mức để đối-phó hữu hiệu với cuộc chiến-tranh lạnh sao ! Ngài thừa biết đối-thủ của quý quốc là một quốc-gia trong đó mệnh-lệnh tối-cao vẫn được thi-hành triệt-đề nghiêm chỉnh, và chính-sách ngoại-giao đã ấn-định rạch ròi được áp-dụng rất mau, rất mạnh ? ! »

Trước câu hỏi đột ngột, vị giáo-sư có chiều lúng túng, nhưng rồi cũng đáp lại như sau :

— « Thưa quý ông, xin quý ông hiểu cho : Hiệp-Chúng-quốc chúng tôi trước sau

chẳng bao giờ đến nỗi phải lâm vào một tình-trạng nguy khốn như người ngoài vẫn tưởng. Trong những giờ phút quyết-định của lịch-sử, như sau trận Pearl-Harbor (Trần - châu - cảng) hay cuộc xâm-lăng Triều - Tiên, các vị tổng-thống của chúng tôi đều biết phản - ứng mau lẹ, và Quốc-Hội cũng như công luận đều nghe theo các vị ấy tức khắc. Thiết tưởng ít quốc-gia nào trong thế-gới có khả-năng quyết-định được thần tốc như vậy. »

Nhưng lời chỉ - trích hình như chưa chịu thua :

— Thí dụ ngài nêu ra là những thí dụ lấy trong cuộc chiến tranh nóng — Chúng tôi không ai nghi ngờ việc người dân Hiệp-Chúng-quốc, khi cần, có thể huy động được hàng triệu nhân mạng và chế tạo được hàng triệu vũ khí. Song điều chúng ta đang thảo luận thuộc phạm vi cuộc chiến tranh lạnh. Trong cuộc chiến tranh này, có lẽ sẽ không có những trận Pearl-Harbor mới hay Triều-tiên mới. Nỗ lực cần thiết phải đem ra đối phó với tình thế bây giờ không chỉ giản dị là nỗ lực về quân sự và kỹ-nghệ, vì tính chất kỹ-thuật của nỗ lực này có thể bị bỏ vầy dễ dàng. Ngài có tin rằng, với một chính thể hiện tại, Hiệp-Chúng-quốc có đủ khả năng đối phó với ông Kơ-rút-sốp không? »

Tới điểm này, vị giáo sư tỏ vẻ không muốn kéo dài thêm cuộc tranh luận nữa. Với một nụ cười chân chất, ngây thơ, ông đoán chắc :

— « Thưa quý ông, xin quý ông chớ căn cứ vào bề ngoài mà xét đoán, rút cuộc rồi Hiệp-Chúng-quốc chúng tôi cũng sẽ tự rút mình ra khỏi vòng quẩn bách được. »

Tự do và uy quyền

Lần khác, trong một phiên họp thu hẹp của một số các nhà giáo dục, có vị giáo sư nổi danh nọ, lên tiếng giải thích cho các bạn đồng nghiệp nghe về tình trạng học-chế tại Hiệp-Chúng-quốc, nhất là về phương diện khoa học. Ông nói rất thành thực. Đối với ông thì học chế của Hiệp-Chúng-quốc hiện nay gồm nhiều khuyết điểm mà rất ít ưu điểm. Trước hết, tình trạng đó gây ra bởi chính sách phân quyền quá đáng, khiến cho các địa phương được giữ nhiều quyền tự trị, rất không lợi cho sự thống nhất học đường, đặc biệt là các học đường cao cấp. Sự phân quyền rộng rãi quá đến nỗi nhiều khi đi tới chỗ hỗn loạn. Theo ông thì trình độ chung của học sinh không được đồng đều. Ở bên những trường thật giá trị, có những trường thật tầm thường, trong đó các giáo sư được trả lương rất ít, bởi ngân sách không được dồi dào. Ông còn ngại rằng các trường tầm thường có thể có nhiều hơn các trường giá trị nữa.

Trình độ các trường đại học cũng không hơn gì, thế mà khi có người đề nghị nên chỉnh đốn lại học-chế bằng cách thiết lập một hệ thống duy nhất cho toàn thể liên bang, qui định một chương trình thống nhất cho hết các trường tiểu, trung và đại học thì nhà giáo dục trên liền tỏ ra như bị thất ý :

— « Thưa quý ông, không thể nào được. Làm như vậy là đi ngược hẳn lại với tinh thần dân chủ và tự do của chúng tôi. Chắc hẳn Quốc-Hội và công-luận nước chúng tôi không bao giờ chấp-thuận ». »

Hiện nay, ta có thể tin chắc không một người Mỹ nào quan niệm được một nước đã tự nhận là dân chủ hoàn toàn mà đồng

thời lại có một bộ quốc gia giáo dục ; đã tự nhận là biết tôn trọng tự do mà đồng thời lại ép buộc quốc dân phải chịu một học trình duy nhất và nhất định. Tuy nhiên, hiện nay, không phải là không có những người Mỹ sáng suốt nhìn nhận nước họ chưa « sản xuất » đủ những hạng chuyên viên và bác học cần thiết để đua tranh thắng lợi với Liên-Xô và ý thức rõ ràng khoa-học và kỹ-thuật đã trở nên một trong những chiến-trường quyết-định của cuộc chiến-tranh lạnh. Họ cũng không phải là không biết các phương được đang được chính-phủ đưa ra để bồi bổ những chỗ sơ hở của nền học chế, còn nhiều thiếu sót (như cần tăng quyền lợi cho ngành khoa học để xúc tiến, và khuyến-khích các công cuộc phát minh). Nhưng họ tự an ủi bằng cách kết-luận rằng các nhà bác học Mỹ vẫn còn giữ hàng đầu trên khắp mọi địa hạt, chúng có là các giải-thưởng Nobel vẫn lọt vào tay họ rất nhiều.

Kinh-tế tuy ngưng trệ song vẫn phú túc.

Một nhà kinh-doanh điều-khiển một số xí-nghiệp vĩ-đại nhất Hiệp-Chúng-quốc, công nhận hiện nay nền kinh-tế nước ông đang bị sa vào một tình trạng ngưng trệ tạm thời. Ông còn quyết đoán tình trạng ấy sẽ còn trở nên trầm trọng thêm trong vòng mấy tháng tới đây nữa. Khi có người đem so sánh hạ tầng kiến trúc của hai phe đối thủ hơn kém khác nhau : « Chúng tôi rất lấy làm ngại ngùng khi thấy các lò đá kim bên quý quốc chỉ mới sản có 50% năng xuất, mà các kiểu xe hơi mới đã khởi sự lan tràn khắp một thị trường còn đầy ngập hàng triệu xe hơi

chưa bán đi được từ năm ngoái », nhà kinh - doanh chỉ khẽ nhún vai, đáp : « Điều đó không đáng quan tâm lắm ! Mỹ-quốc chưa bao giờ phú túc bằng lúc này, dân chúng Mỹ - quốc chưa bao giờ kiếm được nhiều tiền mà cũng chưa bao giờ tiêu sài nhiều tiền bằng lúc này. Chưa bao giờ họ có nhiều xe hơi và nhiều tủ lạnh bằng lúc này. »

Một nhà chính-trị đề-cập tới vấn - đề phân chia màu da và những trở lực Hiệp-Chúng-quốc vấp phải trên đường đấu-tranh giải - phóng các người da đen. Cố nhiên nhà chính-trị ấy phàn nàn về tình-thần kỳ thị chủng-tộc của người da trắng. Nhưng khi có người phát biểu ý-kiến rằng có nên e ngại sự ngoan-cố của một số người da trắng có thể làm cho người da đen ở Phi-châu mất cảm-tình với Hiệp-Chúng-quốc không, thì nhà chính-trị ấy quả-quyết đáp lại : « Chế - độ dân - chủ của Hiệp-Chúng-quốc chúng tôi có đủ phương tiện cần-thiết để được lòng người da đen ở Phi-châu và khiến cho họ phải mến chuộng. Đồng thời chế-độ dân-chủ ấy cũng có đủ khả-năng minh chứng nó tốt hơn mà cũng cao hơn chế-độ Cộng-sản nhiều phần. »

Tuy nhiên, nhà chính-trị ấy vẫn nhất định không chịu giải thích tại sao người da đen ở Phi-châu có thể không bị thất ý khi hay tin có những công-dân của nhiều tiểu-bang Hiệp-Chúng-quốc đến nay thực-tế vẫn chưa được hưởng quyền bầu-cử, chưa được cho con đến học cùng trường với con người da trắng, chưa được ăn cùng cửa tiệm, chưa được ở cùng nhà hàng, chưa được dự lễ cùng một giáo-đường với người da trắng.

Một đối thủ chưa chuẩn bị kỹ càng

Một kinh nghiệm ích lợi mà thú vị hơn hết cho những người ngoại quốc tới thăm viếng Hiệp-Chúng-quốc có lẽ là cơ hội được tham dự vào một hội nghị bàn về công cuộc phát triển của các nước hậu tiến. Một nhà báo người Pháp được may mắn tham dự vào một hội nghị ấy, có thuật lại cho chúng ta biết nhiều tình tiết rất đáng lưu tâm. Bữa ấy, trong hội nghị, có nhiều nhân vật tên tuổi, và đề mục của hội nghị nêu ra là : *«Ấn định một chương trình hành động về giáo dục cho các nước hậu tiến»* Một ông thứ trưởng, nhiều vị cố vấn của Tổng Thống, nhiều nhân viên quan trọng trong các brain-trusts cùng tới tham gia buổi họp. Người ta bàn luận rất nhiều về lợi ích, đem lại cho nền giáo dục của các nước hậu tiến Á-Phi, về sự cần thiết phải thu phục nhân tâm các nước này, về thiên chức thiêng liêng của Mỹ-quốc trong công cuộc phổ biến các lý tưởng dân chủ tới tận hang cùng ngõ hẻm trên trái đất.

Song khi có kẻ đứng lên lưu ý mọi người về sự kiện có hàng trăm giáo viên xứ Cuba được đào tạo tại các trường đại học Mỹ quốc trước ngày Fidel Castro lên nắm chính quyền trong một thời gian khá dài, mà khi về nước họ đã trở nên hậu thuẫn vững chắc nhất của chế độ mới, thì cử tọa không ai

nói sao và tỏ vẻ như không nhìn nhận sự kiện đó. Không một ai trong hội nghị chịu thừa nhận rằng công cuộc phổ biến dân chủ không nhất thiết là phương tiện chắc chắn nhất để thủ thắng trong trận chiến tranh lạnh và việc trộn lẫn giáo dục với chính trị rất có thể không làm cho ai thoả mãn hết.

Trước con mắt của một du khách muốn ước đoán đề phân giải lẽ thắng bại giữa hai đối-thủ hiện đang đương đầu với nhau trong trận chiến-tranh lạnh, cái quang cảnh chế độ chính-trị và xã-hội Hiệp-Chúng-quốc, trong giờ phút này, phải công nhận là không được tốt tươi, vui mắt cho lắm. Người du-khách ấy khó lòng không đi tới chỗ kết-luận rằng Hiệp-Chúng-quốc hiện chưa được chuẩn-bị chu-đáo, nghiêm - chỉnh thật sự trong cuộc đấu - tranh với khối Cộng-sản. Người du-khách ấy không khỏi lấy làm băn khoăn, vì thấy có rất nhiều trở lực trên con đường của những kẻ thiện - chí muốn thiết lập những cơ cấu mới, thích hợp hơn với những nhu-cầu mới của thời-đại.

Tuy nhiên, sự trạng ấy và đáng cho mọi người bi-quan chưa ? Và vị Tân Tổng-thống Hiệp-Chúng-quốc sẽ đối phó bằng cách nào ?

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH.TUYNH

★ Người có bản-lĩnh vững mạnh thường mắc tật không tin cậy người khác. Ta thường nghe những người cầm đầu phản nản về những kẻ dưới quyền : *«Không thể tin cậy họ được» «Hễ cứ buông ra là họ làm hư việc», «Họ không có một chút sáng-kiến nào ,»* v.v. Nhưng phải làm sao họ mới có sáng-kiến được ? Và người ta tận lực tìm cách phát huy sáng-kiến của họ chưa ? (Courtois)

Dòng tư-tưởng...

Công-bình và nhân-ái

Trong xã hội, muốn duy trì trật tự và mưu cầu tiến bộ, ai cũng nhìn nhận phải lấy công bình và nhân ái làm nền tảng cho nghĩa liên-dới và tình cố kết giữa nhân dân.

Muốn thực hiện công-bình, thường phải dùng pháp-luật để ngăn chặn ; muốn thiết lập nhân-ái, thường phải dùng ngôn luận để thuyết phục.

Tuy nhiên, nhiều khi chúng ta hay có khuynh hướng muốn làm ngược lại : chỉ trông vào ngôn-luận để thuyết phục người làm điều công-bình, chỉ cậy vào pháp-luật để cưỡng - chế người làm điều nhân-ái.

Đó phải chăng là hai ảo vọng trái nghịch nhau, mà cùng nguy hại ?

PHẠM-HOÀNG

Công cuộc phòng thủ Miền Duyên-Hải

✽
B U U - K É

tiếp theo B. K. số 9 :

TRONG khi viết về cái chết thê-thảm của những người Trung - Hoa thờ ở đền Chiêu - Ứng, tôi có nói đến bọn giặc tàu ô, bọn hải phi, một tai-họa thường xuyên cho các thương-thuyền cũng như cho dân-cư miền biển.

Trong số này, tôi xin nói đến công cuộc phòng thủ của triều đình ta hồi đó.

Dưới các triều vua nhà Nguyễn, chúng ta thấy khá nhiều dụ chỉ hoặc khích-lệ binh sĩ trong việc thao-diễn thủy-quân, hoặc nêu rõ sự cần-thiết, phải có một nền thủy-quân mạnh mẽ vì nước ta nhiều sông ngòi, một phần lớn đất đai tiếp giáp với đại - dương.

Ngoài cái nạn giặc tàu ô ra, cuối triều Thiệu - Trị, chúng ta lại vướng thêm một tai họa mới, cái họa gây nên bởi bọn người Phương Tây.

Tháng 3 năm Tự-Đức thứ VII, tàu Pháp đến gây sự tại Đà-Nẵng. Vì không gặp sức kháng-cự mãnh-liệt, nên qua triều Tự-Đức, những chiếc tàu Pháp thỉnh thoảng trở lại. Khi đổ bộ cửa Đà - Nẵng, khi cửa Phúc-Thắng ở Biên - Hòa, khi ghé đảo La - Dư thuộc tỉnh Quảng-Bình, khi cửa Ba - Lạt ở Nam-Định. Nghiêm-trọng hơn cả là những vụ xảy ra vào năm Tự-Đức thứ II. Tháng 7 năm ấy, 12 chiếc tàu Pháp vào cửa Hàn, bắn phá các pháo-đài, chiếm lấy hai thành An-Hải và Điện-Hải. Chúng lại vào khuấy phá các làng Mỹ-Thị, Cẩm-Lý. Tổng-thống Lê-đình-Lý, nhân chống cự rồi bị thương nặng, mất ở Quảng-Nam.

Tháng 10, bọn lính Pháp lại vào sông Hàn và sông Nại-Hiên, nhưng quan của ta là Đào - Trí và quân lính phục kích đuổi được.

Qua tháng sau, chúng lại đánh hai đồn Hóa-Quê và Nại-Hiền, khiến hai ông Hiệp quân của ta Nguyễn-Triều và Nguyễn-An bị bỏ mình trong chiến trận . . .

Đến tháng chạp, chúng trở lại đánh phá các đồn Thạch-Giang và Nại-Hiền lần nữa.

Qua năm Tự - Đức thứ 12, quân Pháp đánh ở Biên - Hòa, Gia - Định, Cần - Thơ rồi từ đó mở đầu cho cuộc xâm - lăng nước ta.

Đứng trước nạn hải-phỉ và nạn Pháp-phỉ ta không có cách gì khác hơn là tăng - gia phòng thủ bằng cách đặt thêm đồn lũy, mua sắm thuyền bè và thao-diễn thủy binh cho thành thạo.

Cuộc phòng ngự của ta chỉ đủ sức tiêu trừ bọn giặc bể, còn đối với binh thuyền của Pháp, hầu như bất lực. Chúng vào ra như chỗ không người, tự-do muốn lui tới lúc nào cũng được, ta không đủ lực-lượng để ngăn cản.

Cho nên những cuộc tuần phòng của ta, mà tôi sẽ trình bày sau đây, chỉ có hiệu quả đối với bọn giặc bể.

*
* *

Dưới triều Minh - Mạng, tại kinh cũng như các tỉnh đều có những đội thủy binh. Tại kinh thì Chương - Vệ, còn tại ngoại Tổng - Đốc, Tuần Bõ-chính, Lãn-binh phụ-trách thao luyện binh-sĩ. Nơi nào hiểm - trở, chỗ nào sâu cạn, các đảo nằm ở đâu, cách xa bờ biển mấy dặm, nhất nhất phải biết rõ.

Năm thứ 8, vua Minh - Mạng đã ban hành một từ dụ, trong đó có một đoạn

phê-bình thủy-thủ như sau : « Trừ ba đội quân do Nội-Thủy là thành-thạo, còn ngoài ra binh-sĩ của các vệ-phái đến, nghệ-thuật còn kém cõi kỹ - luật chưa quen, thậm chí có kẻ không biết lội, rớt xuống nước thì chìm, ngồi trên thuyền cứng đờ như tượng gỗ. Lỗi đó tại các viên Thống-chế, Lãn-binh, Suất-đội không chịu tận tụy rèn luyện.

Chương-trình để bảo-vệ miền duyên-hải của ta gồm có : Thao luyện thủy-binh và tuần phòng trên mặt bể.

Thao luyện thủy-binh

a) TRÊN SÔNG.

Thao duyệt thủy-binh có hai lối, một lối trên sông và một lối trên biển. (Dưới triều Gia-Long, thủy-binh lại còn luyện tập cả trên bộ nữa. Người ta đóng từng hàng cọc, kết chèo vào, hàng trăm người thao luyện như ở trên mặt nước vậy).

Trên sông, thì ở Huế, dùng con sông Hương làm nơi thao-diễn. Giữa dòng sông, trên thượng-lưu, dưới hạ-lưu, đều có dựng nêu, trên mỗi cây nêu có cắm cờ xí. Cách luyện tập không khác gì đua trải ngày nay, mục đích là làm cho binh-sĩ trở nên lanh lẹ, tháo vát, không sợ sóng gió. Cuộc đua được tổ-chức hằng ngày, buổi mai và buổi chiều. Các ghe khởi hành từ cái nêu giữa, rồi chèo lên thượng-lưu, đoạn thẳng xuống hạ-lưu, gặp nêu phải chèo quanh một vòng gọi là lộn vè. Đua mỗi lần ba vòng sau đó mới định hơn kém. (Chiếc trước phải hơn chiếc sau ít nhất một thước mới gọi là thắng, còn chỉ xê xích nhau thì được xem như đồng hạng). Sau mỗi chuyến đua, tất cả thủy-thủ lại phải đổi ghe để được công bằng. Nếu chuyến đầu bị bại, sau khi đổi ghe lại thắng thì chuyến bại ấy được xem

như là lỗi tại ghe xấu mà không bị trách phạt. Nếu sau khi đổi ghe rồi mà vẫn thất bại khi đó mới là lỗi tại binh-sĩ kém cỏi. Thường phạt đều có thứ bậc, tùy theo vai trò nhiều hay ít quan yếu của thủy-thủ. (Những người cầm lái, cầm mũi, điều khiển cả toàn đội đều được xem như là vai quan yếu...) Phạt từ 10 đến 50 roi, còn thưởng tiền thì từ 3 đến 5 quan và nếu thắng luôn nhiều chuyến, viên suất đội có thể được thưởng đồng tiền phi-long bằng bạc.

b) TRÊN BIỂN.

Những cuộc thao luyện trên mặt biển! ẽ cổ nhiên là quan-trọng, phiền phức và tốn kém hơn, vì thế nên mỗi năm chỉ tổ-chức một lần vào ngày 1 tháng năm, ngoại trừ những dịp có mệnh lệnh của nhà vua thì không kể.

Những cuộc thao-diễn thường thường được tổ-chức ở các cửa bể Thừa-Thiên, Tư-Hiền, Qui-Nhơn (Trung-Việt) Nam-Định, Hải-Dương (Bắc-Việt) có năm tổ-chức lớn, có năm nhỏ. (Khác nhau ở tính-chất quan-trọng và số thuyền bè tham dự).

Thường thường cứ mỗi cuộc thao luyện không lớn không nhỏ thì số thuyền bè tham-dự như sau :

Cự hải đạo : 10 chiếc.

Tiểu hải đạo : 10 chiếc.

Lê thuyền : 2 chiếc

Hỏa thuyền : 1 chiếc

Lỏa đồng thuyền (Thuyền bọc đồng) : 1 chiếc.

Các ghe thuyền trên này đều mang theo khí giới. Như chiếc Cự hải có 1 đại bác, cơ lớn, 4 đại bác cơ nhỏ, 20 súng tay, 9 ống đồng phun lửa, một số pháo thăng

thiên và 1 thiên lý kính. Binh-sĩ trên thuyền gồm có 1 quan vệ, 2 suất đội, 20 lính Cẩm y, Kim ngô, 20 lính Thần-cơ, 40 lính Long thuyền, Thủy sư.

Các thuyền đều có treo cờ. Những cờ màu sắc khác nhau để tiện phân-biệt. Hoặc nền đỏ viền xanh, hoặc nền lục viền vàng, hay nền xanh viền đỏ v.v... Giữa nền cờ có viết chữ lớn. Như năm chiếc thuyền ở đạo quân hướng đông thì viết từ Đông 1 đến Đông 5. Đạo quân hướng Tây thì viết Tây 1, đến Tây 5 v.v...

Lúc thuyền của vua đến, tất cả các thuyền đều kéo lá cờ long-phan lên để nghinh giá (thứ cờ thêu rồng), Thuyền ngự kéo cờ chào trả lại. Lễ nghinh giá xong, các cờ đều hạ xuống. Thuyền ngự lại kéo lên một lá cờ đỏ rất lớn. Đó là mệnh lệnh bắt đầu cuộc thao diễn. Viên Tổng duyệt Đại-thần ngồi trong một chiếc tàu ở Trung-ương điều-khiển cuộc tập trận. (Tàu, thuyền chia làm 5 đạo : Tiền, hậu, tả hữu và trung-ương. Những cuộc thao diễn lớn, số tàu tham dự đông thì chia ra đến những 10 đội).

Sau khi nghe ba hồi trống của viên chỉ-huy, các ghe thuyền nhất loạt kéo neo và chạy về các hướng đã định sẵn. (Đoàn thuyền Nam chạy về hướng Nam, Đoàn thuyền Bắc chạy về hướng Bắc v.v... Lúc nghinh-giá và sắp sửa thao diễn ghe thuyền sắp thành một hàng chữ nhất)

Viên chỉ-huy ra lệnh bằng ba cách : Kéo cờ, đánh trống, đánh thanh la. Các ghe thuyền đều phải nhìn theo mệnh lệnh từ thuyền trung-ương phát ra. Như thấy kéo lên lá cờ đỏ thì thuyền đạo vụt chạy, nếu kéo cờ xanh cờ trắng thì đoàn thuyền

tả hữu lại chạy. Có thứ cò như cò Tứ định đại kỳ lúc kéo lên các tàu phải chạy chậm lại, nhưng thấy kéo lá Ngũ hành đại kỳ thì phải chạy rất nhanh, theo lá cò có những tiếng trống chầm chầm hay những tiếng trống thúc dục phải tiến gấp. Nếu nhìn thấy lá cò hắc bạch vân, có nghĩa là thuyền bè đi trước bị địch tấn công các thuyền sau phải bắn đại bác để giải cứu (Bắn những kẻ địch tưởng-tượng) Còn hề nghe tàu trung-ương bắn một phát súng đồng, tức là gặp lúc lâm nguy, các quân lính phải đồng thời bắn một loạt súng tay (cốt nhất là phải bắn một lần không được kẻ sau người trước), bắn đại bác cùng là bắn ra những vòi lửa.

Khi bề-mạc cuộc thao diễn, thuyền trung-ương treo lên một lá cò có chữ THỐNG (Hợp cả lại), thuyền ngự cũng treo một lá cò như thế để đáp lại. Đoạn tất cả các thuyền bè kéo cò khánh hỷ để mừng cuộc thao diễn xong xuôi.

Tuần phòng trên mặt bể

Mỗi khi trông thấy địch xác có thuyền của bọn Hải phi lai vãng ngoài bể khơi thì phải làm thế nào? Một mặt lập tức phi báo cho quan tỉnh biết để tâu về triều

đình, một mặt phi báo cho các viên quan coi giữ miền duyên hải.

Mỗi khi được tin cấp báo có hải phi, nhà vua phản ứng như thế nào?

Tùy theo số tàu của giặc. Nếu chúng xuất hiện nhiều, nghĩa là vài ba chục chiếc thì phải phái một đội thủy quân hùng mạnh đi tiêu trừ nếu chúng chỉ có một số ít thì ta lại tùy theo đó để gọi thuyền đi rượt bắt.

Tôi xin cử ra đây một vụ để làm điển hình:

Năm ấy làm năm thứ 21 triều Minh-Mạng. Tỉnh Quảng-Bình tâu về có hai chiếc thuyền giặc, mỗi chiếc vào lối 40 dứa, đều à người tâu đã đánh cướp đảo Hấp Dứ thuộc tỉnh ấy.

Ngoài việc sắc cho quan địa phương phải huy động ghe thuyền trong tỉnh để săn bắt, vua còn phái Long vũ Tả vệ Phó vệ úy Nguyễn Đức Trường, Thủy quân Hữu thủy vệ Vệ úy Nguyễn-văn-Cần, chỉ huy suất đội và binh lính cỡi hai chiếc thuyền Thanh Hải và Định Lãng, theo sau có hai chiếc ô thuyền. Trên các thuyền đều có đại bác, ống đồng phun lửa, súng trường, súng điều thương và đạn dược. Nội trong ngày phải lập tức ra biển, đi

Vì đấu gạo phải gãy lưng

Có những người vì hoàn-cảnh kinh-tế quẫn-bách, sinh-hoạt thiếu bảo-đảm, mà phải khổ công phục-vụ một phi-nghĩa. Hán văn có câu cực tả được cảnh ngộ đau đớn của hạng người ấy: « *Đầu mẽ chiết yêu* », vì đấu gạo mà phải gãy lưng, có ý nói vì chút bông-lộc mà phải chịu khuất-phục. Lại cũng có câu: « *Đê thủ hạ tâm* », cúi đầu, hạ lòng, để chỉ sự khuất-phục đó.

THẨM CẢNH NGOẠI BÊ KHƠI...

lùng ở các hòn đảo nơi mà bọn cướp hay ẩn núp, cũng là những nơi mà chúng có thể lui tới. Nếu bắt được bọn cướp, sẽ được trọng thưởng, còn nếu để chúng ung dung qua lại trên mặt biển gây ra những vụ cướp khác thì các tàu tuần tiễu sẽ phải nghiêm trị.

Cách tổ-chức những đoàn thuyền tuần tiễu, hồi đó đại loại như sau: Những chiếc tàu do kinh phái, bao giờ lực lượng cũng hùng hậu, gồm có các loại tàu nhiều dây buồm (đa sách), tàu máy và tàu bọc đồng. Đi theo đoàn này lại còn có một số thuyền nhỏ nữa. Trên thuyền trang bị Đại-bác, thần công, súng điều thương, các thứ đạn dược gồm giáo, các vật liệu dùng để hỏa thiêu quân-địch, pháo thăng thiên, ống thiên lý kính. Mỗi năm chỉ đi tuần từ tháng hai đến tháng tám là những tháng bề êm sóng lặng, qua mùa nước lớn, các thuyền lại trở về Kinh. Có mấy đoàn như thế và mỗi đoàn đi tuần một vùng gồm có nhiều tỉnh.

Mỗi khi đi tuần gặp tàu cướp thì ban ngày, bắn đại bác ba tiếng, ban đêm, ngoài ba tiếng đại bác lại còn bắn năm cái pháo thăng thiên. Hễ nghe thấy những hiệu lệnh ấy, các ghe thuyền phải đồng tâm nhất trí đuổi theo bắt cướp.

Nếu bắt được thuyền giặc thuộc loại đại hạng thì thưởng tiền 1000 quan, tiểu hạng thưởng 500 quan, bắt sống được một tên cướp thưởng 30 quan, chém chết một tên đem đầu về thưởng hai mươi quan.

Đoàn thuyền do tỉnh phái chỉ đi tuần nội địa hạt trong tỉnh. Giữa chỗ giáp giới hai tỉnh, trên bờ có cắm trụ biểu để định địa rõ phận của mỗi tỉnh. Thuyền tuần tiễu của tỉnh nào chịu trách-nhiệm riêng

tỉnh nấy. Khi đi tuần nếu xa xa trông thấy một chiếc thuyền nào tức thời kéo lên một lá cờ vàng. Nếu thuyền lớn thì treo cờ sau lái, còn thuyền nhỏ thì treo ở cột buồm. Nếu chiếc thuyền kia không kéo cờ lên tức là thuyền của quân gian phi lập tức đuổi theo để bắt. (Ban đêm dùng đèn để ra hiệu.)

Trong công cuộc tiêu trừ giặc tàu ô, người ta còn huy động đến cả lực lượng của dân chúng nữa.

Mỗi tỉnh tùy theo số thuyền buôn nhiều ít mà sắm sẵn khí giới. Và mỗi khi có chiếc thuyền nào lên đường, lý trưởng chúng thực xong, quan tỉnh liền cấp khí giới để tự-vệ, đi buôn xong trở về sẽ nạp lại.

Những làng ở miền duyên-hải, cứ mỗi ấp chia ra làm 10 đội và phải đóng một chiếc thuyền lớn, hai chiếc thuyền nhỏ, quan cấp khí giới còn tiền chi phí đóng thuyền Chánh phủ sẽ hoàn lại. Các thuyền chài phải cải chế cho nhanh và cho nhẹ. Mỗi khi nghe loan báo có bọn hải phải, phải lập tức cùng thuyền của Chánh phủ đuổi theo bắt cướp.

Trong khi khảo cứu để viết bài trên này tôi băn khoăn mãi về hai chữ tàu ô, vì mỗi người giải thích theo một lối, còn theo sách thì thú thật, tôi chưa được đọc quyển nào nói một cách rõ ràng đáng tin cậy:

Hai chữ tàu ô thường thường được giải thích như sau:

a) Tàu của bọn cướp chia ra từng ô, trong khi lâm trận, đạn bắn trúng ô nào thì chỉ lủng ô ấy thôi, không liên can đến cả chiếc tàu và do đó khó bắn chìm lắm.

b) Ô là qua. Chiếc tàu sơn đen như sắc lông quạ. (Định nghĩa này đúng được một phần nào, theo như câu chuyện viên quan đã sơn đen chiếc tàu để đánh lừa triều đình là đã hạ được tàu ô.)

c) Có kẻ cho rằng hai chữ tàu ô không phải dùng để chỉ chiếc tàu. Mà tàu đây là người tàu, tức người Trung-Hoa. Còn Ô nghĩ là đen. Bọn giặc khách này bao giờ cũng mặc áo quần đen.

Riêng trong một tờ tấu, năm Minh-

Mạng thứ 19, tôi thấy quan tỉnh Khánh-Hòa miêu tả chiếc tàu ô như sau :

« Tuần thuyền sở ngộ phi thuyền nhất sưu lương biên hắc sắc, tiền tử lương kiếm xích sắc, hậu đà trung bản lương biên họa long đầu giạng ». (Thuyền đi tuần gặp thuyền cướp một chiếc, hai bên sơn đen, trước mũi về phía hai bên má sắc đỏ, sau bánh lái, ở tấm giá giữa, hai mặt đều có vẽ hình đầu rồng.) Viên quan còn nói thêm trên chiếc thuyền này có đặt đại bác.

BỮU KẾ

PHỤ CHÚ

Chú-thích những chữ ở các kỳ báo trước :

Bằng Đoàn : tên một chiếc tàu tuần-dương rất lớn, trên đủ cả súng ống Đổng vào năm Tự - Đức thứ hai.

Thị Nội : thuộc huyện Tuy - Phước, rộng 197 trượng.

Đảo Chiêm-Dứ : thuộc huyện Diên-Phước. Trên đảo có dân cư ở làm nghề chài lưới và cả làm ruộng nữa.

Lăng trì : Một hình luật hết sức dã-man. Người bị tội, bị xẻo từng miếng thịt cho đến khi hoàn toàn còn xương. Sau đó nếu là đàn ông người ta cắt bộ phận sinh-dục, nếu đàn bà thì lấy vải nhém chỗ ấy lại, kéo ruột ra ngoài đoạn chặt tay chân và đập vụn xương ra. (Code annamite : Philastre)

Bêu đầu : Chặt đầu kẻ phạm tội, cắm vào một cái sào trên sào đó viết tên phạm nhân và kẻ rõ tội trạng. Sào này đặt tại nơi đông đúc nhiều người qua lại, mục-dịch là làm cho kẻ khác khiếp sợ.

Tam-Pháp-Ty : Một tòa án tối cao, gồm có ba cơ quan hiệp lại. Dưới triều Minh-Mạng, Tam-pháp-ty trực thuộc với nhà vua. Ty-Tam-Pháp nằm tại trong thành nội, gần cửa Đông Nam. Năm Ất-dậu (1885) vì có chiến cuộc giữa ta và Pháp, nên cơ quan này ngừng hoạt-dộng. Đến năm Thành - Thái thứ 13 (1901) mới thiết - lập lại, nhưng qua năm

Thành-Thái thứ 18 thì vĩnh-viễn bãi bỏ, tất cả mọi việc đều giao cho Bộ Hình xét xử.

Tam-pháp-ty gồm có nhân - viên cao cấp của Bộ Hình, Đô-sát-viện và Đại-lý tự hợp lại, không có hạn định kỳ, chỉ có những phiên nhóm bất thường để xét xử những vụ đặc biệt, cần đến sự can thiệp trực-tiếp của nhà vua. Nhất là những việc oan khuất, án chung-thâm đã ban-hành, phạm nhân không biết kêu-ca vào đâu nữa thì có thể nhờ đến Tam-pháp-ty.

Tại Tam-pháp-ty có một cái trống, những kẻ bị xử oan (hoặc gia-nhân) đến đánh vào cái trống ấy, gọi là Kịch cò dăng vắn (Đánh trống cho người trên nghe). Lúc bấy giờ trong Thành - Nội, quan cũng như dân, không ai được phép đánh trống. Cho nên trong Đại-Nội, nghe tiếng trống, người ta biết ngay, hiện có kẻ oan khuất đang kêu cầu để được soi xét.

Nghe tiếng trống, một người đội hoặc một người lính liền bắt ngay người đánh trống và trói lại, đoạn đem tờ tấu ấy đưa cho Trực thần. (Tức là ông quan Trực trong Nội). Ông quan này dâng ngay lên vua. Xem xong Ngài giao cho Tam-pháp-ty xét xử và chính nhà Vua giữ việc chung thẩm cho bản án này.

Nếu kẻ kêu oan mà gian dối thì sẽ bị ghép vào tội khi quân mà nghiêm trị.

VẤN-ĐỀ THÂU HỎI

VỆ-TINH

◎ VÕ-QUANG-YẾN

TRONG việc khảo tằm để tiến tới các cuộc viễn du vũ trụ sau này, vấn đề thấu hỏi vệ tinh thật là vấn đề then chốt. Thật vậy, như một chiếc xe có máy chạy được còn cần phải có cách kìm đứng lại, chiếc tàu đi vũ trụ cần phải biết cách tìm đường về, không thì làm sao thấu hỏi được máy móc đo lường đã gởi đi, không nói tới tính mệnh con người rồi đây có dịp cùng tàu ấy đi khám phá những thế giới mới lạ. Đồi bên Hoa-kỳ Liên-xô mấy tháng nay một đặng với các kế hoạch Mercury và Dyna-Soar, một đặng với lời tuyên bố « sẽ bắn gấn đây một vệ tinh có người ở » đã cho ta ít nhiều hy vọng, nhưng công cuộc thấu hỏi vệ tinh đã tiến tới đâu? Nay mai rồi đây sẽ có nhiều tin tức rõ ràng, nhưng trong lúc chờ đợi tương cũng nên duyệt lại những kết quả đã thấu được.

Discoverer XIII và XIV.

Từ một năm rưỡi nay, ở căn cứ

Vandenberg bên California, các nhà bác học Hoa-kỳ đã bắn luôn một loạt Discoverer để khảo tằm về vấn đề thấu hỏi vệ tinh. Các vệ tinh này đều do hỏa tiễn Thor bắn lên, nặng độ 136 kilô (cả tầng cuối cùng nặng vào khoảng 700 kilô), chạy quanh các cực nam và bắc quả đất ta. Các vệ tinh chạy như thường lệ, trên một quỹ đạo hình thuẩn, lúc gần quả đất nhất là 250 cây số, lúc xa nhất 700 cây số. Các nhà kỹ thuật để cho vệ tinh quay 17 vòng rồi mới tính chuyện cho vệ tinh trở về lại quả đất. Họ dùng một hỏa tiễn hồi tồ (retrofusée) để kìm vệ tinh lại. Lúc ấy, nếu vệ tinh chạy với tốc độ 7352 thước/giây, như trong trường hợp Discoverer XIII, thì chỉ hãm lại ít hơn 100 thước/giây cũng đủ để cho vệ tinh rời khỏi quỹ đạo và rơi xuống mặt đất. Thành thử nhiên liệu cần để cho chạy hỏa tiễn hồi tồ thật là ít. Các nhà kỹ thuật Hoa-kỳ tính không cần dùng cả tới nhiên liệu mà chỉ cho

VĂN-ĐỀ THẦU HỒI VỆ-TINH

dẫn ra một khí nén là đủ, Phương pháp này còn có lợi là rất chính xác. Thật ra tất cả văn đề khó khăn là ở độ chính xác này. Vệ tinh quay xung quanh quả đất cũng tự quay trên mình như quả đất xung quanh mặt trời. Khi muốn gọi vệ tinh về trước cần phải cho vệ tinh ngừng quay trên mình nhờ những hỏa tiễn nhỏ gắn trên mình vệ tinh cho thoát ra từng luồng khí. Sau đây, khi vệ tinh nằm đúng vào một hướng định trước, người ta cho chạy hỏa tiễn hồi tồ để hãm tốc độ lại. Chỉ tưởng tượng thôi ta cũng thấy tất cả khó khăn của văn đề. Vệ tinh chạy cách xa mặt đất hằng trăm cây số mà phần chính xác lại cần phải hết sức hoàn hảo. Vì vậy, mặc dầu thất bại luôn 12 lần (từ tháng 2/59 tới tháng 8/60 : 6 vệ tinh Discoverer không lên tới quỹ đạo còn trong 6 vệ tinh khác thì hỏa tiễn hồi tồ không chuyển vận thành công), các nhà bác học Mỹ không nản lòng, mỗi lần bần chí lo tính toán lại. Hôm 11/8 năm này, công phu của họ đã đem lại kết quả mỹ mãn với vệ tinh Discoverer XIII. Ra khỏi quỹ đạo sau 17 vòng chạy xung quanh quả đất, đúng trên đất Alaska, vệ tinh rời khỏi bao đựng, rơi xuống mặt đất theo đường soáy ốc trong khoảng 7 phút, chạy 143 cây số. Đền cách mặt đất 17 cây số thì dù được mở ra. Rơi chậm lại, vệ tinh phải mất 10 phút nữa mới rơi xuống mặt Thái-Bình-Dương, phía bắc khoảng tứ cạnh 360×100 cây số đã định trước. Sau đây chỉ dùng máy bay trực thăng vớt lên được.

Kết quả này đã làm phần khởi các nhà kỹ thuật nên 18/8 họ cho bắn luôn

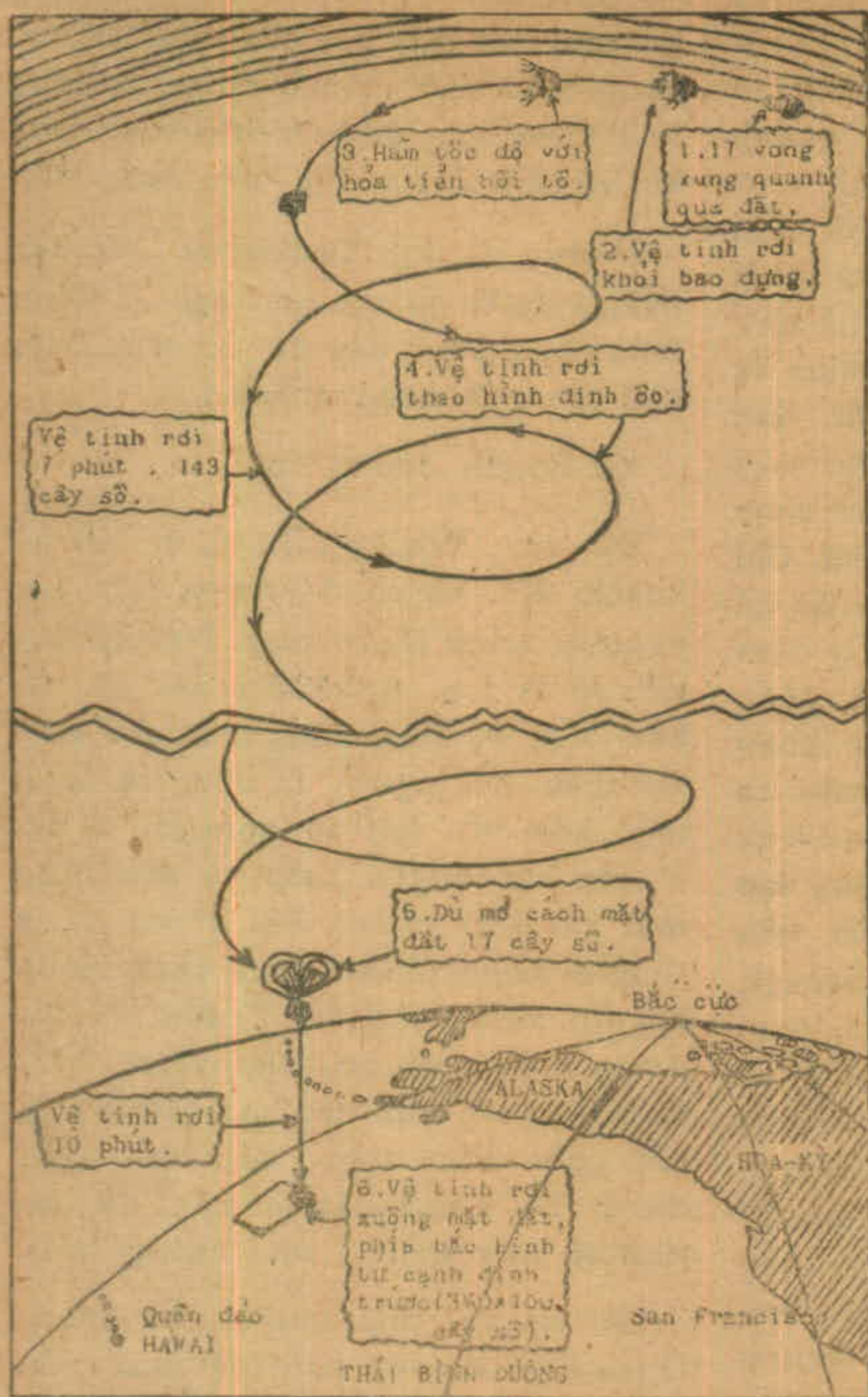
vệ tinh Discoverer XIV. Hai mươi bốn giờ sau, một máy bay của phi đội C.119 theo dõi vệ tinh với máy radar, đã dùng lưới hứng ngay được trên không trước khi vệ tinh rơi xuống đền mặt đất.

Nhưng vệ tinh Discoverer XV bắn ngày 13/9 lại là một thất bại. . . Tính toán chưa được đầy đủ và máy móc còn cần phải hoàn thành !

Kế hoạch tương lai.

Dù vậy, Hoa-kỳ hiện đã có hai kế hoạch. Kế hoạch Mercury tiếp tục chương trình Discoverer. Những hỏa tiễn sẽ là loại Atlas-Mercury có thể bắn một vệ tinh nặng tới 1100 kilô. Để thầu hồi, người ta cũng sẽ dùng một hỏa tiễn hồi tồ, xong dù sẽ mở ở lớp khí quyển thấp và sau cùng một cái đệm phóng khí sẽ tự động tung ra để vệ tinh khỏi phải chạm mạnh khi rơi xuống mặt đất. Trước khi đạt được những kết quả Discoverer XIII và XIV, các nhà bác học Mỹ tưởng tới cuối năm 1961 mới thi hành được kế hoạch này, nhưng nay họ tính sẽ hoàn thành mau chóng hơn.

Kế hoạch thứ nhì là kế hoạch Dyna-Soar dự trù bắn một hỏa tiễn phi-cơ lên làm vệ tinh. Bên cạnh các khảo tằm về vệ tinh, người ta đã nhận thấy Hoa-Kỳ không quên học hỏi về hỏa tiễn phi-cơ và hôm 12/8 chiếc hỏa tiễn phi-cơ Bell X 15 từ một phi-cơ thả ra đã bay một cao độ từ xưa chưa từng đạt được. Đây không phải là một sự tình cờ. Kế hoạch Dyna-Soar tính dùng hỏa tiễn một tầng và nhiều tầng bắn một



Thâu hồi Vệ-tinh Discoverer XIII
(Hình trích trong tuần báo l'Express số 479)

hỏa tiễn phi-cơ như vậy lên làm vệ tinh, xong hỏa tiễn phi-cơ sẽ lượn (tiếng Anh to soar: lượn) ít lâu rồi trở về lại quả đất. Hai lợi ích: phi-công có thể cho máy lên xuống trong khí quyển (nếu máy bay vì cọ xát với

không khí trở thành nóng thì có thể cho bay lên cao), và đáng khác phi-công có thể lựa chọn chỗ đậu. Kế hoạch này cũng như kế hoạch trên tính đến 1961 mới thi hành được, nhưng với các tiên triển mau chóng hiện nay người ta hy vọng sẽ nghe nói tới ngay trong năm nay.

Dù sao ta chớ nên quá lạc quan mà nghĩ rằng nay mai người đã ra khỏi được quả đất. Ngày nào vẫn để thâu hồi vệ tinh chưa được hoàn hảo thì chưa thể bắn vệ tinh, hành tinh có người ở.

Ngoài lẽ vẫn để thâu hồi vệ tinh, ta nên biết thêm Hoa-kỳ đã tiên thêm được một bước trong vụ bắn vệ tinh Echo I. Ngày 12/8, chiếc vệ tinh này bằng chất dẻo (matière plastique) bọc một lớp nhôm, nặng 62 kilô đã được bắn lên không trung xếp trong một cái bao. Khi lên tới quỹ đạo, cách xa mặt đất 1500 cây số, một chất nổ làm tung vệ

tinh ra, tự động phóng lên với một thứ khí có hệ số dẫn thật lớn, cho nên vệ tinh phóng lên tới một đường kính 30 thước. Từ quả đất nhìn mắt không, người ta đã thấy được vệ tinh giống như một ngôi sao lớn. Vệ tinh đã

VÂN-ĐỀ THÂU HỎI VỆ-TINH

được dùng để cho phản chiếu những luồng sóng điện từ quả đất gởi lên như một đài truyền thanh vậy. Người ta tính tới với ba vệ tinh loại này thì có thể làm đài vô tuyến truyền hình trên khắp mặt đất.

Những kết quả thật đặc sắc của Hoa-kỳ đã lượm được trong mấy tháng sau này, thêm với những lời tuyên bố đã đạt được chính xác hoàn toàn của Liên-xô sau vụ Spoutnik V, không khỏi làm ta mừng thắm thây vấn đề viễn du các hành tinh đã tiến bước rất nhiều.

Tin thêm giờ chót : Discoverer XVII.

Ngày 15-11 vừa qua lại một chiếc máy bay trong phi đội C. 119, mang tên « Pelican 11 », lần thứ nhì hứng được một vệ tinh Discoverer từ quỹ đạo rơi về lại quả đất. Toàn đội phi cơ này gồm có 9 người do trung úy Gene W. Jones, 39 tuổi, chỉ huy. Hôm ấy, chiếc Pelican 11 đang cùng 9 phi cơ đồng đội khác tuần tiễu trong vùng vệ tinh sẽ rơi thì viên đội Wilbug R. Gown, 31 tuổi, người đầu tiên thấy được vệ tinh lúc 12 giờ 43. Trung úy Jones, trong một cuộc nói chuyện cho các nhà báo, cho biết lúc ấy vệ tinh mắc vào dù màu bạc và cam lơ lửng vào khoảng cao độ 9000 thước, độ chừng 800 cây số phía đông bắc thành phố Honolulu. Khi vệ tinh rơi xuống độ 3000 thước, chiếc Pelican 11 lượn tới lần thứ nhất nhưng chỉ lướt qua mà thôi. Một lần thứ nhì khi vệ tinh rơi xuống 2800 thước thì phi cơ hứng ngay

được. Lúc ấy là 13 giờ 2 phút, 20 phút sau, vệ tinh được đẩy vào phi cơ, hơi méo móp ở bên ngoài nhưng ở trong thì hoàn toàn tròn vẹn. Trung úy Jones cho biết thêm công tác có phần lâu vì phải chữa một chỗ rỉ nhiên liệu, không thì công việc rất dễ dàng, nhất là hôm ấy trời tốt. Chiếc Pelican 11 đưa vệ tinh quý hoá sơn vàng về phi trường Hickham ở Honolulu và từ đây chuyển vệ tinh qua một phi cơ khác lạnh hơn chờ về lục-địa.

Người ta biết vệ tinh Discoverer XVII đã có chở nhiều dụng cụ, nhưng tới nay bộ không quân Hoa-kỳ chưa cho biết rõ những dụng cụ gì. Theo những nguồn tin không chính thức, Discoverer XVII sẽ giúp làm tinh hảo hơn những vệ tinh Samos và Midas sau này sẽ thay thế các phi cơ U 2. Như tuồng trong vệ tinh này đã có đặt máy ảnh mang phim rất nhạy có thể chụp những hình rất rõ cách 10 cây số, ngay cả ban đêm. Phát ngôn viên của bộ không quân Hoa-kỳ tuyên bố từ cách đặt vệ tinh lên quỹ đạo tới việc thu hồi, Discoverer XVII là công tác thành công nhất trong các Discoverer. Vệ tinh rời quỹ đạo đã theo đúng lệnh từ mặt đất truyền lên.

Sau vụ Discoverer XVII này, ở Hoa-kỳ người ta đang tính cho bắn một loạt vệ tinh thám thính và một sinh vật đầu tiên lên không trung, có lẽ là một con khỉ.

Võ-Quang-Yến.

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

II

Chuyện Phiếm Của ĐÔNG-HỒ

(Tiếp theo B. K. số 92 - 93)



Văn...

TRONG các thư-tịch cổ Hán-Việt, hình như hai tiếng *Văn-hóa* ít thấy có đóng đôi như chúng ta thường thấy ngày nay.

Văn... một nơi, mà... *Hóa* một nơi. Hai tiếng cũng có hai nghĩa khác nhau.

Tiếng *Văn* độc-chiếc như vậy, có nhiều nghĩa lắm. Ở đây không đề-cập hết. Hăng gạt đi những nghĩa nào không dính-dáng với câu-chuyện phiếm này, thì còn lại :

Văn là chữ-nghĩa, là tốt đẹp, là hiền lành, là đạo-đức, là những pháp-độ, lễ-nhạc, giáo-hóa đã sáng tỏ rạch-rỡ.

Đó là những nghĩa có liên-quan với tiếng *Văn-hóa* ghép đôi, như ngày nay chúng ta có.

Bây giờ từ-ngữ *Văn-hóa* đã rất phổ-biến ở mọi địa-hạt, đã được dùng đầy dẫy

trong báo-chí hàng ngày. Chúng ta cũng nên tìm lại uyên-nguyên của nó một chút.

Những tiếng đóng-đôi với tiếng *Văn*, ngày nay, không còn giữ đúng y như nguyên nghĩa ngày xưa nữa. Hoặc hoàn-toàn khác hẳn. Hoặc còn chút hơi-hướng ý-nghĩa cũ mà thôi. Chúng ta thử kiểm-điểm xem :

1.— *Văn-hóa*. Ở các sách cổ, *Văn-hóa* là *Văn-trị* và *Giáo-hóa*. Nghĩa là không đem hình phạt nghiêm-khắc làm cho dân kinh-khủng. Không đem đao-đao thương kiếm kích giết-giốc, làm cho dân đau-đớn, mà chỉ đem văn-chương lễ-nhạc, để sửa trị dân chúng, đem đạo-đức giáo-hóa để dạy dỗ dân chúng, khiến cho dân được nhờ ơn mà dân mến đức.

Căn-cứ trên chữ nghĩa thì rõ-ràng là khác với ngày nay.

2.— *Văn-học*. Ở các sách cổ, *Văn-Học* là *Văn-chương* và *Bác-học*. Như nói :

MẠN ĐÀM VỀ VĂN HÓA

Thầy Tử-Du, thầy Tử-Hạ là người kiêm cả văn-chương và bác-học. Văn-học đó là một khoa trong « Tứ khoa » của các cao-đệ Khổng-Tử. Tứ khoa là : 1.— Khoa đức-hạnh. 2.— Khoa văn-học. 3.— Khoa chính-sự. 4.— Khoa ngôn-ngữ.

3.— Văn - hiến. Ngày nay ít dùng rồi. Mà có dùng thì cũng còn giữ nguyên nghĩa xưa như các từ-điển đã định nghĩa. Ở đây xin lược đi.

4.— Văn-chương. Nguyên nghĩa cổ của nó là sáng-tỏ rạng-rỡ. Nhưng từ khi Văn-chương, đã được định-nghĩa như các từ-điển mà chúng ta thấy thì nghĩa của nó cũng không thay đổi nữa. Ngày nay cũng như ngày xưa, tiếng Văn-chương được dùng rất nhiều, và xưa nay cũng được hiểu nghĩa nó giống như nhau.

5.— Văn-vật. Là văn - hiến vật-hoa. Ngày nay ít dùng. Duy mỗi khi nói đến Hà-nội thì ai cũng nhớ đến nó mà đều tụng là đất « nghìn năm văn-vật ». Bởi câu thơ rất phổ-biến « Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long » khởi-xướng từ năm 1923 của báo Trung-Bắc tân-văn trong một cuộc thi thơ đề-vịnh Văn-miếu Hà-nội.

6.— Văn - minh. Tiếng này thực là phiền-phức. Và nghĩa của nó thay đổi luôn luôn như trào-lưu tiến-bóa thế-giới, Văn-minh, bây giờ, đã đi rất xa với tiếng văn-minh của Dịch-kinh «... Kiến long tại điền, thiên-hạ văn-minh ». Ở Kinh Dịch, Văn-minh là tiếng ghép bởi hai tiếng văn-chương và quang-minh. « Thiên-hạ văn-minh » là thiên-hạ vạn-vật được sáng-sủa vui-đẹp, rạng-rỡ ấm-áp, nhờ mưa thuận gió hòa, cho dân cày cấy trồng trọt.

Nói chi đến tiếng Văn-minh trong Văn-

minh điện, một trong Tứ-điện là : Văn-minh điện, đại-học-sĩ. Vũ-hiến điện, đại-học-sĩ. Cần-chính điện, đại-học-sĩ. Và Đông-các điện, đại-học-sĩ, của triều-đình thời quân-chủ Tiếng Văn-minh của Văn-minh điện này thì không có nghĩa Văn-minh của Kinh Dịch mà cũng không có nghĩa Văn-minh của Civilisation.

*
* *

... HÓA

HÓA là giáo-hóa, biến-hóa, hóa-sanh, hóa-dục, hóa-hành... Tiếng Hóa trong Văn-hóa, là nuôi-dưỡng, sửa-sang, dạy-dỗ, cải-biến cho trở thành tốt-đẹp văn-vẻ, sáng-sủa hiền-lành.

Cho đến khi tiếng Văn-hóa, dịch ở tiếng Culture, Culturel, thì định-nghĩa của nó đã phiền-phức, rộng-rãi theo tinh-thần tiến-hóa của xã-hội loài người. Đến giữa thế-kỷ này, thì nó đã bao trùm cả thế-giới rồi. Có cái gì mà không lọt vào phạm-vi Văn-hóa nữa.

Định-nghĩa chung của nó đến nay đã thành :

Văn-hóa là mọi công-phu, mọi sinh-hoạt, mọi hành-vi, mọi tư-tưởng, mọi suy-nghi bằng năng-lực, bằng tinh-thần, bằng trí-não của nhân-loại để khai-hóa để tiến-hóa, để cải-hóa trưởng-thành, từ bộ-lạc dã-man cho đến xã-hội văn-minh, biểu-hiện bằng mọi thành-tích, mọi phát-minh, mọi sáng-kiến mọi công-trình trong mọi lãnh-vực, mọi phương-diện : tập-quán, phong-tục tôn-giáo, đạo-đức, luân-lý, ngôn-ngữ, văn-học, nghệ-thuật, chính-trị, luật-pháp, khoa-học, văn vân...

Tiếng Văn-hóa tuy biến-đổi nhanh-chóng, tuy bao gồm rộng-rãi như vậy cũng chưa

sánh bằng, cũng chưa đuổi kịp một tiếng *Hóa* độc-chiếc trong ngôn-ngữ Việt-Nam.

Có lẽ, trong khi bị tiếng *Văn* vương mắc, nó khó lòng hoạt-động đúng mức. Cho nên, khi nó li-khai được với tiếng *Văn* thì nó đi kết-duyên gá-nghĩa, gắn-bó với không biết bao nhiêu tiếng khác rất mau-mắn rất dễ-dàng, rất gãy-gọn và rất tự-nhiên, mà không thêm e-dè gượng-gạo.

Mới đầu : Âu-hóa, Tây-hóa, Nam-hóa, Bắc-hóa, rồi kể đó : nhân-tính-hóa, tiểu-thuyết-hóa thi-vị-hóa, bi-kịch-hóa, hài-kịch-hóa.

Rồi liền đến : thần-thánh-hóa, anh-hùng-hóa, hợp-pháp-hóa, chính-thức-hóa, quan-trọng-hóa, cô-lập-hóa, trung-lập-hóa.

Bây giờ thì đã đến cơ-giới-hóa bình-thường-hóa, dân-chủ-hóa, nô-lệ-hóa, bản-cùng-hóa, lãnh-mạnh-hóa.

Cứ theo đà tiến-triển đó thì rồi sẽ còn có vô-số danh-từ được ghép đôi với tiếng *Hóa* độc-chiếc, để sáng-tạo ra bao nhiêu từ-ngữ mới, được động-tự-hóa.

Ví-dụ, rồi đây tất sẽ có những lãng-mạn-hóa, đạo-đức-hóa, chính-trị-hóa, quân-sự-hóa, chiến-tranh-hóa, hòa-bình-hóa, nguyên-tử-hóa, hỏa-tiến-hóa, ngũ-sắc-hóa, thất-thái-hóa, xanh-hóa, đỏ-hóa, phóng-đăng-hóa, lối-lãng-hóa, cao-bồi-hóa, xi-nê-hóa, buồn-cười-hóa, lạnh-lùng-hóa, nông-nàn-hóa, hương-thôn-hóa, đô-thị-hóa, chặt-hẹp-hóa, cao-rộng-hóa, chòi-tranh-hóa và binh-đình-hóa...

Người Tàu đặt ra tiếng *Hóa*, tất cũng không ngờ đâu đã làm giàu cho tiếng Việt đến được như vậy. Và có còn ai dám nghi-ngờ khả-năng tiếng Việt nữa. Dân-tộc Việt-Nam đã ngôn-ngữ-hóa, văn-tự-hóa

tiếng nói đến mức huyền-diệu tài-tinh, có lẽ chưa dân tộc, chưa từ-ngữ nào sánh kịp!

Khi tiếng *Hóa* được động-tự-hóa, có nghĩa là trở thành, đã được vận-dụng linh-hoạt và đã được hiểu nghĩa rộng-rãi như trên đó thì tiếng *Hóa* trong *Văn-hóa* rất dễ hiểu, nhờ đó mà khiến cho từ-ngữ ghép *Văn-hóa* trong ngôn-ngữ Việt-Nam, rất dễ định-nghĩa và cũng rất dễ hiểu nghĩa. Nó còn rõ-ràng gãy-gọn hơn cả tiếng *Văn-hóa* của Tàu và cả tiếng *Culture, culturel* của Tây nữa.

Định nghĩa rằng : *Văn-hóa* là nói rút ngắn, nói bao gồm của những từ-ngữ nào có tiếng *Văn* mà đã được tiếp-ngữ *Hóa*, làm cho trở thành nó.

Ví dụ : *Văn-minh-hóa* là làm cho xã-hội lạc-hậu trở thành văn-minh. *Văn-chương-hóa* là làm cho bài văn lời nói trở thành thuần-nhã ý-nhị. *Văn-đức-hóa* là làm cho những tâm-hồn hung-dữ độc-ác trở thành đặc-đức hiền-lương. *Văn-sĩ-hóa* là cố gắng học tập để trở thành văn-sĩ vân vân...

Cứ như vậy thì văn-minh-hóa, văn-vật-hóa, văn-tự-hóa, văn-từ-hóa, văn-chương-hóa, văn-học-hóa, văn-hiến-hóa, văn-nhã-hóa, văn-chính-hóa, văn-trị-hóa, văn-đức-hóa, văn-ngệ-hóa, văn-sĩ-hóa, văn-nhân-hóa, và còn biết bao nhiêu *Văn...* được *hóa* nữa, để đúc thành một *Văn-hóa* Việt-Nam...

*
* *

Chính...

Đáng lẽ cũng không cần có Chính-trị xen vào mới bàn phiếm về Văn-hóa được, nhưng bởi sở-dĩ có loạt bài này là nhân đề-tài buổi diễn-thuyết « Phản ứng của Văn-ngệ đối với Chính-trị » ; cho nên cũng phải ghé qua một chút địa-hạt

MAN ĐAM THÂU HỒI VỆ-TINH

này, để xem Văn-hóa với Chính-trị có chút liên-quan gì với nhau, hay hoàn-toàn không liên-quan gì với nhau, và nó là cái gì mà sao hễ nói đến Văn-hóa thì ai cũng thích nói đến chính-trị. Có người nói rằng : hai thứ đó cứ thích hực-hặc tách rời nhau, như chó với mèo, có người lại nói : hai thứ đó cần phải xoắn-xuýt đeo dính lấy nhau như cá với nước.

Cũng như phần trên, khi muốn nói Văn-hóa thì nói Văn... và... Hba. Ở đây, muốn nói Chính-trị thì cũng phải nói Chính... và... Trị.

Cũng như từ-ngữ Văn-hóa, từ-ngữ Chính-trị là từ-ngữ ghép bởi hai tiếng cổ để dịch tiếng *Politique* mới của Tây.

Trong các thư-tịch cổ Hán-việt, cái mà ngày nay chúng ta gọi là Chính-trị, thì cổ-nhân gọi bằng một tiếng Chính tron mà thôi. Không có tiếng Trị nổi khít liền nhau. Thỉnh-thoảng cũng có, nhưng là để nói về một nghĩa khác, và cũng ở cách nhau. Ví dụ trong sách *Quốc-ngữ* có câu « Giáo bất thiện, tắc chính bất trị » vẫn không có nghĩa gì là Chính-trị như chúng ta hiểu ngày nay.

Các sách từ-điển định-nghĩa : Chính là làm cho ngay ngắn những gì chưa ngay ngắn. (Chính sở-dĩ chánh bất chánh giả dã).

Và theo sách *Tả-truyện*, thì Chính là làm cho người dân ngay-thẳng đứng-dẫn, người dân tốt (Chính dĩ chánh dân).

Cứ như đó, thì Chính là mọi pháp-chế, cấm-lệnh, qui-tắc, luật - lệ của người trên đặt ra cho người dưới noi theo, để trở thành người ngay thẳng đứng dẫn.

Ghép với tiếng Chính, ngày xưa, không thấy có từ-ngữ Chính - trị, mà có những

từ-ngữ khác, nghĩa cũng gần với nghĩa Chính-trị. Như : Chính hóa, Chính-lệnh, Chính-giáo, Chính-sự.

* *

... Trị

Trị là sửa-sang, là làm cho tốt đẹp những gì hư xấu, làm cho lành lặn những gì bịnh tật, làm cho yên-ổn những gì nguy-hiểm, làm cho bình-định những gì loạn-lạc.

Trị-thủy là đắp đê khơi ngòi để cho hết lụt lội.

Trị-bịnh là làm cho người đau yếu trở thành mạnh giỏi.

Trị-bình là « trị-quốc bình thiên-hạ »

Trị-an là « trị tắc bất loạn, an tắc bất nguy »

Cứ như đó thì Chính-trị là dùng chính-lệnh, chính - sách, chính - giáo để làm cho thiên-hạ và quốc-gia bình-trị.

Người dân được ơn nhờ Chính-trị mà no ấm yên lành. Nước nhà cũng nhờ Chính-trị mà vẻ-vang rực-rỡ.

Chính-trị tốt đẹp thay và Chính-trị công-đức thay !

* *

Chính-trị biến thể

Chính-trị, từ « Chính » thuần-túy của xã-hội cổ Đông-phương cho đến « *Science politique* » của xã-hội Tây phương, đã có nhiều biến đổi.

Đời xưa thì đã lâu xa rồi, xin không nói đến. Tây-phương thì phiền-phức lắm, cũng xin không nói đến nữa chi.

Tbứ-vị hơn hết là chuyện Chính-trị nước nhà. Đây mới là trong phạm-vi câu chuyện phiếm mạn-dàm.

Hai tiếng Chính-Trị ghép đến với chúng ta có lẽ một lượt với gót sắt Đế-quốc Tây-phương đặt lên đất nước này.

Vì thế mà dân tộc Việt-Nam bắt đầu làm quen với hai tiếng đó bằng mọi dè-dặt, lo âu, kinh-khủng.

Gần ngót một thế-kỷ, ở giải đất này, hai tiếng Chính-Trị được hiểu bằng đủ mọi định-nghĩa khác nhau.

Quốc-dân đồng bào bị áp-bức, bị làm than hiểu nghĩa Chính-Trị là yêu nước là hy-sinh là cứu - quốc. Như nói : các nhà Chính-Trị Phan-Sào-Nam, Phan-Tây-Hồ, Nguyễn-Thái-Học, Nguyễn-An-Ninh, Tạ-Thu.Thâu. Nói đến « Chính-Trị-Phạm » như nói đến cái gì thiêng-liêng khả-kính khả-úy. Nhìn « người Chính-Trị » như có một thứ hào-quang thần-thánh.

Toàn-quyền, Khâm-sứ, Thống - đốc, Thực-dân Tây thì hiểu nghĩa Chính-Trị là làm giặc, là phiến-loạn, là quấy rối, là đòi giảm sâu, là không đóng-thuế, là mít-tinh, là biểu-tình, là rải truyền-đơn.

Triều-đình Huế, Thượng-thư, Tổng-đốc, Tuần-vũ thì hiểu nghĩa Chính-Trị là « tạo yêu-hư yết yuê ngôn. » làm cho cảm-bào ngọc-đái rung-rinh.

Bình-dân thì hiểu Chính-trị là Côn-nộn, là Lao-bảo, là Bà-rá vì thấy các Chính-trị phạm đều có trải qua đó cả.

Các nhà tàng-thư thì hiểu Chính-trị là bị xét nhà và bị đốt sách. Có một cuốn « sách Chính-trị » trong tủ là ăn không ngon, ngủ không yên.

Các nhà văn nhà báo ôn-hòa hồi 30 năm trước thì hiểu nghĩa Chính-trị là bạo-động, vì các nhà đó chỉ thích vận-động Văn-hóa mà không thích vận-động Chính-trị. Các nhà đó

nghĩ rằng : Văn-hóa là ngọn gió xuân, mà Chính-trị là cơn giông bão. Dân-tộc Việt-nam bé nhỏ có vận-động quốc-sự thì chỉ nên nhờ ngọn gió xuân diu-dặt mà không đủ sức chịu đựng cơn giông bão phũ-phàng.

Nhược - tiểu quốc như nước Việt của mình, trải bao vận-hội thăng trầm, Chính-trị theo vận nước mà đổi thay cũng không đáng lấy gì làm lạ. Hình như ở các đại-cường quốc, Chính-trị cũng không thuần-túy, cũng không nhất-trí cho nên cứ thường nghe nói đến « màu sắc Chính-trị » luôn. Chính-trị đã có màu-sắc, thì chắc là Chính-trị không thuần-nhất chánh-sắc như « Chính » của Khổng-tử thời xưa nữa.

Tôi vừa nhớ đến một điều này, không biết có đúng không. Hình như, cái mà ngày xưa Nho-giáo gọi là *Chính* đó, thì nó hiền-lành vô-tội ; còn cái mà ngày nay chúng ta gọi là *Chính-trị*, và Tây phương gọi là *Politique* đó, thì nó nguy - hiểm, ngoa-ngoắt lắm thì phải.

Nếu không thế thì sao mà các trường học thế-giới ngày nay cấm học-trò và thầy giáo bàn nói đến chuyện Chính-trị.

Thời xưa thì khác. Dở các sách Nho mà xem thì thấy đầy dẫy những câu thầy trò hỏi-han, chất-vấn, bàn-bạc, thảo-luận với nhau về Chính-trị.

Chỗ nào cũng thấy những là : Tử-Cống vấn Chính, Nho-n đạo Chính, Tử-Lộ viết Chính, Quý-Khang-tử vấn Chính ư Khổng-tử, Khổng-tử đối viết Chính..:

Thì không biết rằng trường-học của nhà Nho tổ-chức lỏng-lẻo hay là vì Thầy Khổng-Khâu nông-nổi không dè Chính-trị là nguy-hiểm.

ĐÔNG-HỒ

20-XI-60

TÊN CÁ TRONG NGŨ - VIỆT

◎ NGUYỄN BẠT-TỤY

(Tiếp theo B. K. số 92)

II. - Đường-lối đặt tên cá Ghép

Tên cá ghép có nhiều hơn tên cá đơn xa, vì ngoài một số tiếng ghép dùng để chỉ hẳn một thứ cá không thuộc loại nào, nhiều tên do những tên cá có sẵn hợp với một tiếng chỉ tính-cách để phân-biệt loại nọ với loại kia. Số tiếng đơn trong một ngữ thường bị hạn-chê trong phạm-vi hệ-thống âm-thanh và khả-năng kết-hợp âm-thanh của ngữ ấy, chớ số tiếng ghép khó mà sử-dụng cho hết được. Nhờ vậy, các loại cá tuy có nhiều, tương-đôi không kém gì nhiều muông thú trên mặt đất, chim-chóc trên bầu trời, cái kho âm - thanh của ta vẫn sẵn-sàng để ta khai-thác. Nhưng khai thác có phương pháp khác khai thác bừa - bãi, và ở đây

người dân thường đã tỏ ra rất khôn - khéo trong sự đặt các tên cá ghép mà ta có-thể xét về hai mặt : mặt ý-nghĩa và mặt mẹo-lời.

* * *

A. - Về mặt ý-nghĩa, trí tưởng-và óc nhận-xét của người dân đã tỏ ra vừa phong-phú vừa sâu-sắc trong sự « trông mặt đặt tên » cho hàng bao nhiêu con cá bằng những tiếng ghép lại. Những tên cá ghép ấy có-thể thuộc bốn loại chính : hai tiếng không nghĩa, hai tiếng chỉ tính-cách, hai tiếng chỉ một vật để so-sánh, một tên cá với một hay hai tiếng để biệt-loại.

I. - Những tên cá do hai tiếng không nghĩa ghép thành không có nhiều cho lắm: Ngoài vài tên cá ở

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

vùng Thanh-Hóa, như cá *be-be*, cá *mây-ca*, cá *nhật-tiền*, cá *tránh-chanh*, ta hãy thử mô-tả vài con ở miền Nam và Trung Dười :

Cá *bàn-xa*, mình đẹp, hình tròn, màu xám, có ba băng đen ngang mình và hai vi dài vòng ra phía sau như hai cánh nhọn.

Cá *bao-hầu*, mình tròn, dài đến 2 mét, giống cá cò nhưng mỏ ngắn hơn và vi-lưng thấp hơn.

Cá *chào-giao*, không vây, mình giẹp nằm, chiều-rộng có khi đến 3 mét kể cả vi mà chiều-dài thì không bằng, lưng xanh màu chì bụng và vi-bụng trắng, trước đầu có hai cái nạng.

Cá *lò-có*, mình đẹp đứng, hình tròn, lưng xám, bụng trắng, có rần, nặng đến nửa kí là cùng.

Cá *lươi-mươi*, mình tròn, lưng xanh lợt, bụng trắng, lớn bằng nửa cổ-tay.

2. Những tên cá chỉ tính-cách thường căn-cứ vào hình dáng hay màu-sắc của một bộ-phận nào đó của cá. Dưới đây là vài tên tiêu-biểu nhất :

Cá *bạc-má*, mình tròn đẹp, lớn hơn bấp tay, màu xanh lợt ; còn gọi là cá *lãng-tiền*.

Cá *đỏ da*, mình tròn, lớn bằng bấp tay, dài chừng 40ph, lưng xám tro, bụng đỏ.

Cá *khoang cò*, mình đẹp đứng, màu nâu sẫm, có một đốm ngang trên lưng và một cái khoang màu sữa quanh đầu ; còn gọi là *khoang cò trắng*.

Cá *thâm-vi*, thứ cá mập lưng đen, bụng trắng, có hai lớp răng, vi màu xám có một phần đen ở chót.

Cá *xanh-xương*, mình tròn, dài 1m50 trở lại, mỏ nhọn, răng sắc, da màu xanh nước biển, xương xanh đậm mà bóng ra ngoài.

Riêng con cá *thù-lù*, vì có hai bướu ở trên mắt « *thù-lù* » ra nên có tên ấy mà không nói rõ bộ-phận. Ngoài ra, vì mình nó giẹp đứng mà hình tròn như cá chim lại có mỏ nhô ra rất nhỏ và nhọn, nên nó còn có một tên khác là *chim mỏ nhọn*.

3. Những tên cá lấy ở một tiếng ghép chỉ một vật được đem ra so-sánh cũng rất gợi-hình :

Cá *bánh-giày*, không vây, mình giẹp nằm, hình-tròn, lưng nâu, có đốm trắng gần đuôi, bụng trắng, trông bè bè ra như cái « *bánh giày* » : lớn lên cá này gọi là cá *nức*.

Cá *bã-trầu*, mình đỏ lợt như « *bã-trầu* », mắt có vòng đỏ sẫm.

Cá *cắc-kè*, hình sắc giống như con « *cắc-kè* ».

Cá *lươi-trầu*, mình giẹp đứng nhưng một bên là lưng đen, một bên là bụng trắng, hai mắt ở một bên đầu khi bơi đuôi nhọn, hình-dáng khiến ta liên-tưởng đến cái « *lươi-trầu* ».

Cá *lữ-vọng*, da nhám, có gai li-ti trên vây, mình ngăm mà mập, màu vàng lợt có rần đen hay nâu sẫm, miệng rộng có hàm dưới nhô ra và phía trên hàm trên là một thứ vôi đầu có nhiều

tua cử động lên xuống được để như cho mỗi tiên vào cửa miệng mà bắt, trông như một ông «lã-vọng» thả câu.

Cá *ông-già*, ít vảy, mình giẹp đứng, màu xanh lợt, nặng một kí trở lại, có 6 cái râu, mỗi bên 3 cái, trông như râu «ông già».

Cá *lười-dao*, mình thon mà dài đến 15 ph là cùng, mỏ nhọn mà dài, lườn sắc như «dao», màu ngà-ngà, hai bên hông trắng với một sọc đen từ đầu đến đuôi.

Cá *sừng-bò*, mình hình trụ có cạnh, lưng phẳng, màu vàng lợt với những đốm nhỏ màu xanh lợt hay đen lợt, có hai cặp gai giống như cặp «sừng bò», một cặp ở đầu, một cặp ở cuối bụng.

Cá *tai-tượng*, mình giẹp nằm, hình tròn như cái đĩa, nặng đến 4 kí là cùng: còn gọi là cá *tai-bố* hay cá *tai-to*.

4. Nhiều nhất là những tên cá lập thành bằng một tên cá khác ghép với một tiếng để biệt-loại. Tiếng này có thể là :

a./ Một tiếng-năng (verbe) chỉ một cách-thức ăn-ở của cá :

lóc : *bổp-lóc*, *tràu-lóc*. Riêng con *tràu-lóc* quen gọi tắt là *lóc* ở trong Nam.

b./ Một tiếng-tính (adjectif) chỉ màu sắc (*bach*, *đe*, *đỏ*, *trắng*, *vàng*, *xanh*, v.v.) hay một tiếng tên (nom) dùng như tiếng-tính để chỉ cách phân phối màu-sắc (*bông*, *chấm*, *rần*, v.v.).

Ta hãy xét chung cả hai loại ấy bằng những thí-dụ mà, không cần phải mô-tả, ta cũng hiểu được ý-nghĩa :

bạc : *rựa-bạc*

bach : *bông-bach*

bông : *chỉnh - bông*, *đuối - bông*, *lịch - bông*, *nóc - bông*, *tràu-bông*, *trù-bông*

chấm : *rĩa - chấm*, *chang - chấm*

chi : *lịch-chi*

đen : *chim-đen*, *cơm-đen*, *trù-đen*

đỏ : *cơm-đỏ*, *lẹp-đỏ*, *mỏ-đỏ*, *sơn-đỏ*

mun : *chình-mun*

nghe : *mú-nghe*, *sơn-nghe*

rần : *ngân-rần*

sao : *giống-sao*

sọc : *ngác-sọc*

trắng : *chai - trắng*, *chim-trắng*,
mỏ-trắng

vàng : *chang-vàng*, *trác-vàng*

xanh : *chang-xanh*, *thiều - xanh*,
trác-xanh

c./ Một tiếng - tính chỉ trạng-thái, kích - thước (*bung*, *lẹp*, *móm*, v. v.), ngay đến một tiếng - tên dùng làm tiếng-tính chỉ trạng-thái, kích-thước (*bung*, *lẹp*, *móm*, v.v.), ngay đến một tiếng - tên dùng làm tiếng-tính (*sẻ*, *sim*, v.v.).

bung : *mập-bung*, *ngao-bung*

hương : *nhòng-hương* (thịt trắng mà thơm).

lẹp : *cơm-lẹp*, *hoa-lẹp*

lỡ : *nục-lỡ* (nhỏ hơn nục-sỏ)

móm : *cơm-móm* (nhỏ hơn đầu đũa).

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

móm : liệt-móm

ngang : liệt - ngang (mình tròn, rộng ngang, bụng bằng)

ngẵng : côm-ngẵng (gọi chung cá côm khi còn nhỏ)

ranh : mòi-ranh (mòi-dấu nhỏ)

sẻ : ngân-sẻ (cá ngân nhỏ)

quần-sim (trác-xanh nhỏ)

thăng : mồi-thăng (cá mồi có rần)

trúng : mòi - trúng (thứ mòi lớn, mình tròn mà ngắn)

Đôi khi trạng-thái hay màu-sắc của một bộ - phận được diễn-tả hẳn bằng một tiếng-tính ghép :

trù-méo-mắt, tức *trù-bông*

mập-thâm-vi, còn gọi tắt là *thâm-vi*

bò-vàng-vi, là loại cá bò có vi vàng

d./ Một tiếng-tên để chỉ một vật mà thân-thể hay một bộ-phận trong thân-thể con cá gọi ra được :

bị : mực-bị (mình giẹp, hình tròn, đầu to, có nhiều râu)

cờ : chim-cờ (có vi-lưng thon dài như lá cờ) ; *đuối* - *cờ* có một dẹo dài ở đuôi như lá cờ)

chuối : nhám-chuối (mình tròn như bắp chuối).

chuột : ngác - chuột (đầu nhỏ mà nhọn như đầu chuột), *nhám - chuột* (mỏ nhọn)

đòn : nhái-đòn (mình tròn, lớn bằng bắp đùi, dài một sải)

đồng-tiền : liệt-đồng-tiền (mình giẹp đứng, hình lục-lăng, màu trắng)

lá-mít : rìa-lá-mít (mình giẹp đứng hình tròn, màu xám lợt, có rần xám sẫm)

màn : đuối-màn (lớn như tấm màn nặng tới 60 kí, màu nâu, lưng có vằn, còn gọi là *đuối-gấm*)

mặt-trắng : mó-mặt-trắng (có hình lưỡ-i-liềm vàng và đen ở mỗi bên mang)

mít : nóc-mít (mình tròn như hột mít, lớn bằng ngón cái)

nang : mực-nang (lớn hơn mực-bị)

ngọc : liệt-ngọc (có ngời (1) lớn, thầy rõ hơn ở các loại liệt khác)

ngựa : bóng-ngựa (thường nhảy trên sông như « ngựa »)

nhím : nóc-nhím (có gai trắng như lông nhím)

neo : chai-neo (đầu nhám có nhiều gai và hai quai nhỏ)

ống : mực-ống (mình tròn như cái ống mà dài ; cũng gọi là *mực-thể*)

tai : sạo-tai (mình trắng, vi vàng, ở hai mang có hai cục xương cứng như hai cái tai)

trần : mú-trần (mình có rần xanh đỏ)

e./ Một tên cá đơn khác mà con cá có tên ghép trông hao-hao giống hay có những đặc-tính của nó :

cam : bè-cam (một tên khác của *cam-cu*)

cu : bè-cu, *cam - cu*, *chang - cu*, *chim-cu*

(1) Ngời là viên tròn nhỏ ban đêm trông « sáng ngời ».

nục : liệt-nục

bè : chang-bè, trác-bè

đền : xà-đền (cá xà mà mình có rần như đền)

ngộ : trác-ngộ

f./ Một tên chỉ một vật mà con cá ưa gần-gũi :

cát : bông - cát (thứ bông nước ngọt, ưa ở dưới cát)

cục : bè-cục (thứ bè đi từng đàn đông đặc như một cục)

dừa : bông-dừa (ưa ở trong bẹ dừa-nước)

vời : nục-vời (lớn bằng bắp-tay, phải câu ở ngoài khơi)

g./ Một tên chỉ một bộ-phận đáng chú-ý nhất của con cá :

da : bò-da (có da cứng)

ghim : đuối-ghim (nhỏ bằng cái đĩa, ở cạy² đuôi có một cái gai, đôi khi hai ba cái, có chắt nhờn độc, chích rất đau)

môi : kềm-môi, thiều-môi (có môi trề thừ-lừ ra)

râu : lep-râu (có hai sợi râu)

Ngoài ra còn nhiều tên khác không giải-thích được, hay xét ra không nên giải-thích một cách gượng-gạo, vì tên cá không ứng với hình-dáng hay thể-chất của nó : bè-lão, bè-quít, bò-kiền, bông-gai, bông - hàng, com - sùng, com-trồng, đối-đất, lấu-táy, lăm-hột, lăm - phẩm, liệt-lợ, liệt-nạng, mó-đá, môi - dầu, môi-xanh-bầu,

2. Phần nổi đuôi vào mình con cá.

mú-mè, nóc - bầu, nóc - gạo, nóc Trương-phi, nục-gai, nục - suông, nục-sồ, ngân-bột, ngư-ngô, sơn-đá, sơn-la, thâm-xủng, thu-ngàn, trich-dao-phay, ướp - giấy, ướp-phịch, vạng-mỡ, v.v...

Một đàn khác, một sò cá có tên riêng ở mỗi thời-kỳ trưởng-thành của nó, mới nghe ra tưởng là hai con cá khác nhau, mà thật ra thì chỉ là một con :

Khi còn nhỏ

hoa-lép

liệt-méo

nục-mộng

nục-suối

quần sim

sửu-vòi

Khi đã lớn

hoa

liệt-ngang

nục-sồ

nục-suông

trác-xanh

sửu

Một sò cá khác có hẳn hai cách gọi khác nhau tùy miền hay tùy người :

thiều cũng gọi là bạc lòng (vì bụng trắng)

thù-lù : chim-mỏ-nhọn

thiều-môi : nanh-heo

sơn-đỏ : sơn-thóc

lep-đỏ : lep-huyết

lăm : quế-hương

mó-đỏ : nạng-đào

*
* *

B. Về mặt mẹo lối³, nếu ta kiểm-điểm lại tất-cả những tên ghép

3. Như tôi đã có dịp trình bày cách đây mấy năm, trong một số Nhân loại, mẹo ngữ (grammaire), tức là những mẹo luật để sử dụng một ngữ, gồm có ba phần chính : mẹo-âm nói sơ lược về hệ-thống âm-thanh và sự phát-âm ; mẹo-tiếng xét cả về nghĩa tiếng lẫn dạng-tiếng ; mẹo lối (xynta xo) xét cả về nghĩa-lời lẫn dạng-lời.

TÊN CÁ TRONG NGŨ-VIỆT

từ loạt bài trước về các đồ đánh cá, tôm, cua, sò, ốc, đến loạt bài này riêng về cá, ta thấy rõ ngay đường - lối tạo tiếng của người dân thường. Trừ hai ba tiếng mượn « nguyên - khôi » của Tàu, như *cua-huỳnh-đế* (cũng gọi là *cua-đế* ở Tam - quan), *cá lãng - tiêu*, *cá lữ-vọng*, có bao nhiêu tiếng ghép là có bấy nhiêu chứng-cớ hiển - nhiên về tính-cách xuôi-ý của ngữ-Việt.

Vì phạm-vi bài này không cho phép phân-tách tỉ-mỉ thế nào là « xuôi-ý », tôi xin dành việc ấy lại một dịp khác. Nhưng tôi tin rằng, không cần giải-thích nhiều, bất-cứ ai trong chúng ta, dẫu học nhiều hay ít, cũng « cảm » thấy ít nhất rằng ngữ ta khác hẳn ngữ Tàu về điểm ấy. Bởi vậy, trong sự đặt tên cho các sự-vật, người dân thường ít chịu ảnh-hưởng chữ Hán, tư - tưởng cũng khác người có học-nho, nhất là người sinh-nho, hay người quá ý - lại vào các tự-điển Anh-Hoa, Pháp - Hoa.

Tạm gác ngoài các ý - niệm chuyên-môn về ngôn-ngữ, các lý-thuyết cao-xa về mẹo ngữ, ta hãy xét vắn-đẽ một cách mộc-mạc giản-dị. Lẽ-lối tư-tưởng của người dân thường, như ta đã thấy, không ra ngoài nguyên-tắc rằng, trong một tiếng ghép, ý nào đáng có trước thì nói trước, ý nào đáng đến sau thì nói sau. Nói một cách khác, thứ tự của các thành-phần trong tiếng cũng là thứ tự của những tiếng để định nghĩa cho nó, và ta phân-biệt những trường-hợp sau đây riêng với các tiếng về nghề chài lưới:

1. Tiếng - năng (verbe) đứng sau tiếng chủ (sujet), dẫu đó là tiếng-năng

không - dụng (verbe intransitif) hay tiếng-năng có-dụng (verbe transitif) :

cá-đóng là « thứ cá hay đóng vào lưới ».

tràu-lóc là « thứ tràu hay lóc mà đi ».

lưới-quát là « thứ lưới bao - quát một vùng nước để bắt cá »

tôm-võ là « thứ tôm hay võ dẫu xuống đất ».

2. Tiếng-tính tố-tính (adjectif éphithète) đứng sau tiếng-tên (nom) :

mó-đỏ là « thứ mó có thân đỏ ».

hoa-lép là « thứ hoa có mình lép ».

Nhiều tiếng-tên dùng như tiếng tính cũng theo thứ-tự ấy :

thuyền-nan là « thứ thuyền bằng nan ».

ngân-sẻ là « thứ ngân nhỏ như con sẻ ».

Nhưng khi tiếng-tên đứng-thêm cho tiếng-tính thì tiếng này lại đứng trước như sẽ thấy liền dưới đây.

3. Tiếng-thêm (complément) đứng sau tiếng mà nó làm lộn-nghĩa cho, dẫu nó đứng-thêm cho một tiếng-tên hay một tiếng-tính :

Tiếng-thêm cho tiếng-tên có-thể là một tiếng-tên khác hay một tiếng-năng:

lùi-mũi là « cày lùi ở mũi thuyền ».

ống-lội là « cái ống tre để lội »

Tiếng-thêm cho tiếng-tính bao giờ cũng là một tiếng-tên.

bạc-má là « thứ cá *bạc* ở *má* » (= có má *bạc*).

đỏ dạ là « thứ cá *đỏ* ở *dạ* » (= có *dạ* *đỏ*).

*
* *

Từ nghề chài-lưới suy rộng ra các nghề khác, đâu-đâu người dân thường cũng có một lễ-lối tư-tưởng như thế. Đó là vì họ ít chịu ảnh - hưởng chữ nho và sự « dốt chữ » của họ lại là một điều may-mắn cho ngữ - Việt. Chính nhờ có họ mà ngữ - Việt ngày nay không những vẫn là ngữ-Việt mà còn thành một ngữ-Việt phong-phú, theo đúng nghĩa của tiếng này. Còn cái « phong-phú » mà người ta tưởng tìm thấy được ở các tiếng để dịch các tiếng khoa-học Âu-Mỹ gần đây, mượn nguyên-văn của Tàu hay rập khuôn theo Tàu, chỉ là một cái phong-phú giả tạo hạ-thấp tinh-thần nòi - giống, đê-bệ tự-ái dân-tộc.

Vẫn biết trong bao nhiêu thế-kỷ nay giao-tiếp với Tàu, chịu sự chi phối của văn-hoá Tàu, ta đã mượn của họ rất nhiều tiếng ngược với tinh-thần ta và tới nay cũng không sao loại-bỏ được, hoặc vì không tìm được tiếng khác

khác thay-thế như *quân-tử*, *tiểu-nhân*, hoặc vì đã hiểu ra cách khác, như *kì-cùng*, vốn là « chỗ cùng của cái đó », đã thành nghĩa « cho đến cùng », do đó ta còn nói : làm cho *kì* được, ăn cho *kì* hết. Nhưng chúng ta có-thể thấy rằng trong ngôn-ngữ hàng ngày cũng như trong văn-chương, từ bao nhiêu đời nay, người-Việt ta vẫn tỏ ra một xu-hướng rõ-rệt muốn đi sát với tinh-thần nòi-giống. Xu-hướng ấy ta nhận thấy trong đám bình-dân đã đành, mà còn ngay trong giới nho-sĩ nữa, và ta không lấy làm lạ khi ghi-nhận những tên về nghề chài-lưới trên đây đượm một màu-sắc dân-tộc đặc-biệt.

Cũng chính vì chú-trọng vào màu-sắc dân-tộc ấy mà tôi đã nói *ngữ-Việt*, *ngữ-Pháp* thay vì *Việt-ngữ*, *Pháp-ngữ*. Tôi ước-mong sẽ có dịp trình-bày quan-điểm của tôi một cách rõ-ràng đầy-đủ hơn nữa, và bây giờ chúng ta thấy thông-cảm biết bao với người dân thường mà vai-trò trong công-cuộc xây-đắp nền-móng ngôn-ngữ ta không tầm-thường như ta tưởng.

Nguyễn Bạt-Tuy

* Một người cầm đầu xứng - đáng trước hết là người biết che chở cho những người làm việc dưới quyền. Tâm hồn tôi tớ và tâm hồn thủ-lãnh tâm hồn nào sẽ thắng ? Nếu tâm-hồn tôi tớ thắng, thì người cầm đầu hy-sinh kẻ dưới dễ bỏ dỡ kẻ trên. Còn nếu tâm-hồn thủ-lãnh thắng thì người cầm đầu che chở kẻ dưới như người cha che chở đàn con, đến mức có thể hy-sinh cả chính thân mình... Những người đồng thời với chúng ta hiện đang thiếu sức mạnh đó, nhất là binh-sĩ, cần phải trả lại sức mạnh ấy cho họ.

(Antoine Rédier)

Gửi anh em

trong « nhóm Sáng-Tạo »

TÔI vừa đọc xong Sáng-Tạo số « Nhìn lại Văn-ngệ tiền chiến ở Việt-Nam ». Thú thật tôi cảm thấy một cái gì khó thở của một bầu khí gay gắt, gây cản. Tôi nghĩ rằng nếu vấn-đề chỉ là ý-kiến của một vài người trong nhóm và được bày tỏ bằng tác-phẩm thì cũng chưa cần nêu lên những ý-nghĩa của mình làm gì. Nhưng đảng này không phải hẳn là vấn-đề ý-kiến, lập trường mà là thái-độ trình-bày ý-kiến lập trường và hơn nữa các anh còn đang báo, nghĩa là muốn được thảo-luận, chấp nhận. Chính vì nhận định rằng thái-độ trình-bày của các anh không những chẳng lợi gì Văn-ngệ, mà còn không lợi cho ngay cả các anh, nên tôi không ngại đưa ra một vài nhận xét về thái-độ đó. Tôi nghĩ rằng các anh đã có can đảm, thành thực trình bày quan điểm của mình thì cũng chẳng ngại gì không chấp nhận những nhận xét từ bên ngoài cũng do một sự chân thành đem tới. Tôi quen biết các anh cũng như quen biết cả những người mà các anh đã kích. Nhưng tôi nghĩ sự quen biết không phải để v. o hùa, bỏ qua ý hướng về sự thật, mà

trái lại nhằm lột đi những nguy trạng của thiên kiến, ác ý thường là nguồn gốc ngộ nhận, để cho chúng ta dễ nhìn thẳng vào cốt yếu trong lập-trường của người khác.

Tôi đã thất vọng một lần với những người mà các anh nhằm phản ứng lại sự công kích của họ khi tôi trình-bày vấn-đề « Văn học và luân-lý ». Thất vọng không phải vì có sự bất đồng ý — nhưng vì có ngộ nhận, hiểu nhầm. Tôi nói một đảng họ hiểu một nẻo và gán cho tôi những ý-kiến quan điểm mà tôi không thừa nhận để phê bình và tỏ bày sự bất đồng ý trên những ý kiến đó. Hiểu nhầm bóp chết Đối-thoại vì không còn vấn-đề để thảo-luận về lập-trường. Nếu còn muốn lên tiếng thì chỉ là *đình chính* trước khi trở lại đọc thoạì và im lặng. Tôi tin rằng với các anh tôi sẽ không bị thất vọng, nghĩa là tôi sẽ được đón nhận và thảo-luận dù tôi có nói thẳng, nói thật theo sự nhận định của lòng mình.

Tôi cũng xin nhấn mạnh vào điểm này : khi tôi nói đến sinh-hoạt văn-ngệ ngày nay, tôi nghĩ đến cả những người sáng-tác

trong « Thế kỷ hai mươi » hay « Hiện đại » là mấy tạp chí mà người ta thường cho là tiêu biểu hơn hết ; tuy nhiên nhận định về *thái-độ*, tôi nghĩ tới các anh trong « Sáng tạo » nhiều hơn, vì chỉ có Sáng tạo là muốn xác định lập trường một cách *tập thể* và bằng *lý luận*.

*
**

Người ta nói nhiều về sự nhộn nhịp, phong phú trong sinh-hoạt văn-nghệ ngày nay. Nhưng riêng tôi, tôi cảm thấy sự nghèo nàn của văn-nghệ ngày nay hơn thời văn-nghệ tiền chiến. Nếu căn cứ vào tác-phẩm mà đánh giá thì phải nhận rằng sinh-hoạt văn-nghệ nghèo nàn. Tuần báo, Tạp chí đứng ra không phải là sinh-hoạt văn-nghệ, nhưng chỉ là *phản ảnh* sinh-hoạt đó thôi. Vậy mà ngày nay, chúng ta chỉ có Tạp-chí tuần báo văn-nghệ, nghĩa là chỉ có những người *viết báo*, hay sáng tác *cho* tạp-chí. Đâu là những vở kịch, những tiểu-thuyết hay tập thơ được nói đến hàng tháng ? Chúng ta liên tưởng với nỗi khổ tâm của những người phải làm cái việc bắt đắc dĩ là tính số Văn-nghệ cuối năm trong những số báo xuân.

Thì cũng cứ nhận là phong phú đi, nhưng chỉ là về *lượng*, mà cũng chỉ về một vài loại (thơ, truyện ngắn). Ra nhiều Tạp-chí, viết nhiều truyện ngắn cũng chẳng khác gì ông giáo ngày nay dạy thêm giờ và cho nhiều trường khác nhau !

Ở đây, tôi không đi tìm hiểu những nguyên-nhân của sự nghèo nàn đó. Tôi chỉ ghi nhận sự nghèo nàn để nêu lên một sự kiện khác : ngày nay, chúng ta không có những nhà văn, hay nhà khảo cứu, học-giả, hiểu theo nghĩa người đã được phần đông dư luận chấp nhận. Tôi cho rằng, những

người làm công-tác văn-hóa hay văn-nghệ hôm nay, đứng ra mới chỉ là những người *đang đi* vào con đường nghiên-cứu hay sáng-tác, trong ý-định tìm kiếm một hướng đi với một ít kết quả nhỏ bé thu lượm được không đáng kể, chứ chưa phải là nhà văn, học giả. Chúng ta chưa xứng đáng vì tự kiểm-thảo, chúng ta chưa xây dựng được gì đáng kể, và cũng vì thế, chưa được phần đông dư-luận chấp nhận — Sở dĩ tôi nói chúng ta *chưa* phải là nhà văn, học giả, là vì chúng ta *mới* bước vào con đường sáng tác, chúng ta thuộc vào cái lớp người trên dưới ba mươi tuổi đầu. Cuộc chiến tranh vừa qua và sự chia sẻ đất nước đã gây nên một cách quăng giữa những lớp người trước và lớp người hôm nay. Đặc biệt ở miền Nam, sự cách quăng càng sâu rộng. Không có một liên tục giữa lớp người năm mươi và ba mươi. Phần lớn những đàn anh ở lại bên kia. Đừng nên trách, phán đoán và kết án những người ở trong những hoàn cảnh khó khăn mà mình có may mắn không vướng phải, nhất là đó lại là những người đồng nghiệp, bạn cũ. Thiết tưởng nên tôn trọng trong yên lặng sự đau khổ và những quyết định của những người mà *hiện nay* mình không có phương tiện tìm hiểu. Tôi vẫn thấy khó chịu mỗi khi nghe người ta ngồi ở đây dễ dàng kết án những người bên kia là « đầu hàng », « phản bội » « đồng lõa » v.v. Như anh Tô-Thùy yên đã làm (S.T số V.N.T.C trang 10)

Sự vắng bóng hầu hết những bậc đàn anh lớp trước đã một phần nào cắt nghĩa sự đóng góp ở-ạt của những người trẻ vào sinh hoạt văn hóa, văn nghệ hôm nay. Nhưng bởi vì chúng ta đứng trước những hoàn cảnh thật là mới sau bao nhiêu biến đổi đảo lộn, những hoàn cảnh đòi hỏi một

GỬI ANH EM TRONG « NHÓM SÁNG-TẠO »

lỗi cảm xúc, một thái độ nhận thức khác mà lại thiếu những người đi trước: cởi mở nâng đỡ, sửa soạn cho ta nên chúng ta có cảm tưởng phải tự khai phá lấy, tự mở lấy những con đường mà đi theo chiều hướng của thời đại.

Nhưng công việc khai phá đó không phải là dễ dàng gì, nhất là phải khai-thác mở đường bằng *Tác-phẩm*; vì dĩ nhiên trong sinh hoạt Văn-nghệ, tiêu-chuẩn xác định giá-trị không phải là lý-luận đã phá hay xây dựng xong về văn-nghệ, nhưng là Sáng tác.

Nhìn vào tình trạng văn-nghệ ngày nay, chính các anh cũng nhận là « chưa có những thực-hiện đáng kể » (Mai Thảo), nghĩa là chúng ta còn đang ở giai-đoạn đầu, cái giai-đoạn mà theo tôi *giá-trị* của nó không phải ở những kết-quả nhỏ mọn đã thu lượm được, mà là ở *ý-hướng đi tìm* và thiện chí của những người làm công việc khai phá.

Nhận định như thế, nên tôi, một người đọc, tôi đã muốn đi vào những sáng tác của những người làm công việc văn-nghệ hôm nay bằng một thiện-cảm với những ý-chí khai-thác sáng tạo cái mới theo chiều hướng của thời đại. Cho nên tôi nghĩ rằng cái thái-độ tất nhiên mà chúng ta phải có, khi còn đang là kẻ đi tìm, là một thái-độ khiêm tốn và cởi mở. Đây không phải là một lời khuyên ai, nhưng tôi nghĩ như thế cho chính tôi và định ninh rằng không thể có thái-độ khác.

Nhiều người theo dõi sinh-hoạt của Sáng tạo dù mang nhiều thiện cảm đến đâu đi nữa với Tạp-chí không khỏi phàn nàn về một ý-chí quy tụ thành nhóm mà lập

trường chỉ là một chống đối tiêu cực cao kỳ và hằn học. Ý-chí đó còn dè dặt trong những số đầu và đến số « Văn-nghệ tiên-chiến » đã thành một sự đả kích, gây hấn. Những lời nói đầy tự cao và bạo động đó đem lại ích lợi gì? Hoàn-toàn vô-ích, nếu không phải là tai hại, vì chỉ tạo nên và gia tăng bầu không khí « chiến-tranh lạnh » trong văn-nghệ. Các anh chẳng tiêu-diệt được những người mà anh muốn đả kích và cũng chẳng vì thế mà các anh được chấp nhận.

Nhưng trước khi bày tỏ một vài ý-kiến về quan điểm nhận-định của Sáng tạo, tôi muốn tìm hiểu những lý-do làm cho các anh khó chịu và hằn học.

Chúng ta đang sống trước một hiện tượng mà tôi gọi là « nghẹt xe » không những trong lãnh-vực văn-học mà cả trong những lãnh-vực khác. Ở đây còn nhiều xe lớn đứng chật hết cả không còn chỗ cho những xe nhỏ tiến lên được. Cho nên phải đẩy lui đi những xe lớn cồng kềnh chặn đường mà sự biệch diện chỉ là một « giữ chỗ ».

Có những vị đã tiêu biểu cho một thời-văn-học hay một trào lưu tư-tưởng đã qua. Nhưng ở thời kỳ đó, các vị ấy đều đứng vào hàng ngũ tiên-phong cách-mạng trong sáng-tác văn nghệ hay đường lối suy-tưởng. Bây giờ thì các vị đó trở thành bảo thủ và lạc hậu vì đã muốn giữ mãi lối cảm xúc, thái-độ nhận thức của một thời-kỳ để làm khuôn mẫu cho thời nay. Nói về tiểu-thuyết thì chỉ vị này, bàn về văn-hóa thì chỉ học giả kia mới là giá-trị, chính đáng. Còn những người vừa lớn lên biết gì mà nói. Nhưng những

ý-kiến của các vị đó không còn gây một ảnh-hưởng gì nơi những lớp người trẻ vì đã không phản ảnh được những thắc mắc bản khoán của họ. Các vị đáng kính đó đã viết, nói bây giờ như thể đất nước không hề có chuyện gì xảy ra từ hai mươi năm nay. Các vị đã nhầm tưởng rằng tiếng của mình phải được chấp nhận chỉ vì nói Uy-tín « Vang bóng một thời » hay chỉ vì cái địa vị cao niên của mình.

Không phải là nghi ngờ thiện chí của các vị đó, nhưng tiếc thay những cố gắng xây dựng, vì thiếu tấm lòng cởi mở, lắng nghe những thắc mắc, đòi hỏi của những thế-hệ không phải thế-hệ của mình nên đã không giải đáp được những vấn-đề thời-đại và do đó trở thành mất công vô ích.

Tôi vẫn buồn buồn khi nghĩ tới một số những bậc đàn anh mới năm mươi tuổi đầu đã trở thành « hết thời tôi rồi ». Tôi càng buồn hơn khi đối chiếu những vị đó với bậc đàn anh nước ngoài. Một François Mauriac chẳng hạn, hơn tám mươi tuổi đầu đã có con, cháu là nhà Văn, mà vẫn « xuống đường » tham dự vào tất cả những vấn-đề hàng ngày với một nỗ lực tìm hiểu, chia sẻ đầy thiện cảm những cảm xúc hay ý-nghĩ của những lớp người hoàn-toàn khác mình.

Chúng ta ghi nhận sự kiện đó như một bài học vì biết đâu chúng ta cũng sẽ như thế trong mười năm hai mươi năm nữa chỉ biết bám víu vào cuộc đời đã qua để trở thành xa lạ với cuộc đời hôm nay.

Vậy trước những thái độ « giữ chỗ » đó, tôi đồng-ý với các anh về sự cần thiết rút lui của những chiếc xe công kênh. Nhưng tôi không đồng-ý với cách thế các

anh dùng để đòi hỏi sự rút lui đó. Tại sao phải dùng đến cái phương tiện của kẻ chiến bại là chỉ trích, chế giễu, mặt sát tiêu cực? Nếu các anh « hợp thời » được dư luận hôm nay chấp nhận, thì đó là sức mạnh của các anh mà không một thế lực suy tàn nào đẩy lui được chỗ đứng của các anh trong văn đàn ngày nay. Nhưng phải chăng vì các anh sợ, mà sợ là vì còn yếu, « chưa có gì đáng kể » nên mới dùng đến lối che đậy cái yếu bằng phê-bình đã kích?

Khi các anh tự hỏi tại sao bây giờ còn có người đọc Tự-lực văn-đoàn, các anh cho rằng vì có những người văn luyện tiếc và ân-mưu duy-trì cái thứ văn « đàn bà; ấu-trĩ, khóc sụt sụt » đó như các anh đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong buổi thảo luận. Nhưng các anh không hỏi tại sao người ta vẫn tìm đọc Tự-lực văn-đoàn, dù không có những cố-gắng gọi lại và duy-trì đi nữa? Tại sao người ta không tìm đến các anh, những chứng nhân của thời-đại? Phải chăng vì Tự-lực văn-đoàn còn nói lên được cái gì, hay vì người ta không tìm thấy cái gì đáng đọc của người hôm nay, nên đành lại phải trở về cái cũ vậy? Nếu lên câu hỏi trên, chúng ta không thể không nghĩ tới tình cảnh văn-nghệ nghèo nàn ngày nay, sự thiếu sót những tác phẩm thực sự trường-thành nói lên được muôn vàn khía cạnh của cuộc đời mới.

Và như trên đã nói, trong khi tìm hiểu nguyên-nhân sự nghèo nàn đó, tôi đã nhấn mạnh vào sự non trẻ của những người làm công-tác văn-nghệ, văn-hóa. Hiện nay, nơi lớp người trẻ, tôi nghĩ rằng chúng ta chưa có những nhà phê bình văn-học những nhà văn, học giả nên tôi

cảm thấy khó chịu khi thấy người ta ra những sách giới-thiệu « nhà văn hiện đại » « nhà thơ hiện đại ». Giá công việc sưu tầm được trình bày trong một tinh thần giới-thiệu không phải là những nhà thơ, nhà văn, học giả hiện đại, nhưng hướng những mầm non đang mọc, những hướng đi mới đang thành hình thì tôi chắc sẽ được dư luận đón nhận dễ dàng hơn.

Vậy tôi thiết tưởng điểm làm cho người đọc Sáng-tạo số « Nhìn lại văn-nghệ tiền chiến » dù thiện cảm với Sáng-tạo đến đâu đi nữa, không khỏi khó chịu, bức dọc là sự cách biệt giữa những kết quả thực sự « chưa đáng kể » với thái độ tự coi là « trưởng thành » « lớn lao » của các anh.

Các anh chê văn-nghệ tiền-chiến « ấu-trĩ », đầy dẫy chuyện đàn bà con trẻ « đầy nước mắt của những người bạc nhược » là « lãng mạn », « nông cạn » vì người sáng tác non nớt và trình độ thưởng thức thời đó thấp kém, là « giả tạo », chưa sống, và nhất là bất chước vựng về, thiếu ý-thức văn-nghệ Âu-châu, mà lại bất chước cái nghệ thuật mà Âu-Châu đã bỏ qua một thế kỷ.

Nhưng nếu các anh là người trưởng thành, hay tiêu biểu cho một thời kỳ trưởng thành trong ý-thức sáng-tác và kỹ-thuật xây-dựng, và người ta là ấu-trĩ, nếu các anh hơn và người ta kém, nếu các anh lớn và người ta bé, tôi nghĩ rằng người hơn không bao giờ nên chê cười người kém. Hãy để cho người kém tự nhận là kém hay người ngoài ghi nhận sự lớn lao, trưởng thành của mình, như thế đẹp đẻ hơn.

Các anh chê người ta bằng những lời quả quyết thế này thế kia, thiết tưởng như thế không đứng đắn. Văn-nghệ tiền-chiến và văn-nghệ hôm nay cũng như hai

căn hàng trong hội chợ triển lãm. Đã hẳn là người khách hàng không thể tin nghe những lời quảng cáo hay đẹp của mỗi gian hàng. Họ đòi những minh-chứng.

Tôi cho rằng, nếu các anh tự nhận là tiêu-biểu cho văn-nghệ hôm nay và coi sự hiện diện của nó xây trên sự phủ nhận văn nghệ hôm qua, các anh chỉ có một cách chính đáng nhất để phủ nhận là *sáng-tác* và dành công việc chấp nhận sự phủ nhận đó cho người đọc, phê-bình. Còn nếu các anh muốn làm cả công việc phê bình văn-học, thiết tưởng không thể chỉ phủ nhận bằng những lời quả quyết xuống như các anh đã làm. Người đọc muốn được đứng trước một công trình nghiên cứu phân tách vô tư và đứng đắn về văn nghệ tiền chiến : quan niệm sáng tác, kỹ thuật tiểu thuyết, ảnh hưởng nhận được. Đồng thời cũng muốn được thấy các anh trình bày quan điểm và kỹ thuật xây dựng tiểu thuyết, thơ để *biện chính* cho những sáng tác của các anh.

Hiện nay, thiếu cả hai đòi hỏi đó, thế thì người đọc căn cứ vào đâu để xác nhận văn nghệ tiền chiến là ấu trĩ còn truyện ngắn, thơ mới của các anh là trưởng thành ? Tôi thường thấy những người như Sartre, Butor hay Alain Robbe-Grillet mới đây viết những bài trình bày, quan điểm lý thuyết của mình về tiểu thuyết. Tôi nghĩ rằng làm việc đó một cách thấu đáo chắc giúp cho người đọc đỡ hiểu nhầm nhiều.

Các anh chê văn nghệ tiền chiến bất chước nghệ thuật âu châu một cách vựng về, vô ý-thức và nhất là bất chước nghệ thuật mà Âu-châu đã bỏ qua một thế-kỷ. Tôi có một dự định làm công việc phê bình đối chiếu về kỹ-thuật tiểu thuyết Việt-Nam và Pháp

không những ở thời văn nghệ tiền chiến và cả những tài liệu phân tách đó để chứng minh, tôi xin phép nói trước là tôi cũng nhận thấy nhiều sự bất chước vô ý-thức và bất chước chậm lại một thế kỷ của một vài nhà văn thời văn nghệ tiền chiến, nhưng tôi cũng xin phép nói trước là một phần lớn những người viết tiểu thuyết bây giờ và trong đó có các anh, tôi nhận thấy rất nhiều bất chước kỹ-thuật Tây phương vô ý-thức và cũng chưa kịp bất chước đúng thì quan niệm mà mình bất chước đã bị vượt qua.

Sau cùng, các anh chê các nhà văn lớp trước là hời hợt, *không sống*, giả tạo. Nhận xét đó không hẳn là sai hoàn toàn, vì thời kỳ nào cũng có nhà văn sống thực và nhà văn giả tạo. Vì thế muốn tránh bất công, nên xác định rõ ràng. Nhưng nhận xét đó được nêu lên bởi những người mà dư luận vẫn coi là làm văn nghệ để « chơi », vô trách nhiệm, sống cuộc sống giả tạo, bên lề những gay gắt của thực tế trước mặt, thiết tưởng chắc không làm cho người đọc bị thuyết phục.

Riêng tôi, tôi không đòi hỏi các anh phải đi vào các ngành sinh hoạt như cán bộ để hiểu đời, có thể cứ sống « thoát ly theo lối nghệ sĩ », bệnh hoạn đi nữa miễn là làm sao xây dựng được những tác phẩm thực. Tiểu thuyết hay và không hay không phải ở chỗ nói lên được cuộc đời này và không nói lên được cuộc đời kia. Cuộc đời ở khía cạnh nào trong muôn ngàn khía cạnh của nó đều có thể làm chất liệu để xây dựng. Điều quan trọng chỉ ở tại ý-thức nghệ-thuật, có tài thuật và có ý-thức trách-nhiệm tập thể.

Nhưng phải thành thực nhìn nhận rằng những sáng tác (thơ, truyện) ngày nay

chưa nói lên được những băn khoăn thắc mắc, những vấn-đề do thời đại đặt ra. Người đọc, ngay cả lớp người trẻ cũng tìm thấy rất ít những lo lắng khó khăn của mình trong những sáng tác đó. Có một hai người như Nguyễn-Kiên-Trung trong « Kỳ hoa tử » đã phản ánh lên được phần nào những tâm tình của con người chúng ta trong hoàn-cảnh lịch-sử đất nước, thế-giới ngày nay ; nhưng rất tiếc là Nguyễn-Kiên-Trung chưa vươn ra khỏi những đối tượng phục vụ nhất thời để làm công việc minh chứng nhân danh con người ; còn chế-độ nọ, hoàn-cảnh kia chỉ nên được coi như những dịp thực-hiện công việc minh chứng đó ; hơn nữa cũng rất tiếc là Nguyễn-Kiên-Trung không quan tâm tới kỹ-thuật sáng tác.

Theo tôi nghĩ, sở dĩ những người trẻ thích đọc một phần nào những truyện bây giờ là vì sự *chân thành* của tác-giả, đối thoại với chính ý-thức của mình khi nhìn cuộc đời và những sự việc quanh mình trong một ý-định muốn suy nghĩ lại những cảm nghĩ vẫn được công nhận để tìm một hướng đi, một lối cảm xúc hợp với lòng mình và trước hết *cho* mình, chứ không phải vì tác-giả ngày nay đã thể hiện được thắc mắc chung của dân-tộc, những khó khăn riêng của tuổi trẻ trong hoàn-cảnh hiện-đại.

Trong những buổi họp bạn của học-sinh, sinh-viên, tôi thường thấy họ rất ít xử-dụng tới những sáng-tác bây giờ về thơ, chuyện ? Phải chăng chỉ vì văn-nghệ bây giờ chưa nói lên được con người Việt-Nam ngày nay đã trưởng thành nhiều về ý-thức chính-trị, ý-thức dân tộc, trong những băn khoăn khó khăn của nó ? Con người thì trưởng thành, nhưng văn-nghệ chưa trưởng thành, chưa đuổi kịp đã tiến của thực tại.

Thiết tưởng sự nhận xét đó đáng làm cho chúng ta lo lắng tích cực sáng-tác hơn là chỉ bằng lòng nhìn lại đàng sau để phủ nhận và quả quyết vị trí cao hơn của mình. Con người Việt-Nam hôm nay chắc ở một vị trí cao hơn người Việt-Nam hồi tiền chiến. Nhưng văn-ngệ hôm nay chưa chắc ở một vị trí cao hơn văn-ngệ tiền chiến.

Tôi đồng ý với các anh về nghệ thuật là một « vận động biện chứng của hủy diệt và sáng tạo » nhưng không phải hủy diệt để đi từ số không.

Ngày hôm nay ta lên đường, cũng như hôm qua, người đàn anh đã lên đường, bao giờ cũng lên đường từ một lịch-sử.

Người đi sau tiếp tục công việc người đi trước, và dĩ nhiên chỉ tiếp tục được một khi không bằng lòng dừng lại ở bước đường đã đi. Nhưng không bằng lòng với cái đã có, không có nghĩa là xóa bỏ nó. Cũng có thể gọi là chối bỏ đi, nhưng chối bỏ theo nghĩa *để đấy*, và vượt lên, chứ không phải tiêu diệt; xóa hẳn thành hư vô. Khi tôi đọc các anh, cũng như khi nghe Trần-Thanh-Hiệp diễn-thuyết về « Văn-ngệ miền Nam », tôi có cảm tưởng là các anh hiểu sự *hủy diệt* theo nghĩa hư-vô-hóa cái đã có. Nếu thật thế thì là một nhầm lẫn và cũng là một việc không thể làm được. Suy nghĩ thiết yếu là phản kháng, bất mãn, chối bỏ, vì nếu bằng lòng với cái đã có thì không thắc mắc suy nghĩ làm gì. Nhưng chối bỏ mà vẫn giữ, chối bỏ theo nghĩa biện chứng của danh-từ Aufhebung (dépassement) của Hegel. Vậy suy nghĩ, sáng-tác bao giờ cũng bắt đầu từ cái đã có, là lịch-sử, chứ không thể từ số không, từ hư vô. Nếu không có lịch-sử, ta không có đối tượng để ý-thức và sáng-tác, vậy lịch-sử

là cần thiết và giá-trị, vì nó là điều kiện thiết yếu để ta có thể lên đường, là cái để ta có thể vượt đi như Merleau-Ponty nói : « Lịch-sử là bầu khí của hiện tại ». Cụ thể hóa, nếu không có tiểu-thuyết Tự-lực văn-đoàn, thơ mới thời tiền-chiến, thì tiểu-thuyết và thơ mới ngày nay bắt đầu từ đâu, và dĩ nhiên là phải bắt đầu từ đâu, từ số không, nghĩa là còn ấu trĩ; cho nên người làm công-tác văn-hóa văn-ngệ hôm nay không thể quên được những người hôm qua. Hơn nữa chúng ta càng học hỏi lịch-sử, chúng ta càng có thể vượt xa hơn quá khứ, và ta càng có một *lịch-sử lâu đời phong-phú*, ta càng có điều kiện tạo nên những vị trí cao hơn, những kiếp sống trưởng-thành, lớn lao hơn.

Nếu chúng ta phủ nhận theo nghĩa hư vô hóa lịch-sử ta phải đi lại từ bước đầu, và nếu thế-hệ sau cũng lại bắt chước ta phủ nhận như thế, họ cũng phải đi lại từ đầu. Và như thế, bao giờ ta cũng chỉ là ở giai đoạn đầu ấu trĩ? Tiến-bộ ở đâu? Trưởng-thành ở đâu?

Đến đây, tôi có cảm tưởng là chắc các anh cũng nghĩ như tôi, và số dĩ hẳn học, tiêu cực chẳng qua là vì mất bình-tĩnh trước những phê-bình thiếu quảng-đại và sáng suốt mà thôi.

Tôi mong rằng sau những va chạm mà thiên kiến đã ngăn cản những gặp nhau có thể có được, mọi người sẽ thanh-bình duyệt lại những ý-kiến của mình và sẵn sàng đi tới người khác trong một tinh-thần cởi mở và tôn trọng tha nhân để mỗi người có thể đứng ở vị trí của mình và thực hiện sứ mệnh mà mình đã tự nhận lấy trước mặt người khác.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập.

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHOM

Dược-khoa Tán-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

« BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN »

NGUYỄN-VĂN-THU

CÙNG như mọi bữa, tôi làm cái việc thói quen, một việc không tên không tuổi là đi dạo tiệm sách : đó là cái bệnh mà tôi nuôi dưỡng vì nó cũng không hại lắm, trái lại nó còn trừ khử được nhiều bệnh khác nguy hại hơn.

. . . Đột nhập vào thế-giới giấy mực để bắt nguồn thông-cảm với những đơn-vị nhân-loại muốn suy nghĩ, - Cờ nhân hay kim thể nhân, đồng chủng hay ngoại-quốc, điều đó không cần lắm, nhưng điều cần nhất là được gặp nhau trong giây phút trên lãnh vực tinh-thần.

Lần này tôi đã sa vào một tập tiểu-thuyết mới xuất-bản : vừa lướt qua mấy đầu đề tự nhiên mắt mình sáng lên, linh tính đã báo cho biết là mình gặp thứ hàng lạ.

Hàng lạ ấy là tập « Ba người lính lâm nạn » mà Ông Nguyễn-Manh-Côn vừa cho xuất-bản.

Đó là một loại chuyện có nhiều khía cạnh đặc-biệt.

Tập truyện gồm có 5, 6 đầu đề :

- 1/ Đêm kể chuyện trên chiến-khu ;
- 2/ Bán hồn cho quỷ Satan (2 truyện).
- 3/ Đại-Úy Trường-Kỳ ;
- 4/ Chung rượu thần tiên ;
- 5/ Ba người lính nhảy dù lâm nạn ;
- 6/ Đêm 30 Tết vừa viết văn...

Tôi xin góp đôi lời bàn phẩm về truyện « Ba người lính nhảy dù lâm nạn » chuyện chánh trong toàn tập :

Bác-sĩ Mai, hạ-sĩ Khang, nữ y-tá Kiên-Trinh, là nạn nhân sống sót trong một tai nạn máy bay ở mặt trận Điện-biên-phủ. Phi-cơ đã trúng đạn cao xạ bốc cháy họ mở dù thoát ra khỏi máy bay để rơi vào một khu rừng rậm giữa tam-giác Lao-Kay, Hà-Giang và Sơn-La nơi núi non trùng trùng điệp điệp.

BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN

Giữa lúc đang thất vọng trên con đường tìm lối ra thì họ thấy tự nhiên được cứu vì họ không biết làm sao họ đã lạc vào một thế-giới khác thế-giới của Luru-Thần Nguyễn-Triệu trong truyện. Họ đã gặp Luru-Thần, Nguyễn-Thiệu. Hai vị này đã cho họ uống Linh-đơn để quên đói, đã giảng cho biết đặc tính của cái thế-giới họ đã lạc vào và đã chiều ý mọi người bằng cách cho thử xử dụng những đặc tính ấy.

Do đó Hạ-sĩ Khang đã xin trở lại Triều đình Vua Quang-Trung ngược giòng thời gian để xóa một giòng lịch sử nói một cách khác là xuống giúp Vua Quang-Trung sang tấn công Trung - Quốc được phong làm Đẳng-Vân-Hầu. Đẳng-Vân-Hầu mãi sự nghiệp quên cả cõi tiên quên cả bạn gái và chịu chết già trong giòng lịch-sử mà hẳn đã tạo ra.

Nữ y-tá Kiên-Trinh đợi mãi không thấy bạn về liền xin phép xuống trần tìm Đẳng-Vân-Hầu, gặp Đẳng-Vân-Hầu và sau khi vỡ lẽ là Khang đã lấy công-chúa nên đã tuyệt mệnh trong tuyệt-vọng.

Bác-sĩ cô-dộc nơi tiên cảnh cũng xin lỗi lại trần-thế đã kể ra câu chuyện trên này mà tác-giả ghi thành ký-sự.

Quang cảnh lúc 3 người lính nhảy dù được cứu thật là quang cảnh một phép lạ :

Ba người nhảy dù lâm nạn đã gặp người lạ
thấy người lạ,
nghe chuyện lạ
và được thí-nghiệm những điều lạ.

1) — Họ đã gặp một người « ăn mặc áo màu lam tay rất thụng, quần lụa đỏ. Tóc bạc trắng như cước. Chân bấu đi hài thêu và lơ-lửng cách mặt đất chừng 10 phân » đó là người thứ nhất.

Đây là người thứ hai « Áo hồng đào lụng thụng, quần lụa vàng chân cũng lơ-lửng khỏi mặt đất ».

2) — Thấy cảnh lạ. Cảnh lạ đây là một ngôi nhà « Nhà trông bên ngoài thì bình thường mà vào đi mãi như còn vô tận .. không khí nhẹ nhàng kỳ-dị... ánh sáng chan-hòa từ trần nhà đến góc nhà nhưng tuyệt vô không có một ngọn đèn ».

Chủ nhân mời khách an tọa trên đôi trường kỷ bằng gỗ trầm hương dưới một bức hoành bằng ánh sáng tự lại trên hoành « mờ mờ một nền hồ-thủy thành bốn chữ lớn THỜI-GIAN ĐÌNH CHỈ »

3) — Nghe chuyện lạ.

a) Chuyện lạ về thân thể chủ-nhân. Chủ-nhân xưng danh là Luru-Thần và Nguyễn-Triệu 2 nhân-vật Trung-Hoa trong một buổi vào núi hái thuốc đã thất tung giữa ngày Đoan-Ngũ. Và chủ-nhân, không cần xưng hết tính tự đã biết rõ rành mạch gia-thế sự-nghiệp của từng người và trường hợp lâm nạn.

b) Chuyện lạ về phương-pháp cứu nạn chủ-nhân đã dùng máy « Xuyên Thời Di Không Ký Ảnh » để quan-sát mặt đất và đã thấy tai-nạn xảy ra. Chủ-nhân đã đọc trên « luồng sóng Tâm-Ý » biết là những người lâm nạn có tinh thần tín-nghĩa nên đã dùng máy « Kích Dịch Không Gian » để co đường, hướng dẫn khách vào động.

Nói một cách Tây-du-ký hay là Phong-Thần thì nghĩa là hai Vị Đại-Tiên đã dùng thiên-Lý nhơn mà thấy tai nạn, dùng tha tâm thông mà rõ tâm địa của 3 người lính nhảy dù và đã rút đất để đưa họ lên cảnh thiên-thai. Họ rút đất bằng phép Tế Thần-Đình, Thần - Giáp như quân sư

Không-Minh đã dùng đề trên Tư-Mã-Ý hay là cái máy Kích Dịch Không-Gian của Lưu, Triệu cũng là một thứ gây Súc-Địa của Hoàng-hạc Đạo - Nhân Phí-Trường-Phòng.

(Hận vô Trường-Phòng súc địa thuật
Chinh-phụ ngâm)

c) Chuyện lạ về điều kiện sinh-hoạt. Thế - giới của họ là nơi mà sự-vật rung động một dịp nhanh khác, mà ánh sáng « đi nhanh hơn thường độ 90.000 triệu lần ».

Ánh sáng đi nhanh đến như thế đối với con mắt của người thế-gian vũ-trụ ấy sẽ thành vô hình, vô hình vì con mắt không kịp ghi nhận hình tướng sự vật, vô hình vì nếu dịp rung quá vận tốc ánh sáng thì vật chất sẽ biến mất. Đây là trường-hợp áp-dụng hàm-số $V = V_0 (1 - \frac{c^2}{C^2})$ giữa vận tốc, dung tích.

Một mặt khác ở nơi sự vật rung chuyển nhanh như thế thì từ điện trường sẽ có một sức mạnh vô cùng khốc liệt, năng lực tiềm tàng ở trong nội giới phải ở tối cao độ. (Xem những nét đại quan về luật tương-đối). Bởi vì thế nên người trần lên được cõi tiên không phải là chuyện dễ-dàng. Nói cõi tiên tức là nói sức chịu đựng của những sự-kiện khác thường ở nơi tiên-giới.

Thế cho nên Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu có kể chuyện là sở-dĩ họ nhập động được là vì trong khi trốn một cơn bão họ đã ẩn vào hang đá và đã lọt được vào đời sống của một kích thước khác « nhờ cơn giông bão kia tập trung và di động một khối năng lực vô cùng mãnh liệt đã mở ra một con đường hẻm nối liền hai kích thước. » Bởi vì thế, nên khi đưa bọn khách lạ vào vũ-trụ C3 của ánh sáng lập-phương, chủ nhân đã

phải bao bọc thân thể khách bằng một luồng ngoại tuyến đủ hiệu lực để bảo-vệ họ trước sức công phá của những luồng từ-điện dữ dội. Ở chỗ này ta tưởng tượng như nghe thấy LÃNH-VU, BÃNG tiên ông giảng cho lũ học trò là bọn Kim-bất-Hoán và Liên-Thành-Bích nghe biết trên thượng tầng không gian có 36 lần cương-khí. Nếu không tu thành cốt Tiên mà gặp phải thì phải hóa ngay. Nói cương-khí tức là một lối giảng về Từ-điện-trường.

Lại nữa ở đời này họ đã nuôi dưỡng bằng những viên Quang-hợp tích tụ tinh anh của ánh sáng. Nói một lối khác là họ sống bằng Tiên-đơn mà tiên-đơn là những viên thuốc có đặc tính hàm tàn một nguồn năng lực rất lớn « một viên này nuốt đi có thể sống được 1 năm ở đây tức là 90.000 triệu năm nơi dương - thế » Vì lẽ gì ở đây 1 năm lại dài bằng 90.000 triệu năm nơi Dương-Thế...

. . . Còn ở đây, ánh sáng đi nhanh hơn ánh sáng thường đến gấp 90 ngàn lần, và như thế chúng ta biết, theo tỷ-lệ nghịch thì ánh-sáng đi nhanh lên bao nhiêu, tất thời gian phải đi chậm lại bấy nhiêu nếu hình ảnh vạn vật vẫn giữ in được trước sau như một ».

Muốn qua lại với dương thế thì người nơi đây dùng một loại máy đặc biệt : « Một quả cầu sáng đục lờ mờ quay chậm chậm trong không gian » đó là địa cầu tái tạo trên tỷ-lệ 1/1.000.000. Phía dưới có một dòng chữ kỳ dị « những nét chữ màu tím ngất vẽ lên trên nền cẩm thạch màu xanh lá non những hình tròn hình vuông, những nét ngoằn-ngoè, biến động không ngừng và uyển-chuyển phô bày in hết những trái tim còn thoi-thóp sống động » Nguyễn

BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN

Triệu cho biết : Quả cầu ấy là « nguồn máy huyền vi thu hẹp lại » Dòng chữ tượng hình kia « là công thức thống nhất cần khôn... đấy chính là chữ viết nhưng chỉ viết tinh hoa của trăm ngàn thứ chữ, chữ viết có sự sống, có linh hồn. »

Nguyễn-Triệu lại cho biết tốc độ trái tiểu cầu ấy vào khoảng 11 cây số/giây tức là tốc độ của trái địa cầu ta ở.

Thứ máy này dùng để ra vào nơi ánh sáng lập phương với các vũ-trụ khác. Bước vào quả địa cầu ta có thể trở lại đời của nhân-loại. Ra khỏi trái cầu ta lại về cõi tiên. Đó là cái cửa nối liền 2 « kích thước » — Tôi dùng danh từ của tác-giả.

Hạ-sĩ Khang đã dùng cái cửa ấy để xuống nhân gian vào đúng lúc Vua Quang-Trung cần thầy thuốc để chữa bệnh và cần tướng tài để Bắc tiến.

Lưu-Nguyễn đã dùng cái cửa ấy để theo dõi Kiên Trinh.

Về quả cầu thống-nhất tôi có 2 nhận xét :

1) — Nhận xét thứ nhất về vận tốc tôi thấy tác-giả cho quả tiểu cầu ấy một triệu lần nhỏ hơn quả địa cầu thật. Nhưng Nguyễn-Quân lại cho nó quay theo tỷ-lệ 11 cây số/giây như quả địa cầu thật, tôi e rằng tốc độ ấy quá nhanh.

Cứ như ý tôi, quả địa-cầu có đường bán kính R thì quả tiểu cầu bé hơn 1 triệu lần mà có đường bán-kính r.

Giữa 2 tốc-độ vận chuyển phải có mối tương quan sau đây mới đúng : Trong một giây quả lớn chạy một đường cung A-B là 11 cây-số.

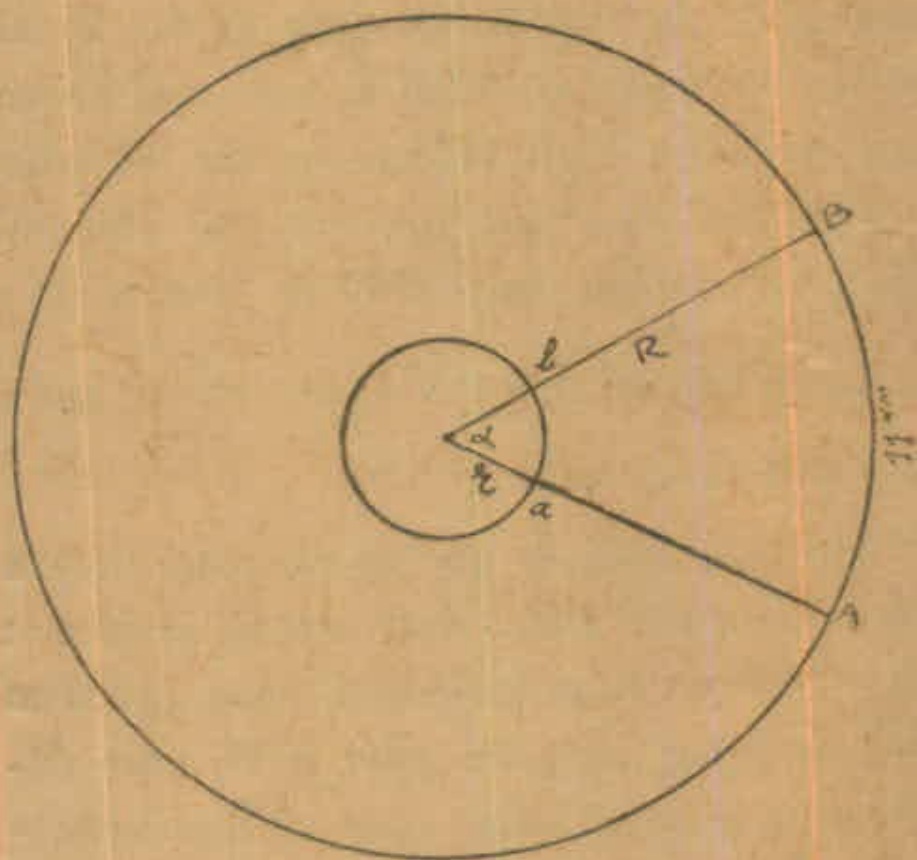
Cũng trong một giây quả con phải quay một đường cung a-b.

Thì đường bán - kính r phải thỏa mãn phương trình :

$$\frac{ab}{AB} = \frac{r}{R}$$

$$ab = AB \times \frac{r}{R} \text{ hay là } 11 \text{ km} \times \frac{r}{R}$$

Nghĩa là quả cầu con phải quay chậm hơn quả cầu lớn thì tương-đối sự vật mới giữ được đúng nhịp.



2) — Điều nhận xét thứ hai về dòng chữ thống-nhất cần khôn. Có 2 công thức hỗ tương thống nhất cần khôn :

Một, thông suốt sự vật để bao quát chi-phối và hướng dẫn.

Một, giới hạn phân tách liên lạc để hướng ứng. Tuy là 2 công thức nhưng chỉ một mục đích là sinh hóa vạn vật nên được coi như hai mặt của một sự-lý. Các Cụ nhà ta tuy có cảm thấy một cách mừng tượng nhưng không diễn tả một cách rõ ràng. Các bậc Tiên-hiền có thấu rõ nhưng

cũng không dám tiết lộ. Sau này hậu thế đem nhân hóa rồi Phong - thần mà gọi là Cửu-Thiên Huyền-Nữ và Bán-Thiên Mão Bón-Thiên Mão-Dậu.

Tác-giả đã dùng câu thống nhất cần khôn để diễn tả một cách rất sát nghĩa đúng ý và linh động hai công thức kể trên.

Tác giả đã dám nói những điều mà cò nhân e dè dẫu giếm. Tại làm sao cửu thiên và bán thiên lại là công thức thống nhất cần khôn ?

Về Cửu-Thiên.

Các sách Lý-học đều lấy vị Thần-Nữ này làm đạo Tồ, người đã mặc khái lý số học các phái âm dương, gia cao như Huyền-Lý Phái, Thần-Tiên phái, thấp như Chiêm-Nghiệm phái (Bốc, Phệ, Dịch, Toán) đều tôn kính vị Cửu-Thiên này. Thực ra Huyền Nữ chỉ là một danh-từ để mật chỉ tối cao công-thức.

Ta nhận thấy trời đất có 8 hướng. Nếu có một phương thứ chín thì tức là trung thiên, là ở giữa mà ở giữa tức là ở tất cả mọi nơi.

Cho nên Cửu-Thiên Huyền-Nữ cũng là Trung-Thiên Huyền-Nữ và gọi như thế để tiêu biểu cái nguyên lý chính trung mà ứng hiện khắp xứ, trụ ở chỗ vô trụ mà ngự trị ngũ hành bát quái, điều khiển biến hoá của sự, của lý, tức là cái công thức cốt-cán của vũ-trụ.

Về Bán-Thiên Mão Dậu,

Trời đất có ngày đêm, mà chỗ phân chia ngày đêm là giờ mão, giờ dậu, cho nên giờ mão giờ dậu là kinh, vĩ của thiên địa chỗ phân chia âm-dương, chỗ vào ra của âm dương.

Mà chỗ âm dương phân chia cũng là chỗ âm dương tiếp giáp nhau, nơi gặp gỡ của hai đường thẳng thành điểm thành góc, gặp gỡ của hai bình diện thành cạnh, chỗ trung phân và giữa các lực lượng chống trái và cưỡng lại là chỗ trói buộc liền với nhau những lực lượng ấy, cứng và mềm trắng và đen khoẻ và yếu lên và xuống, chạy và lùi, khen và chê v.v... cái chỗ diệu dụng của lớp hư không nó ngăn cách bánh xe với trục xe « không có nó, xe không chạy được » cái điểm chính trụ của cặp cơ-ngẫu lực không có nó, không quay nổi.

Cho nên vạn vật phải có một công thức thông suốt để bao-hàm và duy-trì và một công-thức phân-tích để dung-hòa kiên-kết đồng thời thúc đẩy các chuyển-biến.

Đó là những công-thức không chữ mà đầy nghĩa nó hỗ-tương ảnh hưởng lẫn nhau sinh thành lẫn nhau, nó được viết bằng sự vật và nó nằm trong thâm sâu của sự vật nên thành thủy chung cho sự vật, đó là hàng chữ nó điều động trái cầu của Lưu-Nguyễn.

Thực ra quả ấy, quả cầu để chúng ta ra vào các vũ-trụ lạ, lại chính là thân tâm của chúng ta.

Mỗi một chúng ta là một nhà máy mà chủ nhân chưa biết hết các bánh xe guồng máy và các nút bấm.

Cách đây 40 năm Bác-sĩ Calligaris giáo sư một trường đại-học thành Roma đã phát-minh ra điều lạ là những *khiếu cảm hứng* nó rải rác ở trên thân chúng ta.

Bác-sĩ Caligaris gọi là *cảm* khi nào tâm mình động một điều gì thì những luồng sóng tâm thức đến ảnh hưởng một điểm nào trên thân thể của chúng ta. Trái lại nếu ta tác-

BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN

động đúng vào cái điểm ấy thì lập tức trong tâm trí ta hiện ra một tư - tưởng hay một hình ảnh nào đó. Cái đặc biệt là ở chỗ này : Nếu mình nghĩ đến quyền sách mà có một khiếu X bị động thì khi mình ảnh hưởng cái khiếu X, ngược đường lại ta làm bật một ý-tưởng quyền sách và hình ảnh quyền sách trong tâm trí.

Bác-sĩ Calligaris gọi là *ứng ngoại* trong trường hợp sau đây : Ta lấy thí dụ trên bàn tay phải có một khướu để truyền tư-tưởng đi ra ngoài. Ta đứng ta nghĩ một điều gì đó, lập tức một luồng sống *Tâm-Ý* từ thâm tâm ta vọt ra theo cái khiếu của bàn *tay phải*. Giá ngộ bây giờ có một người đứng cạnh ta lại ảnh hưởng một khiếu của họ đối lập với khiếu của ta (khiếu cũng ở trên bàn tay nhưng ở bàn *tay trái*) thì lập tức người ấy biết ngay ta nghĩ gì.

Lại nữa có 2 người A và B đang truyền tư-tưởng cho nhau bằng cách cảm. Có một người thứ ba đứng ở giữa mà ảnh hưởng một khiếu trong thân thể họ thì lập tức họ hiểu hết tư-tưởng của 2 bên.

Đem dò trong thân thể ta thì ta nhận và ghi được vô số các khiếu huyết, mỗi khiếu có một tác-dụng riêng : đó là những cửa của kiến trúc thâm tâm ta để nghinh đón và truyền tống những luồng sống sự-vật, những trạm giao liên (giao-thông liên lạc giữa 2 giới tinh thần và vật chất, nội thâm tâm và ngoại sự vật.)

Sau đây là liệt kê một số cửa huyền bí ấy :

Có những khiếu cho người biết về quá khứ.

Có những khiếu giúp người ta truyền tư-tưởng đi xa.

Có những khiếu giúp cho người ta gợi

một tình cảm như buồn, vui, cười, khóc đến một người nào đó (nghĩa là mình làm cho người kia bật buồn cười hay tự nhiên oà lên khóc).

Có những huyết giúp ta nhìn những phong cảnh ở nơi xa chẳng hạn như Kim-tự-tháp Ai-Cập.

Có những huyết làm cho ta khi rờ vào một quyền sách thì lập tức trong thấy được diện mạo của tác giả ;

Có những huyết cho ta tự trông thấy tim phổi của ta ;

Có những huyết cho ta tiên đoán mưa nắng và mưa nắng ở chỗ nào ;

Có những huyết báo cho ta biết trước mặt ta có đồng, chì, kẽm, sắt hay nước hay dầu hỏa.

Có những huyết nó tố cáo ta mắc bệnh gì bằng cách làm bật hình ảnh những con vi-trùng thủ-phạm lên da tay chúng ta.

Sau đây là một thí-nghiệm mà các vị có thể thử được (Tất cả các khiếu trên này đều là kết quả của một cuộc khảo cứu về khoa học và đã viết thành sách). Liệt vị có thể hỏi các hiệu sách bên Pháp những cuốn khảo cứu bằng chữ Pháp của Bác-sĩ Albert Leprince giáo sư ở Viện Quốc-Lễ Đại-Học thành Nice).

Tim huyết làm nổi vi-trùng căn-bệnh.

Vị trí : Huyết nằm ở trên vĩ tuyến phân hai cánh tay ngoài, ở cách kinh tuyến chia đôi cánh tay ngoài độ 1 phân ăn ra phía trước.

Phương pháp : Dùng một chiếc búa nhỏ bằng kim-khí, độ từ khoảng 10 đến 12 ly đường kính, các cạnh búa rất rõ ràng, rất sắc.



Dùng chiếc búa này đưa đi đưa lại lên chỗ cửa khiếu hể đúng chỗ, thì có những hiện tượng sau đây :

Hiện tượng : Cảm tưởng thấy nặng nặng ở hai vai.

Cảm tưởng thấy buồn buồn ở các vành tai.

Cảm tưởng thấy lạnh ở đầu gối bên trái và hơi tê ở dọc xương ống chân phải.

Kết quả : Tìm đúng huyết rồi, ta cứ để yên chiếc búa nhẹ nhẹ trên khiếu độ vào khoảng 10 phút thì lập tức hình con vi-trùng nổi lên to lớn lạ lùng.

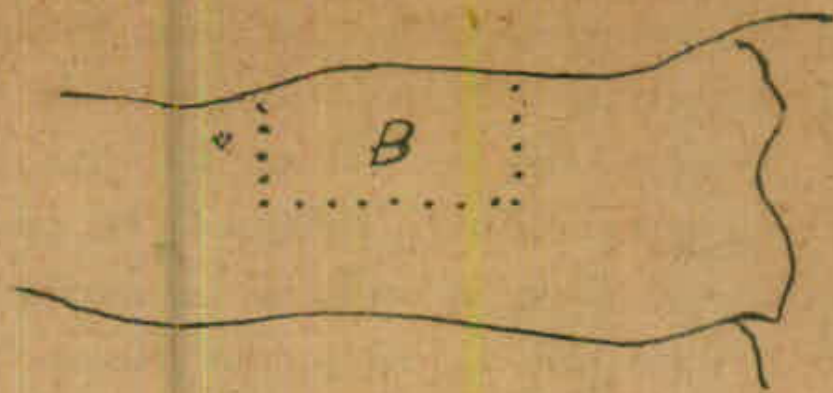
Chẳng hạn như thí nghiệm với vi-trùng lao thì Ông Leprince đo được kích thước sau đây : từ 6 đến 8 phân tây.

Lý-thuyết về các huyết Calligaris :

Phương pháp Calligaris là phương-pháp mở các cửa bí-mật trong chốc lát bằng các phương-tiện vật chất (dùng các dụng-cụ như búa hay là sóng điện nhẹ).

Phương pháp này căn cứ vào sự liên-lạc giữa thân và tâm thân là thân thể ta tức là thể-xác ; tâm là tâm thức và tàng thức. (Conscience, inconscience, subconscience, préconscience...)

Có các khiếu huyết được phân phối theo các đường kinh-tuyến, vĩ-tuyến nhất định trên mặt thân-thể. mỗi huyết là một trạm



liên lạc trong với ngoài, trong là nội phủ ta, tính tình ta, ngoài là sự-vật bao quanh ta.

Phương pháp Calligaris chứng nhận một sự-kiện mà trước đây bác-sĩ Carrel tác-giả cuốn *L'Homme cet inconnu* đã nghĩ rằng : Thể xác chúng ta không giới hạn hết thân tâm ta, chúng ta còn lan ra rất xa ngoài thời gian và không gian.

Căn cứ vào kết quả các cuộc thí nghiệm của Bác-sĩ Calligaris, của Bác-sĩ Albert Leprince và các khoa-học gia hiện tại hầu hết các hiện tượng đều bắt nguồn ở chỗ điện-lực, năng-lực nghĩa là ở chỗ rung động mà ra. Cho nên giữa chúng-sinh đồng nghiệp với ta, sự-vật bao quanh ta với chính thân tâm ta, luôn luôn có sự giao liên bằng sóng thức. Nhất là ta đều *tiếp lĩnh* được hết, nhưng có những luồng sóng mà ta cảm thấy, nhận ra được, có những luồng sóng đi qua ta, ảnh hưởng tàng thức của ta, như không ảnh hưởng rõ lên mặt tâm thức của ta.

Một mặt khác, ta luôn luôn gửi các sóng thức đi ra ngoài, có những sóng mà tâm thức ta chiếu rõ. Có những luồng sóng mà ta không kiểm soát nhưng nó vẫn động, vẫn ảnh hưởng vì nó hiện hữu ở nơi thâm tâm ta, và ra vào bằng các khiếu bí-mật.

Khi ra, khi vào các luồng sóng ấy đã sử-dụng các cửa đặc biệt của bộ máy thu, phóng các chấn ba là thể-xác của chúng ta.

BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN

Đối với những sóng tâm thức thì không có gián cách, vì nó suốt qua mọi vật thể, vì nó đồng thể với tất cả mọi vật thể. Không gián cách vì không có xa gần vì chuyển động với một vận tốc khủng khiếp. Ông Charle Henri (trong cuốn *Revue Métasychique* 1938 N° 5) đã tạm tính tốc độ thì thấy có luồng sóng thuộc loại tâm-thức chạy nhảy 100 triệu lần của tốc độ hấp-dẫn lực. Tốc độ của hấp-dẫn lực cũng là 30 triệu cây số trong 1 giây.

Cho nên ta có thể nói những luồng sóng tâm thức tiêu giao một cách vô-ngại. Chính bác-sĩ Calligaris đã viết rằng :

« L'Univers entier est projeté dans le subconscient de l'homme.. ; Donc notre subconscient connait, voit, entend et comprend tout ce qui se passe autour de lui, et même à des distances considérables ».

Phương pháp Calligaris cho ta chìa khóa mở mấy cửa bí mật để điều động nhà máy của chúng ta. Căn cứ vào các sự liên lạc giữa thân và tâm, ta tìm cách đưa ra mắt thức tâm những cái gì vẫn còn, vẫn có mà nó vẫn ẩn núp trong tầng thức hoặc nó đi qua tầng thức, hoặc nó khởi từ tầng thức nổi lên mà bộc ra ngoài. Chẳng hạn ta bị một cơn vi-trùng bệnh nó ngấm ngấm tàn phá ta mà ta không biết. Ta liền mở một cái cửa, tức là dọn một đường để tầng - thức có lối tổ-cáo nguyên-nhân căn bệnh của ta, bằng cách đưa hình dáng thủ-phạm ra ánh sáng.

Ta muốn biết một người bên cạnh ta muốn nghĩ điều gì thì mở một cái cửa nơi mình ta ; nếu mở đúng cửa thì luồng sóng tâm-đức của kẻ kia, khi đi qua nội giới của ta, có lối hiện lên mặt tâm thức.

Hiện ta chưa biết hết những cửa huyền

bí, nhất là những cửa để bắc cầu qua thế-giới thần-kỳ, nhưng một ngày kia ta sẽ biết. Bác-sĩ Calligaris, bằng những phương tiện vật chất, búa kim khí, bút điện, dò dẫm các khiếu huyết ấy bằng đường lối khoa-học.

Trước bác-sĩ bao nhiêu nghìn năm, bằng phương pháp huyền bí, đã có những đạo sĩ phái du-già bên Ấn-độ. Hoàng Lão bên Trung-hoa trông thấy rõ :

Phái Hoàng-Lão thiên về án, ma, đạo dẫn, để luyện Nội đơn mở huyền khiếu.

Phái Ấn-Độ đã dùng ý-thức để điều khiển luồng tam - muội hỏa (Kundalini) lên khai thông các huyết hình hoa sen trên cơ thể của mọi người, để cầu thần thông.

Thần thông là biết những cái cần thiết để tiêu giao không trở ngại trong mọi vũ-trụ, để thể hiện không gặp trở ngại những ý muốn của mình và hiểu biết một cách thông suốt những cái gì mình muốn biết.

Tất cả mọi cái biết trên này không nằm ngoài cái bí mật hống nhất cần-khôn.

Thống nhất cần - khôn là giải - quyết được cái chống trái của cặp cơ-ngẫu-lực tinh-thần và vật chất, là thống-nhất được tâm và cảnh, tính và tướng, đem cái Bán Thiên lưỡng nghi giả về Cửu Thiên Nhất Nguyên.

Thống nhất Tâm cảnh, tính tướng tức là hòa-hợp lý và trí.

Thống nhất lý-trí tức là thống nhất Đạo và Đức (theo nghĩa Đạo Đức Kinh, Đạo là thể và Đức là dụng, là công năng),

Thế nghĩa là Thống nhất Cần-Khôn, hiểu được lẽ vô động tác diệu lực của những chân chính hành-động vô-kỹ, vô công và vô danh.

Nguyễn-văn-Thư

BÁCH KHOA XCIV

CHIỀU LẠNH ÂM - HỒN

Bia đá mờ lhu ớn lạnh chiều
Thả dài giấc ngủ giữa hoang liêu
Âm-hồn mê sáng mơ hồ dậy
Gọi bóng hoàng hôn đổ nhạc chiều

Người đã rơi vào trong khoảng không
Hoặc vùng đen tối của con sông
Ưu phiền tỉnh giấc không ai biết
Toát cả niềm riêng khỏi đáy lòng

Thôi nấp hòm sơn gởi kín ai
Cùng bao mơ ước chuyện lâu dài
Êm đêm giấc ngủ không hình bóng
Thành chuyện luân-hồi trong kiếp mai

Khăn lịm ướp sây vạn kỷ chẳng ?
Tiếng xưa tàn vũng bóng đêm trùng
Người về huyết lạnh tìm an ủi
Sự lãng quên sâu bên cổ nhân

Thôi ! phố hè xưa vắng bóng người
Trên màn trời lất nụ cười tươi
Người thành chiếc bóng mờ hư ảo
Của một thời hoen hố hạn đời

Hoài niệm dáng buồn như cỏ thu
Đan bằng khăn lịm áng sương mù
Hồn đêm trở giấc mơ trong suốt
Rỏ lệ trắng sao ướt nắm mồ

Cố HÀ-HỢP-NGUYỄN

LÁ THƯ HẢI - NGOẠI

TRẦN - VĂN - KHÊ

Ba-lê, đầu tháng 11 năm 1960

Ng. xa cách,

Đại-nhạc-hội đã bế mạc hơn mười hôm rồi, mà tôi chưa có thời giờ viết thư cho bạn. Bao nhiêu việc cấp-bách cần phải được giải-quyết ngay. Nhịp sống bên ngoài dồn-dập, công việc tấp tểp, sức muốn làm đến mười mà sức khỏe mình cho phép có một. Hôm nay cầm bút, lòng còn rộn ràng, ý-nghĩ còn chưa lắng lại, chẳng biết viết gì cho bạn. Thường thuật lại mấy phiên nhóm hay thảo-luận, ghi lại những điều nghe thấy, kể lại những cuộc hội-kiến riêng với những nhạc công, nhạc-sĩ các nước, mấy bức thư cũng chẳng đủ. Thôi thì đành vẫn tắt nói qua cho bạn nghe vài điều tôi đã nghe hoặc đã làm trong kỳ Đại-nhạc hội này.

Chắc bạn đã biết rõ Đại-nhạc hội này tại sao mà có. Cứ hai năm, Hội đồng quốc tế âm-nhạc (H.Đ.Q.T.A.N.) nhóm đại-hội một lần tại trụ sở của Tổ-chức giáo-dục khoa-học văn-hóa của Liên-Hiệp Quốc (U.N.E.S.C.O.) Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc thành-lập năm 1949 do sáng-kiến của Tổ-chức nói trên, (U.N.E.S.C.O.) gồm có ủy-ban quốc gia âm-nhạc của 35 nước, 9 tổ chức quốc-tế về âm-nhạc và 9 nhạc-sĩ có tên tuổi trên thế-giới — những nhạc sĩ này là hội-viên của H.Đ.Q.T.A.N. với tánh cách cá-nhân. Mục-đích của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc là khuyến khích, nâng đỡ những hoạt-động âm-nhạc, những nhạc-công, nhạc sĩ trong từng nước và phổ biến tất cả các hình thức nhạc trong các nước trên thế-giới, để cho người trong bốn bề hiểu nhau hơn. Trong dịp Hội đồng nhóm Đại hội

(Assemblée générale), thường có một Đại-nhạc-hội đề cho các nhạc-công, nhạc-sĩ trên thế-giới gặp gỡ và trao-đổi ý-kiến, hay thảo luận trên một chủ-đề định trước. Chủ-đề của Đại-nhạc-hội năm nay là « Người diễn-viên » (L'exécutant hay là L'interprète) nên người được mời dự không phải là những người nghiên-cứu nhạc (musicologue) mà là những nhạc-công, ca-sĩ, nhạc-trưởng, nhạc sĩ (với nghĩa người soạn nhạc), người xuất-bản nhạc, nhạc viện-trưởng (người trông nom về sự đào-tạo diễn-viên) giám-đốc các nhà làm đĩa hát và giám đốc đài phát-thanh. Có lối 150 người tham-dự đại-nhạc-hội và ban tổ-chức đã nhờ 17 người làm thuyết trình về những tiêu đề mà bạn đã thấy trong chương-trình tôi gửi kèm theo đây cho bạn xem. Đại-nhạc-hội khai-mạc ngày 18 và bế-mạc ngày 22 tháng mười. Nhưng từ 27 tháng 9 đến 27 tháng 10 Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc với sự cộng tác và ủng-hộ của chánh phủ Pháp, thị-xã Ba-Lê và đài phát-thanh Pháp-quốc tổ-chức những Tuần-lễ âm-nhạc của Ba-Lê. (Semaines musicales de Paris). Thành ra người đến dự Đại-hội của Hội-đồng, dự các buổi thảo-luận còn thường thức nhiều buổi hòa-nhạc đặc-sắc. Có nhiều giàn-nhạc danh tiếng trên thế-giới đến biểu-diễn tại Ba-Lê như giàn-nhạc quận-huyện Leningrad (Lê-nin-gờ-ra-đơ) giàn nhạc quận-huyện của nước Do-Thái (Israel), giàn nhạc quận-huyện của Đài phát-thanh Đông-Kinh (Tokyo), giàn quốc-nhạc Madrid (Ma-đờ-ri-đờ) của nước Y-Pha-Nho, và những giàn nhạc lớn nhỏ của Đài phát-thanh Pháp-quốc đều có mặt trong mấy « tuần lễ âm-nhạc ».

Công việc nhiều, sức khỏe kém, lại ở ngoại-ô, tôi rất tiếc không đi dự được tất cả những buổi hòa-nhạc có giá-trị. Nhưng tôi đã may-mắn được nghe giàn nhạc quận-huyện của Nhật biểu-diễn Âu-nhạc. Khó mà ghi lại sự xúc cảm của tôi khi nhìn thấy hơn 100 nhạc-công Nhật mặc lễ phục Âu, sáo đuôi tôm, quần kết nẹp, ra vào có trật tự, thấy hăng đội cung của mấy cây vĩ-cầm, trung, đại, vĩ-cầm, kéo một lúc, một chiều, khi nghe tiếng sáo, tiếng kèn đồng, tiếng đàn dây, lúc bông lúc trầm, khi to khi nhỏ, gọi được hồn nhạc của những giai-phạm do nhạc-sĩ Roussel (Ru xen) người Pháp, Hugo Wolf (Vôn fơ) và Mahler (Ma-lơ) người Áo, Chopin (Sô-panh) người Ba lan và Beethoven (Bết-hô fân) người Đức viết ra. Không phải vì người Nhật là người Á-châu mà tôi thiên-vị, ai có dự buổi hòa-nhạc ấy đều khen kỹ-thuật của nhạc-công Phù-tang. Tôi cứ tự hỏi nếu người Âu học nhạc đề đàn trong một giàn lễ nhạc gagaku (nga-nga - cư) có thể đi đến chỗ gọi được hồn Nhạc Nhật-bản như nhạc-công Nhật đã biểu-diễn Âu nhạc một cách tài-linh như thế chẳng? Thấy người lại nghĩ đến mình. Nghe rằng nước Việt đã có hai giàn nhạc quận quyền (orchestre symphonique) một ở Hà-nội, một ở Sài-gòn, mà trình-độ biểu-diễn đến đâu, tôi

chưa có dịp nghe tận tai để biết rõ. Đành rằng trong mọi ngành văn-hóa, cũng như kỹ-nghệ, người Nhật đối với ta là bậc đàn anh. Nhưng thấy kỹ-thuật biểu-diễn của họ, ta không khỏi lo rằng rằng bao giờ mới theo kịp họ, nói gì đến theo kịp người Âu - Mỹ nếu điều - kiện học tập không thuận tiện.

Trong mấy buổi thảo-luận về « người diễn viên » tôi có dịp nghe cách đào-tạo diễn-viên trong các trường dạy nhạc Âu-châu. Sau buổi thuyết-trình của ông Hans Sittner (Han-xơ Xít-nơ) Chủ-tịch Hàn-lâm-viện âm-nhạc của thành Vienne (Viên) nước Áo. Bên này, chẳng những người ta chú-trọng về kỹ-thuật biểu-diễn của người học nhạc, mà còn để ý đến trình độ hiểu biết văn-hóa và lý-thuyết của người nhạc-công, nhạc-sĩ tương-lai. Và bên cạnh những nhạc-công nhò nghề, có không biết bao nhiêu nhạc-công thuộc về hạng « tài-tử » (amateur) nhưng tài-nghệ của những nhạc-công tài-tử ấy thường cũng rất cao. Chất đá cao mà lượng cũng nhiều. Bà de Reding (đờ Ré-đinh) Hội-trưởng Hội thanh-niên âm-nhạc của nước Thụy - Sĩ đã làm tôi giật mình với con số 7000 (bảy ngàn) ban hợp-xướng của Thụy-Sĩ. Dân-số Thụy - Sĩ chưa đến 5 triệu mà có đến 7000 ban hợp-xướng ! Chúng ta đã gần 25 triệu mà đã được mấy ban ? Có người học để sáng-tác và biểu-diễn nhạc mới ; có người sưu-tầm nghiên-cứu cổ - nhạc, dân-ca ; sinh-hoạt âm-nhạc bên này rất dồi-dào ! Họ để ý nâng cao đời sống vật-chất của diễn-viên, họ lo bảo-vệ quyền-lợi của diễn - viên, nhưng diễn - viên cũng tập luyện không ngừng cốt để nâng trình-độ biểu-diễn nhạc mỗi ngày được cao hơn.

Tôi được ban tổ-chức mời làm bài thuyết trình về « Trạng thái tâm-hồn của người biểu diễn âm-nhạc Đông-phương — Tôi gửi theo đây bản quây « ronéo » (rô-nê-ô) bài thuyết-trình ấy. Đại khái tôi nhấn mạnh vào 3 điểm chánh : 1) Người biểu-diễn nhạc Đông-phương rất kính âm-nhạc và trước khi biểu-diễn cần phải định thần. Người xưa trước khi tấu nhạc đốt nhang đốt trầm, ả đảo trước khi hát phải giáo hương giáo trống » 2) Rồi trong lúc biểu-diễn, khách tri-âm có thể làm cho người biểu - diễn thêm hứng Vì không có tại Chung-Tử-Kỳ, nên Bá-Nha đã đập nát đờn cầm 3) Khi đã « hứng » rồi, thì người biểu-diễn nhạc hòa mình với nhạc và nhiều ngón đờn tuyệt hảo mới hiện ra.

Tôi có nhắc lại ngày xưa người Việt thường thi tài cao thấp trong lúc biểu-diễn nhạc. Người hát trống quân, quan họ hay người hò cấy, hò chèo thuyền thường thử tài nhau trong những câu đố, hay những điệu hát khó. Người đàn tài-tử, hay « dẫu nhịp », « đờn phá » để xem người đờn

hòa với mình có « chắc nhịp » hay là « bị lỗi » Bản thuyết-trình này sẽ được đăng vào tập kỷ-yếu của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc. Đài phát-thanh của Tô-chức giáo-dục, khoa-học Văn-hóa của Liên-hiệp-Quốc đã thâu thanh tôi đọc bài thuyết - trình đó bằng tiếng Anh để gởi đi các nước nói hoặc hiểu tiếng Anh. Họ đã phỏng vấn tôi về cách « rao » (hay dạo) trong cò-nhạc Việt. Rao (hay dạo) là một lối sáng tác tùy hứng. Lúc rao, người nhạc-công biến thành nhạc-sĩ, nói được lòng mình, phô-trương được ngón đàn hay, đi ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của một bài nhạc. Người rao gọi được không khí của một bài nhạc, gieo vào lòng thính-giả những cảm xúc vui, buồn. Không có một định - luật nào khắt khe về cách rao cả. Nhạc khúc, tiết điệu đều tùy người đàn. Nhưng chỉ có điều là nhạc-công phải rao hơi nào cho ra hơi nấy, Rao xuân không thể dùng chữ ai. Rao Bắc không thể dùng giọng Quảng. Tôi đã trình-bày sơ-lược về nguyên-tắc rao đàn, trong cò-nhạc và để cho những thí - dụ cụ-thể, tôi rao Bắc, rao Xuân và rao Oán. Cũng nhân dịp thảo-luận về « Tùy hứng Sáng - tác » (Improvisation) mà tôi trình-bày những đặc-điểm về cách rao trong cò-nhạc Việt. Hôm đó, thú-vị nhất là tôi tham-đự buổi thảo-luận với giáo-sư Chailley (Sai-ê) là thầy của tôi và những nhạc - sĩ đại-diện cho các truyền-thống nhạc Âu-châu. Có nhạc-sĩ Pierre Cochereau (Pie-Cô-sơ-rô) đàn đại phong cầm (orgue), đại-diện cho phái « cò-điền », Gilbert Amy (Jin-be-A-mi) đại - diện cho phái « bộ môn nhạc » (musique sérielle), và Marc Lanjean (Mạc-Lăng-jăng) và Jacques Diéval (Jắc-Đi-ê-đại-van) diện cho phái nhạc « jazz ». Đúng ngày thảo-luận, ông Cochereau đau, nên có ông Jean-Claude Henry (Jăng-Cờ-lô-đơ Hăng-ri) được giải thưởng lớn thứ nhì La-mã về sáng tác, đến thay thế Giáo-sư Chailley nói về sự biến chuyển của lối sáng-tác tùy hứng qua các thời-đại. Rồi đến phần thí-nghiệm. Đầu tiên thì ban tổ-chức định lấy 8 câu đầu của bài Lưu-Thủy rồi mỗi nhạc-sĩ lấy 8 câu ấy làm nhạc đề đề sáng-tác tùy hứng. Nhưng sau, nhạc-sĩ Cochereau bị cảm nặng, không thể đàn và thu thanh vào băng đoạn tùy hứng sáng tác theo nhạc đề Lưu-Thủy được. Ban tổ-chức lấy mới một cuốn băng có thâu đoạn ông Cochereau đàn tùy hứng theo một nhạc khúc người Mỹ lấy trong dân ca Pháp mà cho ông làm nhạc đề lúc ông sang Mỹ hòa nhạc. Rồi giáo-sư Chailley đàn nhạc khúc ấy trên đờn piano. Tôi phải sáng - tác tùy hứng với nhạc-đề ấy bằng đờn tranh. Tôi có nói rõ là trong truyền-thống cò-nhạc tùy hứng theo một nhạc - đề. Như muốn đàn Tây - Thi, người nhạc công rao Bắc chớ không cần phải lấy nhạc khúc của bài Tây - Thi làm nhạc - đề. Theo tôi, thì nhạc - khúc giáo - sư Chailley vừa đàn, thuộc về hơi Bắc. (xàng cọng liu, liu, liu ú liu, liu ú xáng xáng ú liu).

Họ quay lại cuộn băng thu-thanh bài đàn tùy-hứng của nhạc-sĩ CocherEAU, rồi nhạc-sĩ Jacques Diéval đàn tùy-hứng trên dương-cầm (piano) theo điệu jazz. Thú thật, hôm đó lúc tôi đàn tùy-hứng theo một nhạc-khúc Âu-châu tôi rất ngỡ ngàng nghịu. Tôi đã cố gắng đề thí-nghiệm chớ thật ra tôi muốn làm như nhạc sĩ Amy trong phái nhạc bộ-môn, nghĩa là từ chối không đàn. Nhưng trong phần thí-nghiệm thứ nhì tôi được ưu-thế. Giáo-sư Chailley đọc một bài thơ Nhật dịch ra tiếng Pháp, một bài thơ rất ngắn đại-khái nói đến buổi bình-minh, khi mặt trời ửng hồng, lòng người thi-sĩ lâng-lâng không biết đi về đâu — Gọi một bầu không-khí là đặc điếm của lối rao trong cò-nhạc. Sự êm tính của buổi bình-minh, cái lâng-lâng trong tâm-hồn có thể diễn-tả rất dễ-dàng bằng hơi Xuân. Khi nhớ tới ánh mặt trời ửng hồng tôi chuyển sang hơi dựng, qua hơi Bắc trở về hơi Nam. Hôm đó, tôi hứng thật bạn ạ. Hàng trăm thính-giả, toàn là nhạc-công nhạc-sĩ tiếng tăm trên thế giới ngồi im lặng nghe một nhạc công nước Việt biểu diễn tùy hứng bằng đàn tranh theo tứ một bài thơ Nhật. Tại tôi vẫn nghe mấy câu thơ, tôi tưởng tượng đến bình-minh bên nhà, lúc ngày xưa sáng tinh sương tôi ra ngoài đồng rồi tôi tự ý để cho tiếng nhạc tuôn ra trên 16 sợi dây đồng — Họ có thu thanh để giữ lại đoạn ấy. Hôm nào có dịp tôi sẽ nghe lại coi mình đã đàn gì. Nhưng thính giã thì thích lắm, Họ thường thức một lối nhạc khác hơn nhạc họ thường nghe. Nhưng họ cảm thông được với nhạc Việt nhờ từng bài thơ, nhờ những lời nói đầu về nguyên tắc đàn tùy hứng. Có điều làm tôi sung-sướng nhất là nhiều người đến nói với tôi rằng trước kia, họ vẫn đinh ninh rằng nhạc Việt đại khái cũng như nhạc Trung Hoa họ không ngờ rằng Việt nhạc cũng có một cái tánh, một truyền thống và nhứt là họ có thể rung cảm khi nghe một điệu đàn Việt.

Mấy hôm sau, bà de Reding (đờ-Rê-đinh) và Baud-Bôvy (Bô-đờ-Bô-vi) Giám-đốc âm nhạc viện Genève (Jơ-neo) ngỏ ý mong tôi sang Thụy-Sĩ một lần nữa. Ông Zlatic (Zơ-la-tích) Chủ-tịch ủy-ban âm-nhạc Nam-tư lập phu (You - goslavie) muốn mời tôi sang diễn - thuyết về Việt nhạc tại đại-học-đường Belgrade (Ben-gờ-ra-đơ) Ông Santa-Cruz (Xăn-ta-Cờ-ru-zơ) nhạc - sĩ nước Chili (Si-li) Nam-Mỹ cũng mong tôi đến nước ông để nói chuyện về nhạc Việt

Và đến hôm đại hội của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc bầu nhân-viên của Ủy-ban chấp-hành mới, tôi không có mặt, vì nước Việt chưa có Ủy-ban quốc-gia (Comité national), tôi lại không do một cơ-quan chánh-thức nào đề cử, và Ban tổ-chức chỉ mời tôi tham-dự Đại-hội với tánh cách cá nhân. Đến chừng khai thăm thì một danh-dự mà tôi không chờ đợi, đã đến với

tôi trong lúc không có mặt tôi tại Đại-hội. Buổi chiều, khi tôi đến tham-dự phiên thảo-luận về « điều-kiện xã-hội của người diến-viên », thì nhiều người đến khen mừng tôi. Ông Evarts (Ê-vạc) đến nói nhỏ với tôi: « Ông cho phép tôi là người thứ nhất đến mừng ông được cử vào ban chấp-hành của Hội-đồng quốc-tế âm nhạc ». Tôi nói rõ rằng tuy vẫn nghiên-cứu về nhạc Việt, tôi còn ở tại Pháp, và tôi không phải do một Ủy-ban âm-nhạc quốc-gia đề cử tham-dự Đại-hội. Và lại nước Việt chưa có Ủy-ban quốc-gia âm-nhạc. Thì ông Evarts trả lời với tôi rằng tôi được cử làm hội-viên của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc với tánh cách cá nhân, nghĩa là số 9 hội viên với tánh cách cá-nhân tôi nói với bạn trong đầu thư này từ sang năm sẽ thêm được một. Được cử vào Ủy-ban chấp-hành là một danh-dự không phải cho riêng tôi mà cho nền nhạc của nước Việt. Từ sang năm, trong các cuộc tổ-chức Đại-nhạc-hội của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc sẽ có tiếng nói của người nhạc-công Việt. Tất cả hội-viên của Hội-đồng quốc-tế âm-nhạc đều biết rằng có một lối nhạc có truyền-thống, lối nhạc ấy tên là nhạc Việt.

Những nhân-viên của ủy ban chấp hành hội đồng quốc tế âm-nhạc đều là những người có một địa vị vững chắc trong nước của họ nên không phải được vào ủy ban chấp hành là đời sống tôi được bảo đảm. Nhưng đó là một cơ hội đề cho người nhạc-công, nhạc-sĩ tham-gia công việc tổ-chức sự phổ-biến các lối nhạc trên thế-giới; và lẽ tất nhiên, có mặt tôi trong ủy ban chấp-hành thì mỗi lần thảo-luận người ta sẽ bàn đến sinh-hoạt của nhạc-Việt — Cờ-nhạc Việt được người ta đề ý đến bao nhiêu thì tôi vui mừng và lo sợ bấy nhiêu — Vui mừng thì vì sao bạn đã rõ. Nhưng lo sợ vì mỗi lần tham-dự các đ. i-nhạc-hội, tôi nhận thấy kỹ-thuật biểu-diễn của nhạc công, chất lượng sáng-tác của nhạc-sĩ, trình-độ học-thuật và nghiên-cứu của nhạc-học giả xứ người mà tự thấy mình và nhạc-công, nhạc-sĩ nước mình còn thua kém xa thiên hạ — Có những đặc điểm và ưu điểm trong cờ-nhạc Việt, tôi đã khai-thác và trình-bày nhiều lần tại các Đại-hội. Người ta nghe một phần, có khi nghĩ rằng còn đến 10 phần khác họ chưa được nghe, làm mỗi lần tôi lại cố nghiên-cứu cờ-nhạc về bề sâu, và tôi rất lo ngại. Đi vào bề sâu, không thể một cá-nhân nào có thể hiểu bao-quát được các lối nhạc. Cần có nhiều người chuyên-môn, mỗi người trong một ngành, cần có những sự thảo luận giữa những người chuyên môn ấy trong các buổi gặp-gỡ hay trên mặt báo; đề nảy ra những ý-kiến xác thực về các lối nhạc để một khi có cuộc thảo luận với các nước khác, mình có đủ tài liệu mà dẫn chứng những lý-thuyết mình đưa ra. Hiện tại, chúng ta có một kho tàng cờ-nhạc Kho tàng ấy rải rác khắp nơi và cần được tập trung lại ở các viện nghiên-cứu nhạc — Vốn cờ ấy cần được thâu-thập, nghiên-cứu và phổ-biến. Rút kinh-nghiệm sau khi gặp gỡ nhạc sĩ các nước, tôi thấy phải học tập, nghiên

cứu thêm cò-nhạc để có những quan-niệm vững chắc hơn về lý-thuyết, và luyện-tập để kỹ-thuật biểu-diễn của mình ngày càng cao hơn. Nhưng một con chim én không đem lại mùa xuân. Nền nhạc Việt cò-kim cần sự cố-gắng của tất cả nhạc - công, nhạc - sĩ. Không phải trong một ngày một buổi mà chúng ta có được những nhạc-công, nhạc - sĩ vừa hiểu rõ nhạc-thuật, có đủ trình - độ văn - hóa và thông một vài ngoại - ngữ để tham-dự các đại - nhạc - hội. Không phải trong vài tuần là chúng ta có thể tổ - chức được một giàn nhạc quản huyện có thể biểu - diễn các lối nhạc giao hưởng của người phương Tây. Nhưng không vì lẽ chúng ta thiếu người, thiếu phương tiện mà ta đành bó tay. Ngay bây giờ cần phải học và phải hành. Người học nhạc, không phải cốt chỉ biết đàn để đi kiếm ăn sanh sống. Lẽ tất nhiên, sanh sống là vấn đề thiết thực, nhưng ai cấm mình cạnh bên công việc sanh sống, mình tự đặt cho mình một kỷ-luật để mình học hỏi, bồi dưỡng cho nghệ-thuật của mình. Nếu còn có điều kiện học, lại sao không học để có một căn-bản vững-chắc — về Âu-nhạc cũng như về cò-nhạc, để có thể hoặc biểu-diễn nhạc quốc-tế mà lột được cả tinh-thần của lối nhạc đó như người Nhật-bản trong giàn nhạc quản huyện của họ, hay là biểu - diễn nhạc cò-truyền với tất cả cái đặc sắc, cái tế-nhị, của nó như giàn nhạc phụ - họa đoàn ca - kịch Bắc - Kinh, hay là giàn gamelang phụ-họa các điệu vũ của Nam-dương. Tôi chỉ ngại rằng các nhạc-công nhạc-sĩ trẻ tuổi của nước ta cũng như một số nhạc công, nhạc-sĩ của nước người, ham chạy theo thị - hiếu nhút thời, biểu - diễn hoặc sáng tác những lối nhạc Âu không ra Âu, Á không ra Á, không bỏ ích gì cho Âm nhạc nói chung và cho nhạc Việt nói riêng. Tôi rất mong điều kiện làm việc và sức khỏe cho phép tôi về nước để bình vực quan niệm của tôi về cách học và làm nhạc. Nhưng hiện giờ, tôi nay đau mai mạnh, công việc nghiên cứu về lý-thuyết như sự liên-hệ giữa giọng hát và giọng nói của người Việt, hay là cách chuyển hệ trọng cò nhạc Việt còn đang tiến hành dưới sự hướng dẫn của thầy tôi là giáo sư Chailley. Lại còn công việc trình bày Việt nhạc tôi hải ngoại, nay lại thêm công việc trong ủy ban chấp hành của hội đồng quốc tế âm nhạc, tôi thấy sự mong mỏi của tôi còn ích lâu mới thực hiện được. Bạn ở gần các bạn trẻ, bạn có dự trại hè của trường Đại học, bạn nghĩ coi có cách nào khuyến-khích việc học cò-nhạc cho người nhạc sĩ Việt tương lai có một căn bản dân-tộc rồi dùng kỹ thuật phương Tây — hay kỹ thuật truyền thống của các nước phương Đông như Trung-Hoa, Nhật-Bản, Triều-liên, Ấn-Độ, Nam-Dương, chẳng hạn — làm cho Việt-nhạc phong phú hơn sâu sắc hơn mà vẫn không mất dân tộc tính. Để mai sau, đem nhạc Việt trình diễn ở các nước, mình sẽ không hổ thẹn và người ta sẽ nhận thấy tinh thần học hỏi của dân Việt, giá trị của nền nhạc Việt ở bề mặt và bề sâu.

Bạn thấy chưa ? Nhiều ý nghĩ còn xáo trộn trong đầu tôi, và chen nhau trào ra đầu bút, không thứ tự, không mạch lạc — Có lẽ bạn đã biết qua tôi bản khoán, thắc mắc đến đâu rồi.

Xa xôi,
TRẦN-VĂN-KHÊ

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

MỘT LỜI TRẢ THÙ ?

VÂN-TRANG

CUỘC đời đang bừng nở trước mắt anh Qui, bỗng nhiên trong mấy tuần nay như đã khép kín đôi cánh thần tiên lại. Anh đang vui tươi, mặt dương dương mà bây giờ ủ rũ phờ phạc như một kẻ thất tình.

Thì đúng rồi, anh thất tình ! Nhớ đến tình địch, anh Qui chán nản, nghe trong người bải hoải như bị bệnh đau gân kinh niên. Cuộc đua đang tới hồi quyết liệt mà anh thấy rõ mình sút hẳn địch thủ.

Kể đến sau với những ưu điểm mà anh không thể nào có được, đã vượt qua mặt anh và sắp đến mức để đoạt trái tim người đẹp của anh.

Gần nửa năm nay, anh coi cô Yến bán cau ngoài chợ như là vợ chưa cưới của anh. Cô là con chú xā Tân nhà ở cách đầu cầu sắt chừng năm bảy trăm thước. Làng Thới-Long là quê quán anh, nằm dọc theo kinh Cái-Tắc đối diện với làng Thới-Thạnh bên kia bờ kinh. Hai làng thông nhau bằng một cây cầu sắt. Nhà anh là một ngôi nhà

ván cũ nhưng rộng rãi sạch sẽ với hai gian bếp cũng khá hẳn hoi ngự trị cạnh đầu cầu sắt về phía Thới-Long.

Mấy lúc trước, anh mặc cái tật hay đi xuống phía xóm dưới cầu sắt một ngày đến mấy lần, và lần nào cũng không quên nhìn vào nhà chú Xā. Rất ít khi thấy được cô Yến ở trước, song anh chẳng nề hà, quý hồ trong lúc anh đang lo tiền hỏi cưới, tình hình vẫn giữ được yên lặng, không có gì đổi thay.

Hôm tháng ba, mẹ anh có ngõ lời, gia đình chú Xā đã chấp-thuận, nhưng bên anh chưa có tiền để làm lễ hỏi, nên mọi việc không tiến triển được. Cả gia đình cùng anh nữa đều đặt hi-vọng vào mùa lúa tháng giêng này để gây dựng cho anh.

Hiện giờ lúa trong ruộng anh sắp chín song sự tình đã đổi thay, anh không còn dám hi-vọng nữa.

« Nói vợ thì cưới liền tay,

« Chớ ể lâu ngày làm kẻ gièm pha »

MỘT LỜI TRẢ THÙ ?

Anh biết vậy lắm. Huống chi anh cũng chưa chính thức làm lễ hỏi cô Yến thì sự chia lìa rất có thể xảy ra.

Anh buồn lắm, không thiết một việc gì. Đến việc cắm câu, đuổi chim trong mỗi mùa lúa rất thích thú và có lợi mà anh chưa hề bỏ qua từ hai mươi năm nay, giờ anh cũng không màng, để mặc lưới mực trên giàn, cần nhẹ khô teo trong góc bếp.

Anh cũng không năng xuống xóm dưới cầu sắt nữa, anh không muốn chứng kiến thêm những chuyện đau lòng.

Con người anh, di truyền của dòng họ mấy đời nông dân, không thể nào, dù cố gắng đến mấy đi nữa, mà ăn nói, đi đứng, cử-động cho được nhẹ nhàng, thanh bai như cậu hai Mẫn, tình địch của anh. Gọi là tình địch cũng không đúng vì thực ra, anh có hề dám địch lại đâu. Làm sao địch lại được khi cậu hai Mẫn là con ông chủ Ngõi, cháu nội của Hội đồng Tô đương thời oai danh khắp vùng đó. Ngõi nhà có rào xi măng ở đầu cầu sắt bên kia làng Thới-Thạnh trông cũng thất kinh.

Anh nghe nói cậu là sinh-viên ban thuốc tại Hànội sắp ra bác-sĩ, kỳ Tết này về nghỉ chơi nhà ít lâu sau ba năm du-học.

Người cậu cao lớn, trắng trẻo, ăn nói lại ngọt ngào, khôn ngoan. Thêm vào đó cái phần quần áo đẹp và lối ăn tiêu hào hoa, cậu là vị hoàng-tử trong lòng của hầu hết cô gái đẹp.

Cô Yến cũng ở trong số các cô gái đẹp đó. Đã được cậu hai Mẫn để ý, cô không có lý do gì chối từ hạnh-phúc. Một nàng hái dâu sao lại không có mộng trở thành hoàng-hậu? Cho nên cô mộng một cách rất

ngây thơ rằng ngày kia cô có thể quăng thúng cau mà làm bà bác-sĩ!

Cả tháng nay từ hồi về nhà và biết cô Yến, chiều nào cậu Mẫn cũng tới chơi nhà chú Xã, có ngày tới hai lần. Ban đầu cậu còn ngồi nhà trên nói chuyện với chú Xã, sau dần dần cậu đi quanh hè rồi ghé vào cửa bếp, bây giờ thì cậu vô ra lên xuống tự nhiên như người nhà chú Xã.

Chú thiếm Xã có hơi không vừa ý song không dám làm mịch lòng cậu. Vả lại cậu khôn ngoan, thường tới vào những giờ chú thiếm vắng nhà.

Chỉ có cô Yến còn ngây thơ quá. Với cái tuổi dưới đôi mươi lòng đang ngào ngạt hương yêu, cô đón nhận mỗi tình đầu bằng tất cả hân hoan nồng nhiệt.

Tuy thế, vốn được hấp thụ một nền luân-lý phong-kiến, cô chưa hề nghĩ tới những lối yêu đương ra ngoài lễ giáo. Cô say sưa bao nhiêu lời hứa hẹn của người yêu và đặt vào đó tất cả lòng mong chờ tha thiết.

Chiều nay cô cũng mong chờ. Mong chờ cho đến tối. Vì trong tấm giấy nhỏ cậu hai kèm theo chai dầu thơm gửi tặng cô, cậu viết vắn tắt mấy chữ: « Tối nay anh có chút chuyện nói với em. Chờ anh ». Cô hơi ngạc nhiên vì thường cậu hai vẫn đến chơi ban ngày sao hôm nay lại bảo tối sẽ đến? Hay là bên nhà đã biết chuyện nên không cho cậu sang ban ngày chăng? Nhà cậu ở làng Thới-Thạnh bên kia cầu sắt. Ngày nào cậu cũng qua lại cây cầu sắt đó ít nữa là hai lượt trước mắt anh Qui. Thường anh hay đứng trước sân hay đang tắm dưới sông nhìn bóng dáng



đẹp của cậu đi trên cầu nghe gan ruột như xót xa. Nhưng anh vốn chắc phác, ít nói, tuy vẻ mặt buồn rầu nhưng không hề mở miệng. Và lại, biết mở miệng với ai !

Những điều đau đớn của anh Qui, cô Yến cũng đoán biết. Song làm thế nào ? Một cô gái quê mà gặp phải thanh niên có mảnh khoẻ, biết hứa hẹn thì khó mà mong thoát khỏi.

Cho nên hiện giờ cô đang nghĩ tới tương lai rục rờ của cô. Cô đoán chắc cậu hẹn đến tối để nói với cô một điều quan trọng gì đây. Và điều đó, theo ảnh hưởng của lòng cô đang vui, cô đoán là điều tốt.

Nhưng cô vừa chong đèn may vá vừa chờ cậu Mẫn tới hơn chín giờ mà không thấy thềm xã đã giục hai lần, cô đành gài cửa tắt đèn đi ngủ.

Nằm trong mùng, cô mãi bâng khuâng về sự thất hứa của người yêu ! Thật là ngây thơ đến đáng thương hại. Tuổi mười bảy chưa từng biết qua một cái gút nhỏ của đời, cô đâu có thể hiểu nổi những danh-từ rất thường qua đủ các nghĩa của nó ! Cô trần trọc nghĩ vẫn-vo một lát rồi ngủ thiếp.

*
*
*

Nhưng anh Qui thì không thiếp nổi. Chữ tình là chữ chi chi mà nó hành hà anh quá sức. Cái đồng hồ cũ mèm lưu truyền từ đời ông nội anh treo ở nhà trước đánh mười hai tiếng rồi, mà đôi mắt anh còn ráo hoảnh. Nó đã nhắm khít rịt mà cứ thấy rõ rệt hết cậu Mẫn đi trên cầu sắt, tới cô Yến bán cau ngoài chợ.

Một lát sau nữa, vẫn không ngủ được, anh bèn choàng cái khăn tắm lên rồi mở cửa hông nhà bấp lách mình ra ngoài.

MỘT LỜI TRẢ THÙ

Anh thò thân đi trên đường cái. Khởi cầu chừng vài chục thước anh đứng lại nhìn về hướng dưới.

Đêm nay vào đầu tháng giêng, trời trong vắt, không trăng nhưng ánh sao sáng xanh chiếu mờ mờ xuống cảnh vật. Cây cầu sắt đen sì như một con trăn to tướng nằm vắt qua hai bờ. Con đường làng dọc theo Rạch Cái-Tắc hiện lờ mờ màu xám tro. Nhà cửa, cây cối im lìm. Bên trái chỗ anh đứng là dây hàng rào bằng cây vành-vành của nhà ông Huyện Tương, cao gần bằng vai anh và dài có đến năm mươi thước. Bên mặt anh, dòng nước thấy lờ mờ như đứng im, không chảy.

Bây giờ nhìn về phía dưới kia, lòng anh hết giao động rồi, hay là giao động một cách đau đớn. Anh chưa từng được nói với cô Yến một câu hay được cô cười với anh một cái! Tuy thế nhưng anh thấy như trước kia anh được tất cả và bây giờ thì mất hết rồi.

Anh thản thờ quay gót, đưa từng bước thất vọng về nhà. Bỗng anh dừng lại chú ý, lắng tai. Vẳng vẳng phía dưới kia như có tiếng người kêu gọi nhau. Anh quay nhìn trở lại. Hình như có ánh đuốc hồng hồng đàng xa mút, có lẽ ở độ khoảng nhà chú Xã. Anh có vẻ suy nghĩ một chút, rồi lắc đầu, chép miệng, tiếp tục đi về. Anh đang thông dong đưa bước gần tới đầu cầu thì ngạc nhiên dừng lại lần nữa. Hình như nghe có tiếng động nhẹ dưới đất xa xa phía sau anh, tiếng người chạy, người bước. Có lẽ vì anh đang buồn bực quá cũng chẳng muốn quay lại, đưa tay gãi đầu, mặt nhăn nhó tiếp tục đi. Tới cầu, anh không thể thản nhiên bước tiếp nữa vì tiếng động rõ lên, rất gần. Bờ sông mờ

mờ, trống không. Con đường xám nhạt, vắng ngắt. Bỗng anh chú ý tới sự lay động bất thường của một bụi vành vành khoảng vào giữa dây rào nhà ông Huyện. Anh chăm bẳm đôi mắt vào chỗ đó hơn một phút. Hình như... anh tìm kiếm :.. a... dưới chân rìo chỗ động đó có một bóng đen đang ngồi chồm hồm. Tức khắc anh chạy vọt xuống bên nhà anh cạnh đầu cầu nhỏ lấy một cây cột chèo của ghe anh khóa ở đấy rồi phóng mấy bước trở lên. Nhìn vào chỗ khi nãy, quái lạ, không thấy bóng ngồi đó nữa. Anh giụi mắt vài cái rồi nở to ra. Ối trời ơi! Anh hoảng hốt mà nhận thấy « người ấy » đã nhân dịp anh chạy xuống ghe, tiến tới gần cầu hơn mười thước và hiện đang ngồi chồm hồm dưới chân rìo cách anh không đầy ba sải. Anh lui lại vài bước, đề phòng. Tiếng nói của đoàn người từ xóm dưới đi về phía anh đã nghe rõ, bóng đuốc của họ cũng thấy chập chờn nhưng mắt anh không dám rời cái chân hàng rào. Anh vừa muốn gọi to lên chợt một nhận xét làm anh nín lại. Cái bóng ấy đen tuyền tít là có mặc đủ quần áo như vậy không phải là một tên trộm chánh cống. Anh bỗng nảy sanh tò mò và muốn khám phá. Anh nắm chặt cây cột chèo vào hai tay giơ lên ngang đầu hơi xẽ về bên phải rồi cẩn thận tiến từng bước ngắn. Một bước, hai bước, ba bước... chừng mười bước thì anh dừng lại, quan sát. Cái bóng ấy vẫn ngồi im lìm không động dấy, nhưng chắc tim hấn đập ghê lắm, anh đoán thế.

Tại sao trong trường - hợp này hấn không rút dao nhảy lại anh để, may ra, tìm được một sinh lộ như thói thường của các tên trộm cùng đường. Đám người đi gần tới, tiếng anh của cô Yến là Tư Vững nghe oang-oac như tiếng loa :

— Tại bữa nay tao ngủ trong nhà chớ tao ngủ ngoài sân như mấy bữa trước thì bây giờ nó đã bị treo giò giam tại nhà việc rồi, nghe.

Anh nghe Sáu Phiền đáp lại :

— Thôi đại ca ơi, chẳng nào đi trôm mà không lặn có dao theo. Rủi treo hụt giò nó, nó cho một lát theo trên mặt, chị Tư tôi không nhìn thì kêu trời không thấu đa . . .

Đồng bọn sắp đến nơi, anh Qui không sợ gì nữa, dù hẳn có dao. Anh dơ cây cột chèo cao hơn đầu một chút nữa rồi thỉnh-linh nhảy tới một cái gần hai thước, dơ cây định đập xuống.

Cái bóng ấy khủng khiếp quá bật đứng thẳng dậy như cái lò - so bị đứt dây, đưa khuôn mặt đối - diện hẳn với anh làm anh rụng rời muốn bật ngửa.

Cậu hai Mẫn đang đứng sững như pho tượng nhìn anh, chờ đợi. Có lẽ cậu nghĩ đây là tuyệt-lộ rồi. Trời đêm anh Qui không trông thấy ánh mặt kinh hoàng của cậu nhưng anh thấy tay mặt cậu đưa lên sờ-soạng trên bụi bông vành - vành như một người mất trí. Đôi môi cậu như có mấp-máy nhưng anh không nghe tiếng.

Cậu đang là con nai tơ kẹt giữa tầm súng của hai tay thiện-xạ mà một trong đó là kẻ thù không đội trời chung của cậu. Thực rõ là một con nai vì nó không móng, không vuốt, không có một chút khí giới để tự vệ cũng như cậu bây giờ không có lấy một gang sắt trong tay dù là có để mà tự vận.

Như thế mà cậu đang đứng trước một anh nông dân lực - lưỡng tay cầm cây và một đám người có gậy hèo sắp đến . . .

Sau rồi, trong tình-trạng đó, cậu còn có cái định dự của một thanh niên và tiếng tăm của dòng dõi cha ông cần phải giữ.

Thật là tốt dịp Tay của những người khác sẽ trả cái thù cho anh. Anh không cần phải hạ thủ, chỉ đứng yên đó để đợi đoàn người. Họ còn cách chỗ anh không đầy trăm thước. Những bụi tre, bụi trúc, nhánh xoài gie ra đường che khuất bóng anh, nhưng ánh đuốc của họ thì anh đã trông rõ. Giá bây giờ anh có tha cho cậu Mẫn thì cậu chạy cũng không kịp nữa.

Anh sẽ được thấy kẻ thù—hơn anh đủ mọi phương diện vật chất — bị đầy đọa tinh thần tới cực điểm trước mắt anh... và cô Yến. Anh đang khoái trá trả thù trong tưởng tượng thì nhà ông Huyện Tương bị tiếng trò chuyện om sòm của đám người càng lúc càng gần đánh thức. Họ dậy đốt đèn và lục cục mở cửa. Dòng cảm nghĩ của anh đang ngon lành chợt tắt. Không hiểu sao anh bỗng hạ cây xuống, rồi như hốt hoảng, nói mau với cậu Mẫn : Mau theo tôi. » Đứt lời quay lưng bước vội vàng về phía nhà anh.

Cậu Mẫn không biết sẽ bị dẫn đến đâu song cứ rảo bước theo như một kẻ mất trí. Anh Qui đi thẳng về nhà, vòng ra hè đến cửa hông nhà bếp chỗ anh ra khi nãy, đẩy nhẹ cánh cửa, để cậu Mẫn vô trước—anh bước theo sau rồi gài cửa lại.

Anh đưa cậu tới bộ ván ngủ của anh, đẩy cậu vô nằm phía trong và anh nằm chặn ngoài. Mùi dầu thơm đất tiền trong người cậu thoảng qua mũi anh nghe nhẹ nhèng, dễ chịu...

Tiếng trò chuyện huyền não của đám người bắt trộm đi tới trước nhà anh Qui

MỘT LỜI TRẢ THÙ

làm cha mẹ anh thức giấc. Ông già kêu con, hỏi :

— Qui à, có gì như nhà ai bị ăn trộm vậy, hả con ?

Để cha hỏi tới hai lần, anh mới làm như vừa giật mình, lấy giọng nhẹ nhẹ đáp :

— Trộm ở đâu ba ?

Liền khi đó, nghe tiếng Sáu Phiên nói om sòm trước sân :

— Chắc nó qua cầu rồi, anh em ơi ! Chớ mới nghe tiếng la anh em mình túa ra liền mà sao không gặp. Ngoài ruộng thì có dân canh. Không lẽ nó độn thổ. Vậy bây giờ mình chia làm hai tốp. Anh Tư với hai anh kia chạy mau qua cầu sắt đi, để tụi tôi ruộng trong xóm này cho.

Một phút sau đó, tiếng bước chân nện thình thình trên cầu. Sáu Phiên và hai người đi vòng sau hè nhà anh Qui, với theo nói giễu với mấy người kia, giọng chát chát sát bên tay cậu Mẫn, chỉ cách một tấm vách ván mỏng :

— Ê, coi chừng gặp thằng có võ, nó cho các cha thăm bà thủy lạnh lắm đa nghe !

Rồi họ cười lên sần sặc giữa đêm khuya.

Anh Qui nghe cậu Mẫn trở mình, dường như cậu không kìm nổi sự hồi hộp.

Cha anh hỏi lớn tiếng vọng ra hè :

— Nhà ai bị trộm đó mậy, Sáu ?

— Dạ, nhà chú xā, Bác Hai ơi.

Cha anh Qui vội vàng tốc mũng ngồi dậy, kêu con :

— Qui, chạy lại đặng thăm ra sao, con !

Anh Qui dạ hai ba tiếng nhưng không nhúc nhích. Anh đang như ngủ mê mệt

quá, dậy không nổi !.. Cạnh anh, cậu Mẫn lại trở mình, mùi dầu thơm nhẹ thoảng...

* *

Anh Qui kéo mền lên ngực, cầu nhàu :

— Ruộng thất mà cũng bắt để đong lúa ruộng cho đủ thì con nhịn đói còn gì ? Anh Mót ảnh lưu chút đỉnh mà tụi canh điền ông Hội đồng cũng đánh mō hồi một, ví bắt um sòm làm mình chạy mất công !

Cô Yến nghe vậy, trách lấy chồng :

— Bây giờ chuyện gì anh cũng chạy mau lắm. Hồi năm ngoái chút nữa em bị trộm giết rồi, không thấy bóng anh đâu hết.

Anh Qui mỉm cười :

— Trộm đó mà giết chóc gì em, nó hôn em thì có !

Cô Yến không để ý tới lời giễu cợt của chồng, tiếp tục kể lại cơn ác mộng :

— Em đi tiểu mới trở vô nhà thấy bóng nó sừng sững bên giường. Em la trộm om sòm mà nó không chạy vội, mới ghé chửi.

— Thì anh đã nói nó muốn trộm em mà !

Yến đập vào vai chồng ;

— Anh nói kỳ lắm. Bộ anh là tên trộm đó sao chứ ?

— Gần trúng đa. Nhưng mà chắc « nó » không thương em bằng anh đâu.

— Hứ ! Anh làm như anh biết nó là ai rồi vậy ?

— Chớ sao ! Biết rõ anh mới tha cho nó chớ ?

Yến chụp vai chồng :

— Thiệt hay chơi ! Anh bắt nó ở đâu, tại sao lại tha đi ? Anh Qui trả lời như cọt vọt :

— Tại anh thấy nó ăn mặc bảnh bao, xức dầu thơm ngát mà khi ấy quỳnh như chó bị đòn trông tội nghiệp quá. Nó toan qua cầu sắt để chạy về nhà.

Cô Yến lặng thinh, không hỏi nữa. Cô hiểu cả rồi... Cô nhớ lại đêm hôm ấy. . khi « nó » thoát qua cửa hình như có một thoáng gió thơm phất ngang mũi cô. Cô nghĩ là mùi hương của lọ nước hoa cậu Mẫn tặng ban chiều đang nằm trong túi áo... Nhưng sáng hôm ấy cậu đi biệt dạng tới ngày nay. Hỏi thì người ta bảo rằng cậu có việc cần ở Hà Nội phải đi gấp.

Yến bồi hồi. Cô thoát một đại nạn mà cô không hay. Hỏi hận cô quay ôm chặt chồng nhưng anh chàng này đã đi sâu vào giấc ngủ. Qua phút xúc cảm, cô buông chồng, sẽ sẽ đứng lên lục rương lấy lọ dầu thơm mà cô còn giấu để làm kỷ niệm, mở nhẹ cửa ra sân, vài phút sau người ta nghe một tiếng chũm giữa dòng rạch. Cô thở phào, khoan khoái như hất được một vật nặng bấy lâu đè trên tim cô, rồi lặng lẽ trở về nhà.

*
* *

T.B.— Nếu gần đây, các báo không đăng tải liên tiếp những vụ án mạng kinh khủng vì tình thì có lẽ tôi không nhớ lại câu chuyện này đã xảy ra tại quê nhà tôi ngót ba mươi năm về trước. Thoạt tiên tôi phục anh Qui là người cao thượng, nhưng bây giờ nghĩ kỹ lại tôi đâm nghi. Biết chừng đâu anh đã nhờ trực giác mà cấp thời tìm được một lối trả thù nhứt cử... tam tứ tiện. Được vợ, tình địch gồm mặt tiếng tăm của mọi gia đình đều tròn vẹn.

Nếu anh ta thực là nhân đạo, rộng lượng không có chút ả ý gì, không hề bị cái ghen ngầm dày vò tâm can năm trước ảnh hưởng lại thì tại sao, khi câu chuyện đã trôi qua biệt mù cả cường rồi anh còn « tình cờ » nói chơi với vợ một câu — dù chỉ một câu — ghê gớm như vậy.

Vả lại, trong tầng lớp nào cũng có những người ngoại hạng thì tại sao trong tầng lớp nông dân lại không thể có một người quý-quyệt và thâm độc?

Chúng ta có quyền ngờ lắm chứ!

VÂN-TRANG

- * Có những người cầm đầu chủ tâm đem pha người dưới để tăng thêm uy-thế cho mình. Họ không ngờ đó là một điều hết sức tai hại mà chính họ là nạn nhân trước hết (Courtois).
- * Bạn nên tránh việc khiển trách một người cầm đầu trước mặt một người đệ-tam, nhất là trước mặt những người làm việc dưới quyền người ấy, nếu bạn không muốn phá hoại quyền-uy và gieo rắc hỗn loạn trong công việc. (Courtois).

THƠ ĐOÀN-THÊM

THU CHIỀU NAY

Thu tự đâu về thoảng gió may
Gieo sương thưở trước lạnh chiều nay
Tìm quên cảnh cũ sầu hoa rụng
Gửi nhớ tình xưa mộng khói bay
Vườn chẳng đợi thu sầu lá úa
Thơ đương chờ ý dậy hương say
Buồn vui lặng lẽ trôi dòng mực
Còn chút mơ màng thả bóng mây.

Đ. T

BA NGƯỜI TỬ TÙ

(Phông dịch truyện *Le Mur* của J.P. SARTRE)

NGUỜI ta dẫn chúng tôi đến một gian phòng rộng lớn, quét vôi trắng và hai mắt tôi nhấp nháy vì ánh sáng chói lòa, sau đó tôi mới nhìn ra bốn người, y phục dân chính, ngồi sau một chiếc bàn, đang đọc giấy tờ.

Các tù nhân khác đã được dẫn ở phía cuối phòng và chúng tôi phải đi qua gian phòng đi để tới nhập bọn với họ. Trong bọn họ, có nhiều người mà tôi quen biết và cũng có nhiều người lạ mặt. Hai người đứng trước mặt trong có tóc vàng, đầu tròn xoe, trông giống nhau, tôi đoán họ là người Pháp, người trẻ hơn luôn luôn sờ quần lên, trông thật sốt ruột.

Chúng tôi cứ phải đứng thê trong suốt ba giờ, tôi thấy người như u mê, đầu óc trống rỗng, nhưng gian phòng vì nhiều hơi người trở nên âm áp và như thê tôi lại thấy dễ chịu vì suốt trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ qua, chúng tôi không ngớt run cầm cập vì rét.

Lính gác lần lượt dẫn phạ a nhân từng người một ra trước bàn giấy. Bốn gã ngồi đó hỏi họ về tên tuổi nghề nghiệp và phần nhiều chúng không hỏi gì hơn nữa, hoặc chỉ hỏi thêm một hai câu vớ vẩn như : « Mày có tham gia việc phá hoại quân cụ không ? » hay là : « Sáng hôm mồng Chín mày ở đâu ? và mày làm gì ? » Chúng không nghe những câu trả lời hay làm bộ như không cần nghe, chúng yên lặng một lúc và nhìn thẳng trước mặt rồi lại cúi xuống viết. Đèn lượt Tom, chúng hỏi có phải thật anh tòng ngũ trong « Lữ Đoàn Quốc-Tê ». Tom không chối được vì tội chúng đã khám được các giấy tờ trong túi áo của anh. Đèn lượt Juan, sau khi hỏi tên anh, chúng không hỏi gì thêm nữa và cứ viết lia lịa.

Juan cãi :

— Anh tôi là José mới là người chồng Chính Phủ. Các ông cũng thừa biết anh tôi không còn ở đây nữa, còn tôi, tôi không thuộc đảng phái nào

BA NGƯỜI TỬ TÙ

cả và tôi không bao giờ làm chính trị cả.

Những tên kia không thèm đáp. Juan lại kêu nài :

— Tôi không hề làm gì cả. Xin đừng bắt tôi phải chịu tội thay cho kẻ khác.

Đôi môi anh run lên. Một tên quân canh bắt anh ta phải im và lôi anh đi. Thề là đèn lướt tôi. Một tên hỏi tôi :

— Anh tên là Pablo Ibbieta phải không ? Tôi nhìn nhận là đúng.

Tên đó nhìn các giấy tờ của tôi rồi hỏi tiếp :

— Thăng Ramon Gris ở đâu ?

— Tôi không biết.

— Anh đã cho hắn trốn trong nhà anh từ mồng 6 đến 19 ?

— Không phải.

Chúng lại viết một lúc rồi quân canh dẫn tôi ra. Ngoài hành lang, Tom và Juan bị hai quân canh giữ, đợi tôi ra để cùng đi. Tom hỏi một tên quân canh :

— Thề là thề nào ?

— Cái gì « thề nào » ?

— Đây là một buổi lấy khẩu cung hay là phiên xử án ?

— Đây là phiên xử án.

— Nay ông, thề người ta sẽ bắt chúng tôi chịu hình phạt gì đây ?

Tên quân canh trả lời buông sông.

— Rồi người ta sẽ đem bản tuyên-án tới phòng giam các người.

Thực ra phòng giam của chúng tôi chỉ là một căn hầm của nhà thương. Trong căn hầm, gió thổi lùa qua những cửa trống thông hơi nên lạnh một cách ghê gớm — Xuất đêm, chúng tôi bị rét run lập cập, nhưng ban ngày cũng chẳng đỡ hơn tí nào. Năm hôm trước đây, tôi đã bị giam trong ngục tối của Toà Tổng Giám-Mục, một thứ ngục thật để giam tù chung thân có lẽ xây từ thời Trung-cổ. Vì có nhiều phạm nhân quá, và ít chỗ giam nên người ta nhốt họ vào bất cứ chỗ nào. Tôi không tiếc nơi ngục thật đó, vì ở đó tuy đỡ lạnh hơn song tôi bị nhốt một mình, và sự đơn độc trong suốt ngày này qua ngày khác làm cho con người trở nên rất bức tức. Trong hầm này tuy gió rét nhưng có bạn. Juan không nói năng gì : vì hắn sợ hãi cũng có và vì hắn còn non trẻ quá không nghĩ ra câu gì để nói.

Nhưng Tom thì có khoa nói và hắn nói rất thạo tiếng Tây-ban-nha.

Trong căn hầm, có một cái ghế dài và bốn cái nệm rơm.

Khi tụi họ dẫn chúng tôi trở lại căn nhà hầm rồi thì chúng tôi ngồi lặng lẽ chờ đợi. Một lúc sau, Tom nói :

— Chúng mình đi đứt rồi.

Tôi đáp :

— Tao cũng nghĩ vậy, nhưng tao chắc họ không làm gì thằng nhỏ đâu.

— Họ không thể buộc cho nó tội gì được. Nó chỉ là em một chiến sĩ thôi, chứ tội tình gì,

Tôi nhìn Juan : hắn dường như không nghe câu chuyện của chúng tôi. Tom nói tiếp :

— Mà y có biết ở Saragosse chúng làm thế nào không ? Chúng xếp tù nhân nằm dài trên đường và cho xe cam nhông cán. Chính một người « Maroc » đào ngũ đã kể lại với chúng tao. Họ làm thế để tiết kiệm đạn được đây.

— Nhưng làm vậy có tiết kiệm được đâu sáng đâu.

Tôi rất bực mình với Tom : đáng lẽ hắn không nên kể câu chuyện ấy. Hắn lại tiếp :

— Có các viên sĩ quan đi đi lại lại trên đường để trông coi, tay dứt túi thần nhiên hút thuốc. Mà y tưởng có ai chưa chết chúng bắn dùm một phát hả ? Chúng mặc kệ họ cho họ rên la, có khi hàng giờ. Người lính Ma-rốc nói lần đầu tiên, hắn tởm quá suýt nôn mửa.

— Tao chắc ở đây họ không làm thế đâu, nếu quả thực họ không thiếu đạn được.

Ánh sáng tuôn vào căn hầm do bốn cửa sổ thông hơi và một cái cửa tròn ở trên trần về phía bên trái và lộ thiên. Cái cửa tròn này trước kia có cánh cửa nắp đập trên, và do cửa này, người ta cắt than xuống hầm. Ngay dưới cái cửa tròn này, hãy còn một đồng than vụn, than này dùng để đun lò của bệnh viện, nhưng khi chiến tranh mới phát khởi, thì người ta phải cho bệnh nhân dời đi nơi khác và chỗ than kia không

được dùng đến ; đôi khi mưa xuống ướt cả vì người ta đã quên không đập cửa nắp xuống.

Tom lại bắt đầu run rẩy, hắn nói :

— Thánh sư nó, tao lại bắt đầu run đây.

Hắn vùng đứng dậy và làm mấy tác-động thể-dục. Cứ mỗi khi hắn cử-động là hai mép áo của hắn lại tung ra, để lộ bộ ngực trắng đầy lông, rồi hắn nằm ngửa, vát chéo hai chân, giơ lên trời, để lộ hai mông to lớn. Người Tom lực lưỡng mập - mập, nhìn hắn tôi liên tưởng tới những viên đạn hoặc những mũi lưỡi lê nhọn hoắt sắp sửa xuyên qua lớp da thịt mềm mại như một miếng « bơ » kia. Giá hắn gầy gò, thì cảm tưởng của tôi lại khác.

Nói là tôi cảm thấy giá lạnh thì không đúng lắm, vì tôi cảm thấy như mất hân đôi vai và đôi cánh tay. Thành thoảng tôi có cảm tưởng tôi thiếu một cái gì và tôi quơ tay toan tìm cái áo ngắn mặc ngoài của tôi, nhưng rồi tôi lại chợt nhớ rằng chúng nó không cho tôi mặc loại áo ngắn này. Thực là đau đớn, chúng lấy hết quần áo của chúng tôi để cho lính mặc và chỉ để cho chúng tôi cái áo lót, và cái quần vải mỏng dùng cho bệnh nhân mặc vào giữa mùa hè. Một lát sau, Tom đứng lên và lại ngồi cạnh tôi, thở hồn hển :

— Mà y có thấy âm hơn không ?

— Chẳng thấy âm cóc khô gì cả, nhưng mẹt thờ dộc lên đây.

Vào khoảng tám giờ tối, một viên thiếu tá, có hai tên lính chiến đi theo,

BA NGƯỜI TỬ TỬ

tới căn hầm giam chúng tôi. Hắn cầm một tờ giấy và hỏi tên lính gác :

— Ba đứa này tên chi ?

Tên lính canh đáp :

— Steinbock, Ibbieta và Mirbal.

Viên thiếu tá lấy kính đeo vào mắt rồi tìm trong bảng danh sách, lầm nhảm :

— Stein bock... Stein bock... Đây rồi. Anh bị án tử hình và sáng sớm mai sẽ bị hành quyết.

Hắn lại nhìn trên giấy và tiếp :

— Hai người kia cũng vậy.

Juan kêu lên :

— Có lẽ nào ? Không phải tôi đâu.

Viên thiếu tá ngạc nhiên nhìn Juan :

— Thề anh tên là gì ?

— Juan Mirbal.

— Vậy thì tên anh đây, anh đã bị kết án rồi.

— Tôi có làm gì đâu ?

Viên thiếu tá nhún vai quay về phía Tom và phía tôi rồi hỏi :

— Các người là dân Basques ?

— Không ai là dân Basques cả.

Hắn lộ vẻ bức sức :

— Người ta cho tôi biết là có 3 tên dân Basques nhưng tôi thì giờ đâu mà dò hỏi cho ra. Thề nào ? Tất nhiên các người không cần linh-mục chứ ?

Chúng tôi không buồn trả lời. Hắn tiếp :

— Một Y-sĩ người Bỉ lát nữa sẽ tới đây. Ông ta được lệnh tới ngủ đây với các người đêm nay.

Nói đoạn, hắn chào theo kiểu nhà binh rồi trở ra. Tom bảo tôi :

— Tao đã báo trước mày mà bọn mình « tong » rồi.

— Ủ, tội nghiệp cho thằng nhỏ.

Tôi nói vậy cho công bằng nhưng tôi không tra thằng nhỏ này. Hắn có bộ mặt rất thanh nhã nhưng lo sợ và đau khổ làm cho mặt hắn biến đổi hẳn, và trở thành héo hắt tiêu tụy. Cách đây ba hôm, hắn còn là một đứa nhỏ khôi ngô dễ thương nhưng hôm nay trông hắn già đanh như một cái vỏ đóng nút chai cũ kỹ, và tôi đoán dẫu hắn có được tha ra có lẽ cũng không thể có lại cái vẻ trẻ trung được nữa. Kể ra đem lòng thương xót hắn một chút cũng lẽ phải, nhưng lúc này tôi ghê tởm, hay nói đúng hơn tôi kinh sợ tình thương hại.

Thằng nhỏ không nói gì nhưng người nó xám lại : mặt mũi chân tay đều xám ngoẹt. Nó lại ngồi xuống và mở tròn mắt nhìn xuống đất. Tom vốn có lòng tốt, định nắm lấy tay hắn để an ủi nhưng hắn nhăn nhó, rút mạnh tay ra.

Tôi bảo khế Tom :

— Thôi kệ nó, mày trông nó sắp phát khóc đây.

Tom ngán ngại nghe theo lời tôi, vì thực ra hắn rất muốn đỡ dành thằng nhỏ để khỏi có thì giờ mà nghĩ

đền chính hần. Nhưng điểm đó làm tôi bực tức, Tôi chưa bao giờ nghĩ đến sự chết vì chưa có dịp nào nghĩ đến, nhưng bây giờ chính là dịp để nghĩ tới và không còn có gì khác để làm hơn là nghĩ đến cái chết.

Tom lại lên tiếng :

— Mà y đã « hạ » người ta bao giờ chưa mà ?

Tôi không đáp gì cả. Hần bắt đầu cắt nghĩa cho tôi nghe là hần có « hạ » sáu người vào đầu tháng tám, hần không hiểu rõ được tình - trạng họ ra sao và tôi biết hần cũng *không muốn* hiểu rõ. Chính tôi, tôi cũng không tưởng - tượng được rõ rệt sự việc ra sao, tôi tự hỏi không biết có bị đau đớn lâu không, tôi nghĩ đến những viên đạn, tôi hình dung ra làn mưa đạn bông cháy xuyên qua thân thể tôi. Tất cả những điều đó chưa phải là vấn-đề chính, nhưng tôi vẫn trầm-lặng chúng tôi còn cả một đêm nay để tìm hiểu :

Sau một lát, Tom không nói gì nữa, tôi liếc mắt nhìn hần và thấy chính hần, hần cũng xám người lại, và dáng điệu rất thiếu-não, tôi nghĩ thầm : « Cũng một trạng - thái ấy bắt đầu ». Trời đã gần tối hần, một ánh sáng lờ-mờ chiều qua cửa sổ thông hơi, hắt vào đồng than, in một vết đen thâm lớn trên nền trời ; qua cái cửa tròn ở trên trần, tôi đã nhìn thấy một ngôi sao lấp-lánh : đêm nay trời sẽ quang-đãng và giá lạnh.

Cửa chợt mở và hai tên lính canh đi vào, theo sau là một người đàn ông tóc vàng, mặc quân phục Bỉ. Ông ta chào chúng tôi và nói :

« Tôi là y-sĩ. Tôi được phép đến đây trợ giúp các ông trong những lúc cực khổ này ».

Ông ta có một giọng nói êm tai và lịch-sự. Tôi hỏi ông ta :

— Ông đến đây để làm gì ?

— Tùy theo ý các ông muốn. Tôi sẽ cố hết sức làm cho những giờ phút này bớt nặng nề đối với các ông.

— Tại sao ông lại đến với riêng chúng tôi ? Còn bao nhiêu người khác chật đầy bệnh viện này thì sao ?

Ông ta trả lời một cách mơ hồ ;

— « Tôi được người ta phái đến đây » rồi vội vã nói tiếp :

— À chắc các ông thích hút thuốc chứ ? Tôi có thuốc lá đây, cả xì-gà nữa.

Ông ta mời chúng tôi hút thuốc lá Anh-cát-lợi, nhưng chúng tôi từ chối. Tôi nhìn tận mặt ông ta khiến ông ta tỏ vẻ khó chịu. Tôi nói :

— Ông đến đây chẳng phải vì thương hại gì chúng tôi đâu. Và lại tôi đã biết mặt ông. Hôm tôi mới bị bắt, tôi có thấy ông đi với tụi phát-xít trong sân trại lính.

Tôi đã toan nói nữa nhưng chợt một ý nghĩ nào đó làm tôi im tiếng : đột nhiên tôi cảm thấy không lưu ý đến sự hiện diện của viên y sĩ nữa. Lúc thường thì khi tôi đã công kích ai là tôi nói đến cùng, nhưng lúc này tự nhiên tôi cảm thấy không muốn nói nữa ; tôi nhún vai, nhìn đi nơi khác.



Một lát sau, ngẩng lên, tôi thấy viên y sĩ đang ngắm nhìn tôi với một vẻ tò mò. Hai tên quân canh ngồi trên một cái nệm rơm. Thằng Pedro, cao và gầy ngồi không, còn thằng kia thỉnh thoảng lại lắc lư cái đầu cho khỏi buồn ngủ. Pedro chợt hỏi viên y sĩ :

— Ông có cần đèn không.

Viên y sĩ gật đầu. Tôi thầm nghĩ tuy hắn ngốc nghếch nhưng chắc không có tâm địa ác. Cứ nhìn đôi mắt to, xanh và lạnh lùng, thì tôi đoán phần nhiều hắn chỉ phạm tội vì kém trí tưởng tượng mà thôi. Pedro đi ra và mang vào một cái đèn dầu, để trên đầu cái ghê dài. Cây đèn tù mù nhưng còn hơn là không có, đêm qua chúng

tôi bị tối mò. Trong một lát tôi nhìn cái khoảng ánh sáng tròn ở trên trần do cây đèn chiều hắt lên. Tôi chờ người ra. Rồi bất chợt tôi lại tỉnh lại, vòng ánh sáng tròn mờ đi, tôi nằm quy xuống và có cảm tưởng như có một vật nặng gì ghê gớm đè trên người tôi. Không phải tôi nghĩ đến cái chết, cũng không phải tôi lo sợ về cái chết: không thể nào nói được cảm tưởng của tôi lúc này là cảm tưởng gì. Hai gò má tôi nóng ran và đầu tôi nhức-nhối.

Tôi cựa người và nhìn hai người bạn tôi. Tom đang vùi đầu giữa hai tay hắn, tôi chỉ trông thấy cái gáy mập và trắng của hắn thôi. Còn thằng nhỏ

Juan thì có vẻ thiếu nã hơn nhiều, mồm hần há hốc, hai lỗ mũi phập phùng. Viên y-sĩ Bỉ lại gấn hần và đặt một bàn tay lên vai như muốn úy-lạo hần nhưng đôi mắt hần vẫn lạnh lùng. Rồi tôi thấy bàn tay người Bỉ sờ lẩn khắp cánh tay cho tới tận cổ tay của Juan. Juan cứ để mặt cho người ta làm gì cũng được. Viên y-sĩ Bỉ dùng 3 ngón tay, cầm lấy cổ tay Juan dáng điệu lơ-đãng, hần lùi lại một chút và quay lưng về phía tôi, nhưng vì tôi nghiêng người về phía sau nên tôi trông thấy rõ hần rút một chiếc đồng hồ bỏ túi ra chăm chú, nhìn mặt đồng hồ, tay kia vẫn không rời cổ tay thẳng nhỏ ra. Một lát sau hần mới buông rơi cái bàn tay cứng đờ kia ra đoạn hần đi ra một chỗ đứng dựa lưng vào tường, rồi như chợt nhớ ra một điều gì rất quan trọng, hần rút quyển sổ trong túi ra ghi mấy hàng. Tôi bực tức nghĩ thầm « thẳng bản tiện, mà lại bắt mạch tao, tao sẽ tặng cho một quả vào miệng ».

Hần không lại nhưng mà tôi thấy hần nhìn tôi. Tôi ngừng đầu lên và nhìn trả lại. Hần nói với tôi bằng một giọng băng quơ :

— Anh không thấy ở đây rét ư ?

Hần ra vẻ lạnh lắm. Người hần tím lại. Tôi đáp :

— Tôi không thấy lạnh.

Hần vẫn cứ nhìn tôi, con mắt có vẻ nghiêm khắc. Tôi chợt hiểu và tôi đưa tay lên sờ mặt : thì ra mặt tôi đầm đìa mồ hôi. Trong căn hầm trông

trái gió lửa hun hút, giữa tiết đông giá lạnh, mồ hôi tôi vẫn chảy dòng dòng. Tôi luồn tay qua mớ tóc của tôi, tóc tôi cũng nhơm nhớp vì mồ hôi, đồng thời tôi nhận thấy cả chiếc áo lót của tôi cũng ướt đầm mồ hôi và dính vào người tôi : có lẽ tôi đã teát mồ hôi ít nhất cũng đến một tiếng đồng hồ rồi mà tôi không hay gì cả, nhưng thẳng Bỉ khôn nạn kia thì đã biết cả, hần đã trông rõ những giọt mồ hôi lẩn trên má tôi và chắc chắn đang trầm nghĩ : đây là sự biểu hiện một trạng thái khiếm đảm hầu như thuộc về bệnh lý học ; và hần kiêu hãnh cảm thấy hần được bình thường, nghĩa là cảm thấy rét lạnh như thường.

Tôi định đứng dậy cho hần một quả tông vào giữa mặt, nhưng tôi vừa mới phác một cử chỉ thì sự xấu hổ và giận dữ của tôi lại tiêu tan ngay ; tôi lại thản-nhiên ngồi phịch xuống chiếc ghế dài.

Tôi lấy chiếc khăn tay chà xát lên cổ gáy tôi, vì bây giờ tôi cảm thấy mồ hôi giò giọt từ trên đầu xuống gáy rất khó chịu, nhưng một lát sau tôi lại cũng chẳng thiết lau cổ gáy nữa, vì lau cũng vô ích ; tôi cầm chiếc khăn tay xoắn lại và mồ hôi tôi vẫn chảy.

Cả hai móng tôi cũng đổ mồ hôi làm cho quần tôi ướt dính vào ghế.

Bất chợt, thẳng nhỏ Juan hỏi viên y-sĩ Bỉ :

— Ông là y-sĩ ?

— Phải.

— Thề người ta có bị đau đớn . . . lâu không ông ?

BA NGƯỜI TỬ TỬ

— Ô, lúc nào... À không, chóng xong lắm.

Lão Bỉ cô lấy giọng thân mật nói ra vẻ như muốn làm vững tâm một bệnh nhân thuộc loại phải trả tiền. Rồi hẳn lúc lắc cái đầu nói tiếp:

— Nhưng mà tôi... người ta bảo tôi rằng... đôi khi cũng phải hai hăng đạn mới xong.

— Như thế thì lại phải nạp đạn lại và phải ngắm lại lần nữa ư?

Viên y-sĩ ngẫm - nghĩ và nói bằng một giọng khàn khàn:

— Như thế cũng kéo dài thì giờ ra thật đây.

Thằng nhỏ lo sợ ghê-gớm về sự đau đớn khi bị hành-quyết, nó chỉ nghĩ đến sự đó thôi: vì ở trạc tuổi nó, ai cũng thế. Còn tôi, tôi không nghĩ nhiều đến điều đó và không phải vì sợ đau đớn mà tôi bị toát mồ hôi.

Tôi đứng dậy và đi tới chỗ có đồng than vụn. Tom giật mình và cau có nhìn tôi: tôi làm hắn bực mình vì tiếng giấy của tôi nện mạnh trên sân. Tôi tự hỏi không biết mặt tôi có tái mét như mặt hắn không? tôi thấy hắn cũng toát mồ hôi.

Tối nay trời rất quang đãng và vì ở phía này không có một tia đèn sáng nào, nên tôi chỉ ngẩng đầu lên là trông ngay thấy chùm sao Đại-hùng-tinh, nhưng lúc này chẳng còn giống như khi trước nữa: ngày hôm kia, ngồi từ nơi ngục thất của Toà Tổng Giám Mục, tôi cũng trông được thấy một mảng trời và cứ vào mỗi khoảng thời

gian trong ngày, tôi lại nhớ đến một kỷ niệm khác nhau. Buổi sáng khi trời xanh thắm thì tôi liền tưởng đến những bãi cát phẳng bên bờ Đại Tây Dương; buổi trưa, tôi trông thấy mặt trời thì tôi lại nhớ đến một tửu quán ở Séville ở đó tôi vừa uống rượu manzanilla vừa ăn món cá đồi với trái Ô-liu; vào quá trưa thì nơi ngục thất của tôi đã tối lại và tôi nghĩ đến bóng tối nặng nề bao phủ trên một phần những bãi sa-mạc, còn nửa kia thì lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời. Những lúc đó thật là buồn bã khi thấy cả trái đất phản chiếu lên nền trời. Nhưng vào giờ này, tôi tha hồ nhìn lên không trung, nhưng cảnh trời không gợi cho tôi một kỷ niệm nào nữa. Thôi như thế càng tốt. Tôi trở lại ngồi cạnh Tom, trong một lúc lâu.

Rồi Tom bắt đầu sẽ nói. Bao giờ hẳn cũng cứ phải nói lên, không thì hẳn không sao nhận định rõ được tư tưởng của hắn. Tôi chắc là hắn định nói với tôi đây, nhưng hắn lại không nhìn vào tôi. Chắc vì hắn sợ phải nhìn thấy tôi ở trạng - thái hiện tại: người xám ngắt và ướt đầm mồ hôi: chúng tôi khác nào như những cái gương soi, phản chiếu lại hình ảnh của nhau. Hắn nhìn lão y-sĩ Bỉ. cái con người được sống, và hắn nói:

— Mà có hiểu gì không? Tao, tao chẳng hiểu ra làm sao cả.

— Tôi cũng đưa mắt nhìn tên Bỉ và khẽ đáp:

— Sao có cái gì thế?

— Có một sự gì sắp đến với chúng ta mà tao không sao hiểu được.

Tôi ngửi thấy một mùi gì lạ ở quanh người Tom. Có lẽ lúc này tôi thính mũi hơn lúc thường. Tôi cười khẩy :

— Thì lát nữa mày sẽ hiểu.

Tom nói với một vẻ ương - ngạnh :

— Thật là khó hiểu. Tao muốn can đảm lắm, nhưng mà ít nhất tao cũng phải được biết... Này nhé, chúng dẫn bọn mình ra sân, rồi bọn chúng xếp hàng ở đằng trước chúng mình... Bọn chúng độ mấy đũa ?

— Tao không biết. Độ năm hay tám người chớ không hơn đâu.

— Được rồi, chắc độ tám đũa. Người ta sẽ hô lên một hiệu lệnh : « Nhắm bắn » và tao sẽ trông thấy tám mũi súng chĩa về phía tao. Tao chắc rằng lúc đó tao muốn chui vào trong bức tường, tao sẽ cố sức bình - sinh dùng lưng tao mà đẩy vào bức tường, và bức tường thì cản lại tao y như những cơn ác mộng. Tao có thể tưởng tượng được ra những cảnh đó. Ô giá mày biết được tao có thể tưởng-tượng ra quang cảnh đó rõ rệt như thế nào.

— Được chứ, tao cũng tưởng tượng ra được cảnh đó.

Rồi Tom nói tiếp với một giọng dữ tợn :

— Chắc là một cực hình dã-man lắm. Mày biết không, có khi chúng cứ nhắm đúng mắt và miệng mình mà bắn để làm không ai nhận ra mặt mình nữa. Tao cảm thấy như đã đang bị thương rồi ; tao thấy đau nhức trong đầu trong cổ từ một tiếng đồng hồ. Không phải

sự đau đớn thực sự đâu, nhưng còn khổ hơn thế nữa : đó là những sự đau đớn mà sáng sớm mai tao sẽ phải chịu đựng. Nhưng rồi sau đó thì sao ?

Tôi hiểu rõ ý hẳn muốn nói gì, nhưng tôi lại làm ra vẻ như không hiểu.

Còn về những sự đau đớn thời tôi cũng cảm thấy như hẳn. Khác nào như tôi bị nhiều vết thương trên mình mấy tôi. Tuy rằng không quen với sự đau đớn nhưng tôi, cũng như Tom, không cho sự đau đớn là quan trọng. Tôi trả lời gắt gỏng :

— Rồi sau đó thì mày « chui xuống đất » chứ còn sao nữa !

Tom lại nói cho một mình hẳn nghe thôi, mắt hẳn vẫn không rời tên Bỉ. Tên này có vẻ không nghe ngóng gì cả. Tôi biết hẳn đèn đây để làm gì rồi, không phải để tìm hiểu tư-tưởng của chúng tôi mà chính là để nhìn cái cảnh thân thể chúng tôi hấp hối mặc dầu chúng tôi còn sống nguyên.

Tom nói :

— Thật đúng như là trong những cơn ác mộng. Người ta muốn ngãi đèn một điều gì, luôn luôn người ta tưởng rằng người ta sắp hiểu cả nhưng rồi ý nghĩ lại trôi đi, biến mất, rồi lại trở lại lần quật trong trí óc ta. Tao tự nhủ sau này sẽ không còn gì cả. Nhưng mà tao không hiểu thế là nghĩa lý gì. Cũng có lúc tao sắp gần như.. rồi lại thôi, rồi tao lại bắt đầu nghĩ đến những sự đau đớn, những viên đạn, những tiếng nổ. Tao thể với mày là tao duy-vật, tao lại cũng không điên nữa.

Nhưng mà tao vẫn thấy một cái gì khác thường : tao như trông thấy cái xác của tao : trong thấy cái xác nào có khó khăn gì, nhưng mà *chính tao, chính mắt tao* lại trông thấy cái xác tao, có lẽ bây giờ tao phải cố tập suy tưởng... suy tưởng rằng tao sẽ không trông thấy gì nữa, không nghe thấy gì nữa và cuộc đời sẽ chỉ tiếp diễn đời với những kẻ khác mà thôi. Bình thường ra, có bao giờ chúng ta phải suy nghĩ như thế này đâu, Pablo ạ. Mà có thể tin lời tao được, tao cũng đã có lần thức suốt cả một đêm để chờ đợi một sự gì. Nhưng cái sự mà chúng ta chờ đợi đây khác hẳn khi trước. Cái sự đó sẽ đến rất đột ngột với chúng ta và chúng ta không tài nào chuẩn bị trước được.

Tôi bảo Tom

— Mà có muốn tao mời cha rửa tội không ?

Hắn lặng thinh. Tôi nhận ra rằng hắn có vẻ như muốn làm nhà tiên tri, và gọi tên tôi, Pablo, với một giọng giận dữ. Tôi không ưa thích điều này nhưng hình như tất cả mọi người Ái-nhĩ-Lan đều như thế cả. Tôi thấy phảng phất như người Tom có mùi khai của nước tiểu. Thực tình ra tôi cũng không có nhiều cảm tình đời với Tom, vậy thì việc gì phải vin lấy cơ rằng sắp cùng chết với nhau, để mến nhau hơn ? Giả như đời với thằng Ramon Gris thì tôi lại nghĩ khác, nhưng ngồi giữa Tom và Juan, thì tôi vẫn thấy cô đơn, và lại như thế tôi càng thích, giả có Ramon ở đây thì tôi sẽ mềm lòng. Nhưng mà lúc này đây tôi rất sắt đá, và tôi muốn rằng lòng tôi cứ sắt đá hoài.

(Còn tiếp)

A. T phỏng dịch

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tứ chu-niên » (15 - 1 - 1961)

Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số « Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tứ chu-niên Bách-Khoa », trân trọng mong các bạn gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa trước ngày 30-11-1960.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng để tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên-lạc trao đổi ý kiến với tác-giả.

B. K.

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158. Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIÊU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Su

24 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

giã từ

— Úa ! rồi ông bạn chuyên *i* thiệt ó sao ?

« Ông bạn » được sẵn đón hỏi han đó là tôi. Lần này tôi đi thật. Vì vậy mà không vôi-vàng trả lời, tôi thông thả thưởng thức sự quan-trọng của mình.

Người hỏi tôi mặc bộ đồ bà ba đen, quần khăn lông quanh đầu, đi chân trần không guốc không dép gì cả. Đó là một người dân chài đã ngoài bốn mươi lăm.

Đợi tôi xác nhận cái tin tôi sắp giã từ Q.N. xong, người bạn dân chài sa sầm nét mặt, nói :

— Tụi tôi nghe tin, buồn hết ức vậy ó ?

Tôi hiểu cái lòng chân thành của ông Sáu : có mực khô nướng mà không có chén rượu ông ta « buồn hết xúc », có ruốc tươi mà không có miếng kẹo đậu phụng để giã vào nước mắm ông ta cũng « buồn hết xúc »... Tôi bèn thân mật vỗ lên vai ông ta dỗ dành :

— Buồn vậy, nhưng mà có cá cơm trông ăn gỏi và có rượu nhắm thì ông Sáu cũng cố gắng vui một chút được chớ ?



— Thôi *i*, giờn hoài ! Ở, mà chiều nay, *ran* gặp nhau tụi tòi mời ông bạn dự một bữa gỏi cá. *Ược* không.

— Chiều nay thì không.

— *Xao* vậy ?

— Tòi định tìm chiếc ghe đi qua bên P.M. một lần chót, để chào ông Tám giữ ngọn hải đăng ấy mà.

— Vậy thì hay lắm ; tụi mình đem ổ nhấm lên ghe, vừa *i* vừa dùng. Tòi rú thẳng Tư Tái theo, cho nó lặn gổ một ít hàu ăn thêm cho vui.

Thế thì, nhất định là vui, không còn nghi ngờ gì nữa. Bao giờ có cá tươi để ăn và có rượu nhấm thì người dân chài dễ dãi liền tin tưởng ngay rằng chồn cực lạc quyết không thể ở cách xa mép nước. Buổi đầu tiên tòi được quen ông Sáu cũng tại nơi bờ biển, khi ông ta xách cái câu, con nheo mắt ngóng đợi chiếc ghe của mình trở về để xúc một câu ruốc chạy về nhà ăn gỏi. Tòi tò mò hỏi qua về món ăn ấy, và ông Sáu liền niềm nở rú tòi dự tiệc. Từ đó tới nay tòi đã dự với ông Sáu không biết bao nhiêu lần tiệc nhỏ tiệc lớn. Người dân chài không biết cách nấu nướng cầu kỳ, không dùng nhiều gia vị, gán hết các thứ tôm cá ở bể bắt lên họ thích hoặc luộc, hoặc bóp dầm ăn ngay với rau thơm. Tính họ dễ dãi và hay mời mọc nên những cuộc ăn uống như thế thường tụ tập nhiều bạn bè và tốn kém khá nhiều. Một đôi khi tòi toan góp ý-kiến với ông bạn vong niên nghèo nàn về một cách sống tận tiện hơn thì ông Sáu cười ngất, khóa tay trả lời rằng của cải do nghề biển làm ra là của

bọt nước, có đây rồi lại tan đây, làm sao mà để dành được ? Những người bạn xúm xít quanh mâm rượu cũng vùng lên cười rộ về sự ngờ nghệch của tòi : « Của bọt nước, làm sao mà để dành được ỉ ». Tiếng cười vui về cời mở của họ vang lên âm ỉ rồi tắt đi dễ dàng như tiếng sóng đánh ào tới một cái rồi tan liền ; họ lại vui ăn vui uống, lời khuyên can của tòi bị cuốn ào đi không để lại một dấu vết.

Lần lữa ngày tháng trôi qua, tòi kết bạn với ông Sáu được hai năm. « Quân tử chi giao đạm nhược thủy », mối giao tình giữa hai chúng tòi không được giống thứ tình lạt lẽo của người quân tử, trên thứ giao tình chúng tòi nó cứ phảng phất luôn luôn một mùi men nồng. Bọt nước tan đây rồi lại nhóm ngay đây, ông Sáu không góp của cất nổi một cái nhà ngói, mua nổi máy trâu thanh, xe vét-pa v.v... nhưng để tổ-chức những cuộc ăn uống thì lúc

ĐÔNG Y - SĨ

VŨ DUY THIÊN

Số 612/138 Phan-dinh-Phùng đường Bàn Cờ — Saigon (chùa Kỳ-Viên thàng vào gần trường Lam-Sơn) hành nghề trước ở Nam Định và Hà Nội, CHUYÊN CHỮA ĐÀN ÔNG : thận hư, dương sự kém, liệt dương, mộng tinh, di tinh, ĐÀN BÀ khí hư, huyết hư muộn sinh đẻ Bệnh phổi ho lao, đau bao tử, ngoại cảm nội thương, người lớn, trẻ em, giờ làm việc từ 7 giờ sáng tới 9 giờ chiều. (Chú nhật không nghỉ).

nào ông cũng sẵn sàng. Hôm nay được tin tôi nhất định rời khỏi Q.N. đi làm ăn xa, ông Sáu « buồn hết xúc » lại muốn rủ nhau tiêu sấu bằng cá tươi. Tôi bằng lòng.

Tôi tỏ ý muốn biết cùng đi với chúng tôi ra hải đảo chiều nay có những ai. Ông Sáu liền trả lời ngoài tôi với ông chỉ thêm có ông Ba Thê và chú Tư Tái mà thôi. Tôi giật mình, không ngờ sự tình cò lại ghép ông Ba Thê trong bữa ăn tiễn biệt tôi, lại cho tôi gặp ông Ba Thê một cách trịnh trọng như vậy trước khi rời bỏ Q.N. Bởi vì ông Ba Thê Đồng Thời là lịch sử một đoạn đời của tôi ở đất Q.N.

* * *

Ông Ba Thê Đồng Thời vào khoảng trên dưới năm mươi lăm, tuổi, đầu tóc bạc từ hồi bốn mươi, là một người có phong thái đặc biệt khoan thai nhàn nhã. Ông ta có nhà cửa, có vợ và ba con, trai có, gái có, bạn hữu có, trà tàu uống sáng có, phở ăn khuya đôi khi cũng có, chỉ có một điều ông Ba Thê chịu thiếu thốn đã lâu, ấy là nghề nghiệp. Ông ta thật nghiệp ít nhất cũng trên hai mươi lăm năm rồi. Và, căn cứ trên hiện tình sức khỏe cùng tâm lý của ông, chúng ta yên trí ông còn có thể tiếp tục thật nghiệp như thê vài mươi năm nữa.

Có ai thật nghiệp mà chịu vui công khai ? Ông Ba Thê phàn nàn nhiều lắm về tình cảnh của mình, cho nên ông hóa luôn ra một người thật chí. Theo lời ông ta phàn trần thì ông luôn luôn vùng vẫy để thoát ra khỏi

tình trạng nhục nhã ấy. Nhưng mà bây giờ ông ta chỉ còn chừng vài mươi năm nữa để sống trên đời, làm sao kịp tìm thấy một nghề nghiệp cho ra hồn ? Gấp quá rồi ! Chỉ còn có mỗi một hy vọng tìm ra nghề nghiệp ngoài cõi thế gian mà thôi.

Hồi xuân xanh ông Ba Thê đẹp trai, vui vẻ, lanh lợi, khiến ai thoáng trông qua cũng phải chú ý. Cho nên ông không cần khó khăn gì cả mà tự nhiên đi đến đâu có bạn bè, có nhân tình nhân nghĩa đến đó, rồi không cần tìm kiếm mà tự nhiên cơ hội đến : ông ta được vào lính khố xanh dễ dàng, được thăng lên cai, lên đội lúc nào, tựa hồ như không kịp để ý tới ? Sự đời thường là như thế : những dịp may mắn chúng cứ như là ham vui mà dắt nhau tới trong một thời gian nào đó, rồi tặc một cái, xảy ra chuyện trắc trở, thê là những cơ hội tốt đội khăn tang lũ lượt kéo nhau đi, gọi kêu mấy cũng không chịu trở lại, cuộc đời cứ vắng tanh vắng teo hàng mười năm, mười lăm năm, rồi mãi mãi.

Có thể nói quyết là trong trường hợp ông Ba Thê sự thành công không hề do cò gắng, vì vậy thật bại cũng không do biếng nhác. Có cò gắng gì đâu trong cái thời từ hai mươi cho tới ba mươi tuổi của ông Ba Thê ? Vừa lớn lên, có ít chữ nghĩa, có một ít tài sản vốn liếng, Ba Thê còn đang ham chơi bời, còn tính vào tận Nam-kỳ cho rộng chân rộng cẳng bay nhảy, ông ta đã tính đâu tới chuyện vô lính ! Vậy mà không ai gởi gắm giới thiệu, ông ta liền được thu dụng

vào hàng ngũ khô xanh. Hoàn cảnh mới có thú vui mới. Ba Thê kết giao với rất nhiều bạn đồng ngũ, tập tành thêm nhiều thú chơi bời, được rất nhiều cấp trên vừa lòng, ngợi khen và giúp đỡ và cất nhắc, được nhiều con gái lưu-luyến. Những thứ đó xúm lại làm ra một sự nhộn-nhịp, rộn ràng vô số kể. Ba - Thê thực tình bị bận rộn đến nỗi không kịp để ý và sau này không thể nhớ lại mình đã làm cái gì để được yêu mến và thăng thưởng mãi.

Ông Ba-Thê và nhiều bạn của ông ta chỉ còn nhớ lại một đôi mảnh sinh-hoạt không thể có chút giá trị kinh-nghiệm gì. Chẳng hạn hồi ông mới cưới vợ, một hôm có nhóm thân sĩ ở quận B. K. rủ nhau tổ-chức hát bội, tất cả ban hát chỉ có hai cô đào là con hát chuyên môn, còn bao nhiêu kép đều là mấy ông thân sĩ mộ điệu tự đóng lầy để thưởng thức với nhau. Ý kiến được ông tri huyện địa phương cho là ngộ nghĩnh, nên ông tri-huyện có tham dự đêm hát Lã-Bồ hí Điêu-Thuyền ấy. Thủ vai Lã-Bồ là Ba - Thê, mà cô nào đóng vai điêu-thuyền thì quá trẻ và quá lẳng lơ. Cô vợ mới cưới của ông đội Ba - Thê ngồi ở hàng ghế quan khách cứ đỏ mặt lên lần lần, đỏ như có ai xoa mạnh tay lên hai bên mang tai vậy, rồi cuối cùng bà đội bật lên khóc hu hu trên hàng ghế quan khách. Điêu-Thuyền ngoảnh xuống chột hiệu sự cứ liền tái mặt, thật sắc. Lã-Bồ ngỡ-ngàng, lúng-túng trong hia-giáp rộng thênh-thang. Ông tri-huyện giờ cái

dùi chầu lơ-lững quên đập xuống mặt trống.

Người ta cũng còn nhớ mãi cái hội gọi là của Những - Người - Ăn - Bê-Thui. Hội viên hết thấy là những tay cờ-bạc, điều kiện nhập hội ấy không bao giờ công bỏ nhưng hóa ra là điều kiện thiết yếu nhất. Khi nào sòng bạc tổ chức tại nhà một hội-viên thì tiền xâu hôm đó đều được trích ra một đồng bạc bỏ vào quỹ « hội ». Như thế cho đến cuối tháng, kiểm điểm lại, nếu còn thiếu thì các hội viên chia nhau góp cho đủ tiền mua một con bê non ăn thui vào một ngày chủ nhật. Nếu số tiền xâu nhập lại mà đủ thanh toán tiền thui bê thì các hội-viên cờ-nhiên hi-hả tọa-hưởng cái ích lợi do sự cờ - bạc đem đến mà khỏi đóng góp thêm. Đến dự tiệc một số hội viên đem theo cái ống đu đủ, chờ khi vừa cắt cổ con bê ra là thọc ngay cái ống vào mạch máu để hút. Những hội viên khác thì hứng huyết trong những cái bát có sẵn gừng giã và rượu trắng, khuấy đều, rồi uống ừng ực. Tất cả đều tin rằng huyết bê uống tươi có tài cải lão hoàn đồng. Sự tin tưởng đó làm nền tảng lý tưởng cho việc thành lập ra hội. Những Người - Ăn - Bê - Thui. Lẽ dĩ nhiên rất có thể phê bình rằng tin ngưỡng ấy không có gì thâm thúy, tuy nhiên nó cũng đủ để cổ kết mười bốn hội viên hoạt động trong hai năm tròn không mệt mỏi. Một hội viên già lạc quan khoe rằng râu của mình trước kia vàng hoe và khô, từ ngày ông nhập hội đã lẩn hồi trở lại đen và mượt rất xinh.

Riêng về phía Ba Thê, ông ta thường có chuyện ngồi đánh bạc suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ liên tiếp, sau đó được lệnh ông một, ông lãnh hay một cấp trên nào gọi, ông đội Ba Thê vẫn có thể gấp gấp đến trình diện mà không thiếu về tinh táo. Có những đêm mới bắt đầu ngồi vào chiếu được vài giờ, ông Ba Thê thua hết cả món tiền đem theo, như thế mà ông ta vẫn không chịu rời sòng bạc đứng dậy, cứ ngồi mãi đó xem người khác đánh, nói xen vào chuyện của họ, cười góp với họ suốt đêm tới sáng. Được như thế một phần là vì lòng đam mê, một phần khác cũng là vì huyết tươi của bê thui.

Chuyện Ba-Thê hí Điêu-Thuyền cũng như chuyện Những-Người-Ăn-Bê-Thui, về sau này khi đã thất-nghiệp, được hỏi tưởng lại thiệt tình chúng không giúp ích được chút kinh nghiệm gì cho ông Ba-Thê để cho ông ta xoay xở thoát cảnh nhục nhã.

Điều đó thật đã minh-bạch rõ ràng. Vậy mà những kỷ-niệm ấy ông Ba-Thê cứ nhớ mãi, bạn bè ông ta cứ nhớ mãi. Đặc tính cò-hữu của những giai thoại lưu truyền chung quanh tiểu-sử các danh nhân ấy là tính cách vô ích và cái tuổi thọ dai dẳng của chúng.

Ông Ba - Thê cầm súng ban ngày, đánh bạc ban đêm. Cũng có khi ban đêm ông ta phải vác súng tuần hành, thì trái lại có lắm khi ban ngày ông ta vụng trộm đánh bạc. Cái sinh-hoạt nhịp nhàng đó ai cũng rõ. Và lại

trước sau ông Ba-Thê chỉ cầm súng non mười năm, nhưng đến khi đóng lon đội khố xanh thì ít ra ông ta đánh bạc cũng được mười ba năm rồi. Như vậy nếu gặp hồi phải nhường nhịn nhau thì đáng lẽ phải sinh hoạt cầm súng nên nhường cho phía sinh hoạt huynh trưởng kia mới phải. Thế mà việc đời đã xảy ra không thêm hợp với lẽ phải. Sờ là ông An-sát với ông lãnh-binh có điều bắt bẻ với nhau, một đêm nọ đội Ba-Thê đang đánh bạc ở nhà ông lãnh thì bị vây bắt thình lình.

Từ trước tới giờ ai còn lạ gì nhà ông lãnh có chứa bạc, ai còn lạ gì những mặt mũi đêm đêm hội họp xung quanh chiếu bạc đó ? Có lạ lùng chẳng là cái sáng-kiến bắt bạc bắt từ ấy.

Một chuyện táo bạo như thế phải là do cụ án xếp đặt. Nhưng mà sau đó ông lãnh vẫn cứ thoát tội được, chỉ có mấy bác cai và đội bị lột lon cho về làm dân.

Trong khi thiếu chuẩn bị mà bị bắt buộc phải làm dân bắt ngờ như vậy, người ta làm dân một cách rất vụng về.

Đó là nguyên do đã gây nên cảnh dang dở trong một cuộc đời của ông Ba-Thê Đồng-Thời.

Từ khi thiếu nghề, về sống quanh quẩn dưới mái gia - đình càng ngày ông Ba-Thê mới lại càng biết thương thức cái nết na của vợ mình.

Bà đội Ba-Thê không phải là lá ngọc cành vàng, nhưng trong xã-hội thình

thoảng người ta bắt gặp một đôi gia-đình tằm thường mà giáo-dục con cái nghiêm như là ở chỗ quyền quý vậy. Ông thân-sinh ra bà đội Ba-Thê xưa kia chỉ là một thầy câu, giúp việc ở một huyện nhỏ. Thấy câu đó còn nhỏ tuổi mà trông sáng sủa lanh lợi được quan huyện thương mến. Quan huyện có cô cháu họ mặt mũi dễ thương hết sức, nhưng mà đôi chân có hơi yếu, dáng đi uốn ẹo một chút. Quan huyện để-nghị, thấy câu đó mặt nhận lời, và cô cháu gái quan huyện về sau thành ra nhạc mẫu ông đội Ba-Thê.

Sau bốn lần mang nặng đẻ đau sức khoẻ suy giảm, bà câu phát bệnh rồi đôi chân sần yếu bị co rút hẳn, không đi lại được nữa. Quan huyện cũ đổi đi, thấy câu buồn cảnh gia-đình, không có người khuyên can đủ uy tín nên thỉnh thoảng có ý muốn đi tìm thú vui ngoài tổ ấm. Bà câu biết vậy, nhưng bà bất lực, cả ngày chỉ ngồi nguyên một chỗ, không làm sao theo dõi ngăn ngừa được chồng. Trong tâm hồn thắm thía cay đắng, nhưng người đàn bà ấy vẫn giữ một bề ngoài trang trọng điểm đạm. Rồi càng ngày người ta để ý thấy bà câu chăm sóc dạy dỗ con cái càng nghiêm thêm lên. Buồn về chồng, bà câu lại giữ vững khuôn phép gia đình đối với con cái. Tuồng như để vớt lại sự tàn phế tật nguyên, bà muốn làm bật nổi cái nguồn gốc quyền quý của mình, muốn phô trương với chồng và nhắc cho mình cái uy thế tinh thần ấy. Sự kiêu hãnh ấy có lẫn lộn chua chát. Thực là một cách trả thù kỳ quặc.

Tuy vậy nó có kết quả hay. Mỗi khi sa đà ở một chỗ chơi bời quay về, bước qua khỏi cửa, ngồi vào nhà, thấy câu trông cái thái-độ kính cẩn của đứa con mang đôi guốc tới cho mình, pha trà cho mình, nghe những lời thưa gửi nhỏ nhẹ trọng vọng, bất giác thấy câu cũng cảm thấy rụt rè trong sự ham mê tội lỗi. Bà câu kín đáo liếc nhìn chồng thăm dò, và đo-lường được mức tác động ấy.

Cứ như vậy trên hai mươi năm sống trong cảnh túng thiếu, bà câu dùng tất cả cái thì giờ của người đàn bà bị bệnh tật buộc lại một chỗ để bắt mầy cô con gái ra công tập làm những món mứt, tía những đóa hoa rất công phu, tập nhuộm những cánh họa tía bằng đu đủ rập đẹp, tập thêu những mẫu mặt gòai hết sức khó khăn rắc rối tập giữ gìn từng lời nói, bước đi, cái nhìn, giữ một sự khép nép tốt bực...

Ông đội Ba Thê cảm bà đội chỉ vì nét mặt khả ái. Ông ta có ý tìm đâu tới chỗ thê gia vọng tộc. Vả lại theo ông rõ thì bà câu xưa kia chẳng qua là cháu họ xa xa của quan huyện vì nhà nghèo nên mới theo ở giúp việc cho quan huyện. Như vậy người giàu tưởng tượng nhất cũng không hy vọng bắt gặp trong huyết quản bà đội một giọt máu quan quyền. Khi ông đội Ba Thê cười vợ thì ông câu già đã về hưu, sinh nhai bằng nghề buôn bán lật vạt trong một ngôi quán nhỏ ở chỗ phố huyện. Ông đội Ba Thê có ngờ đâu từ ngôi quán xiêu vẹo ấy ông ta rước về một tiểu thư nghìn vàng !

Còn người thiếu nữ về sau trở thành bà đội thiết đã khéo lựa chọn khi gửi thân vào một kẻ quân nhân. Bởi vì đức tính căn bản của bà đội Ba Thê là khép nép sợ hãi. Từ thuở còn con gái cho đến già, lúc nào người đàn bà ấy cũng cần một sự che chở. Ông đội Ba Thê đã làm đầy đủ nhiệm-vụ đòi với vợ, và ngược lại ông được báo đến bằng sự trung thành tuyệt đối của vợ. Hồi còn xuân xanh, bà đội liệt vào hàng đầu danh sách những thứ đáng sợ là đàn ông. Về sau, khi chiến tranh xảy ra, tiếng động cơ của máy bay oanh tạc chiếm mất chỗ xếp hạng của đàn ông.

Bà đội không bao giờ dám nằm ngủ một mình trong bóng tối. Bên giường phải có một ngọn đèn nhỏ và bên mình phải có một người. Người đó, nếu không phải là ông đội Ba Thê thì là một đứa ở giúp việc, hay có thể một đứa bé con. Giấc ngủ của bà đội như thế, trong đời bà không có chỗ ám muội nào về phương-diện ái-tình. Nhưng quý hóa hơn cả là cái cách phản ứng rất hiền lành của bà trước những hoạt-động ái-tình đáng ngờ của ông Ba Thê: trông thấy tận mắt ông đội hí Điêu Thuyền mà bà chỉ có khóc lên hu hu.

Sau này trong những năm chiến-tranh, lúc nào có máy bay lượn trên đầu là bà đội nằm rạp xuống đất rên ư ừ, ôm đầu mà rên cho đến khi nào máy bay đi mất mới thôi. Và hết rên rồi thì bà đội còn ngồi thờ hờ hên, mặt mày tái ngắt, hai tay ôm ngực, nghĩ yên một vài giờ cho lại

hồn vía. Thật là một phương thức phòng không thụ động hết sức hao tổn thì giờ và sức-khỏe.

Một linh tính rất nhạy báo cho bà đội Ba Thê tất cả những thứ đáng sợ trên đời, từ một con sâu cho đến một người nham hiểm. Một hôm đang ngồi chơi nhà tôi, thoáng trông thấy bóng bà Ní Nà (1) đi ngang qua, bà đội hạ giọng nói nhỏ: « Người đâu mà trông thấy hãi quá ». Bà lầy lầy làm hãi lắm. Những người có tướng thê dẫu có nợ bà cũng không dám đòi, dẫu có tình với chồng bà, bà cũng không dám gây chuyện.

Từ ngày ông đội Ba Thê thiếu nghề, cái tính sợ hãi của bà vợ thành ra một món xa xỉ càng ngày càng bật nổi lên, ông đội không làm sao không chú ý đến được. Thoạt tiên ông còn nuôi một chút ảo tưởng vu-vơ: ông nghĩ rằng khi còn ở trong quân ngũ ông còn nuôi vợ, biết đâu khi ông mất chức bà vợ lại chẳng tính chuyện nuôi ông trong cơn anh-hùng thật thê. Ở đời thiếu gì người đàn bà biết trở tài khi tình thê đòi hỏi đến. Nhưng ảo tưởng của đội Ba Thê không thọ: không tròn một năm thì nó chết hoàn-toàn. Thất-nghiệp mặc kệ thất nghiệp, bà đội chịu không sao dám xông pha ra đời giành giật với đời để về nuôi sồng gia-đình.

Bà đội Ba Thê trước sau chỉ nhất định giữ nguyên một vai nội tướng. Nói cho đúng lần lần bà hóa ra một cô-vần nội tướng hơn là một nội

(1) Xin xem « Ngày xuân êm đềm » đã đăng trên tạp chí Bách Khoa.

tướng thực sự, bởi vì tài sản và công việc nhà ông Ba Thê cũng chẳng còn gì nữa để cho bà quản-trị, điều-khiển. Bà nấu nướng có khéo thực, nhưng đã lâu không có được bao nhiêu nguyên liệu để nấu nướng, nên bà đội Ba Thê chỉ hay bàn suông và chỉ vẽ nhiều hơn là làm. Bà đội biết tìm hứng thú trong sự hưởng dẫn cho bà con láng giềng cách thức làm thê nào cho mứt gừng được trắng, cho rim chanh được vò, giữ lửa thê nào cho mứt bí khỏi nhăn tóp, dùng rau gì và chùi rau làm cá thê nào cho cá gỏi khỏi tanh v.v... Chỉ có cái hứng thú ấy gọi là chút bông lộc tinh-thần dành cho bà đội Ba-Thê, bởi vì người đời đời với các vị cô văn và quân sự thực là bạc bẽo đáng trách.

Ông Ba-Thê thiếu nghề, bà Ba-Thê cũng không hành nghề được, vậy thì lấy gì cung dưỡng cho sự sinh sống của hai vợ chồng và ba đứa con? Đó chắc chắn là một vấn-đề nan giải lắm. Những chỗ bạn bè cũ của ông đội Ba-Thê thỉnh-thoảng có nghĩ tới chỗ đó và ngậm ngùi ái ngại. Bạn bè thì ông đội Ba-Thê có quá nhiều, mỗi người chỉ cần nghĩ tới một chút rồi bàn tán qua một câu cũng đủ gây thành dư luận. Nhưng những người bạn nghĩ chán rồi đành làm ngơ bỏ qua vấn-đề. Vào đúng lúc ấy, hoặc là buổi trưa hoặc là buổi tối, họ ở sở về, vừa lơ đãnh nhắc một cốc bia đưa lên môi toan giải khát vừa nghĩ tới chương-trình giải khuây sắp tới, bỗng họ nghe một tiếng chân khua rụt rè trước

cửa, một tiếng gõ cửa rất khiêm tốn. Họ ngẩng đầu lên, và bắt gặp ngay một đứa con ông Ba-Thê. Họ ngạc nhiên hỏi thăm có sự gì bất ngờ đã xảy đến cho ông Ba-Thê chẳng thì đứa con đã tiến đến đưa cho họ một chiếc phong bì nhỏ xíu, rồi kín đáo lui ra chờ đợi.

Trong phong bì có một tấm danh thiếp, trên đó ông Ba-Thê viết: « Q.N. le... »

Cher ami,... »

Nội dung mấy dòng chữ tiếp theo đó đặt ra hai vấn đề: Nạn thất-nghiệp và tình bằng hữu. Để rồi cuộc yêu cầu người đọc thư giải quyết vấn đề bằng một món tiền.

Mỗi chuyên thư đi như thê đều đem về cho ông Đội Ba-Thê một món tiền hoặc lớn hoặc nhỏ để cho ông cân nhắc về tình tình, độ lượng của từng người bạn và suy nghiệm về nhân tình thê thái. Những dòng chữ hữu ích thảo trên danh thiếp như thê chỉ khi nào gửi đến một độc giả « kém văn hóa » thì ông đội mới phải viết bằng quốc văn. Ngoài ra ông ta thích viết bằng Pháp ngữ, bởi vì ông đội Ba-Thê ưa chuộng sự thanh-nhã, mà một nội dung như trên diễn tả bằng ngoại ngữ vẫn được nhã hơn là bằng tiếng nước nhà. Nói thê để hiểu rằng không phải tự dưng mà ông Ba-Thê sinh phô-trương tiếng Pháp, vì kỳ thực ông sử dụng thứ chữ đó rất khó khăn và sai lầm nhiều lắm.

Mỗi lần trong nhà thiếu thốn có vẻ khẩn cấp, bà đội Ba-Thê báo động một cách nhỏ nhẹ cho ông biết. Ông đội ngậm nghĩ trầm ngâm, lục soát



trong trí nhớ. Trong phút giây chờ đợi ấy, bà đội hoặc tiếp tục bừa những cọng rau muống hoặc tiếp tục xếp cái quần cái áo, hoặc tiếp tục lấy khăn lau mặt bàn... giữ một sự xa cách khiêm tốn, không dám hỏi han và dò xét quây rầy đến sự suy tính cao xa của chồng.

Rồi lần nào cũng như lần ấy, sự suy tính chín chắn của ông Ba-Thê đều đưa đến một giải pháp : tâm danh thiếp. Ông gọi con ôm cặp ra, trịnh trọng mở lấy một tấm danh thiếp và vung bút viết : « *Cher ami..*, » Bà đội

Ba-Thê tiếp tục công việc, giữ một thái độ xa cách, kín đáo đẩy kính cần. « Lần này thì tới phiên ông bạn nào đây ? Ông đó ra sao ? Liệu có bằng ông trước không ? Có đỡ cho gia đình được nửa tháng chẳng ? mười ngày chẳng ? một tuần chẳng ? Bà đội rất có thể lo lắng tự nêu lên những câu hỏi như thế lắm. Công việc làm ăn cách này cũng có sự phập phồng tương tự như một cuộc xổ số. Thế nhưng bà đội nết na tôn-trọng sự quyết định của chồng như một thiên cơ, mà bà ta không dám ghé mắt tò

mò vào. Bà đội lạng lẽ tiếp tục công việc quét tước, nấu nướng của mình, đẩy kính cần khâu phục.

Tới khi ông đội Ba-Thê để bì thư đến hàng chữ cuối cùng, mạnh tay gạch dứt đánh soẹt dưới chỗ địa chỉ người nhận thư, thì bà đội, thò ra một cái nhẹ nhàng đèn nõi rất khó nhận thấy, và lên tiếng gọi con : « Toàn đâu con ? Cắt cái cặp cho thấy ». Giọng sai bảo của bà lúc ấy nhuôm sâu xa một ý nghĩa dịu dàng thân ái,

Bà đội Ba-Thê như không hề biết chống vế cái gì trên tấm danh thiếp và không bao giờ chịu ngừng công việc để lắng tai nghe xem người chống sai đưa con đi đâu. Tuy nhiên rất nhiều lần đưa con nhận lệnh của cha xong, vừa chạy ra đèn đầu sân thì đã bị bà gọi giạt lại : « Toàn ! Mẹ bảo đây ! Lấy cái mũ mà đội chứ, trời nắng thế này mày định đi đâu trần tới tận nhà ông Thứ đó à ? », hoặc là : « Toàn, con lấy cái áo khác mà thay, nhà ông Thịnh người ta ăn mặc tử tế », hoặc là : Nhớ cẩn-thận, nhà ông Hoa-lan (1) có chó dữ lắm ».

Ông đội Ba-Thê có nghe những lời vợ dặn con mà y như là không hề nghe. Ông im lìm nghiêm-trang. Ông chụp lấy bình trà rót một chén, ngồi nhâm chাম chậm. Ông Ba-Thê có cái bình trà nhỏ, mỗi lần rót ông chụp trùm cả bàn tay lên, dùng lòng bàn tay ấn xuống giữ chiếc nắp cho khỏi rơi. Sự thưởng trà và nét mặt xa vắng của ông đội Ba-Thê sau mỗi lần phóng tay

viết thư làm cho công việc đó nhuôm một tính cách bí ẩn và quan-trọng đối với mấy đứa con nhỏ, và đặt ra một khoảng cách hơi lạnh lẽo giữa các người trong gia-đình, ít nhất là chừng nửa giờ đồng hồ. Trong lúc đó, hoặc giả ông Ba-Thê có thể ngẫm nghĩ : « À ra người vợ hiền đức của ta cũng có ý theo dõi công việc ta làm. Cái nết kín đáo tề nhị đó đáng khen nhưng mà sao nó làm ta khó chịu vậy ? Lúc này nàng đang nghĩ thế nào ? Dĩ nhiên là nàng đã tán thành hành-động của ta từ năm này qua năm nọ rồi. Nhưng có cái gì lượn quanh quất trên sự tán thưởng ấy mà ta không thấu rõ được ? »

Về phần bà đội Ba-Thê cũng có một vài tư-tưởng không phát biểu : « Ông đội những lúc này có sức nghĩ tới sự ăn không ngồi rồi của ta chẳng ? Cái gì ẩn núp phía sau vẻ nghiêm nghị ấy : buồn phiền chẳng ? áy náy thẹn thùng chẳng ? Thái-độ nhu-mì khép nép của ta như thế là hợp cảnh lắm rồi, còn gì nữa ? »

Cứ như vậy, từ hai phía, những luồng tư-tưởng âm thầm lẫn dò tìm nhau trong tấm tối, và chẳng bao giờ chạm gặp nhau. Hai vợ chồng ông đội Ba-Thê sống những giờ phút tôn-kính lẫn nhau như khách. Cho tới khi có một tiếng chuông rung leng keng của chiếc xe đồ rác đi ngang qua trước nhà, hay là có con gà nhảy vào bụi đám rau rậm, hay là con chó mực nhà lảng giềng toan thọc mỏ vào vò nước v.v... ông Ba-Thê thừa cơ-hội lên tiếng gọi bà đội đuổi gà, đánh chó,

(1) Xin xem « Ngày xuân ăm đêm »

và như thế đánh tan được bầu không khí đặc-biệt.

Mỗi khi đưa con cầm phong thư từ các nơi gửi về, bà đội Ba-Thê cũng chẳng bao giờ dám biết đến trong đó chứa đựng những thứ gì. Sự thành-công hay thất-bại của công việc chỉ riêng có người chủ gia-đình mới được quyền biết tới. Đó là thuộc về vấn-đề uy-tín. Mà ông Ba-Thê xứng-đáng tượng-trưng cho uy-tín của gia-đình, bởi vì hơn một lần ông biết cách « lau chùi thất bại » một cách lặng lẽ, can-đảm, ông lạnh lùng bỏ túi phong thư trả lời, rồi sau đó khéo-léo thủ-tiêu lúc nào không ai biết được.

Nhưng danh-thiếp gửi đi, thường vẫn có tiền bạc gửi về. Tiền bạc đó người chủ gia-đình toàn quyền giữ lấy, rồi thông thả trao lại vợ. Ông đội Ba-Thê không bao giờ nghe vợ thóc mách dò la, hỏi đưa con về số bạc đem về. Tuy nhiên khi nào bà đội cũng trừ-tính sự chi-tiêu thích-đáng với số tiền còn lại trong túi chồng, và lần nào cũng vậy bà lên tiếng báo-động đúng ngay lúc túi ông gần cạn.

Đáng suy-nghĩ nhất là về số phận của hai đồng rưỡi bạc đá gà. Số là

ông đội thích xem chơi gà. Ông không nuôi gà, nhưng mỗi tuần vào chiều thứ năm trong xóm có tổ-chức trước sân nhà tám Phụng một cuộc đấu gà mà ông đội rất muốn tham dự với hai đồng rưỡi trong túi. Hai đồng để đánh cá, và năm cắc để uống một chén rượu, tán huyên thiên cho vui. Bởi vậy đưa tiền cho vợ bao giờ ông Đội cũng ngấm giữ lại món tiền ấy. Thế nhưng nhiều lần vào chiều thứ tư, bà đội còn đề-nghị tiêu rần một món đồ vài đồng, ông vội vã kêu lên : « Minh không rõ sao ? Hết cả tiền rồi mà ! », tức thì bà đội hiển lảnh nói nhỏ nhẹ : « Vậy mà tôi cứ tưởng mình còn hai đồng rưỡi trong túi, không có sao ? Minh coi lại đi, may mà còn, mình nhịn đỡ cho vài đồng ». Thật là quái lạ, bao nhiêu bạc tiền cất trong túi, ông đội đều như là triển lãm ra dưới cặp mắt không có chút tò mò nào của bà vợ hết cả. Như thế, thỉnh thoảng có những buổi chiều thứ năm cặp gà trước sân tám Phụng đánh nhảy nhót vô duyên không được tán thưởng khích lệ.

(còn tiếp)

VÕ-PHIÊN

* Muốn làm biến tan sự ghen tuông hay sự đố kỵ giữa những người làm việc dưới quyền, gây ra bởi chức phận hơn kém, người cầm đầu phải biết phần khích giá trị chuyên môn hay đạo-đức của những người có chức phận cao và củng cố địa-vị cho họ bằng cách ủy-thác quyền-hành cho họ. (Courtois).

HOANG ĐẢO

Thuở xưa ngoài biển mang mang thăm
Nồi một cù lao bé tẻo teo
Trơ trọi giữa muôn trùng nước biếc
Thân tình họ có đảo trăng treo.

Bao độ sâu thu rơi huyết lệ
Bao lần thay diện áo xuân xanh
Đảo mòn mãi vẫn không hề thấy
Một cánh buồm yêu đậu mé gành.

Chôn chặt đau thương trong lặng lẽ
Nằm nghe rền rĩ suốt canh thâu
Gió khơi vút lại ngàn phương lạnh
Sóng nỉ non than vọn cỏ sâu.

Biển đời có những lòng hoang đảo
Vò vớ chờ mong một bóng thuyền
Lơ dẽnh thuyền đi tìm bến rợn
Đêm đêm lòng quạnh ngóng trăng duyên.

TRƯƠNG-UÂN-NGỌC

(Hoang-đảo)

SINH - VIÊN

VỚI

BÁO - CHÍ

NGUYỄN - NGU - I

(thuật)

N NGÀY chủ nhật 27 tháng 11, đoàn sinh viên công - giáo Đại học Sài-Gòn có tổ chức một buổi hội thảo tại trụ sở của đoàn, 43 đường Nguyễn-Thông.

Linh mục Nguyễn-Huy-Lịch, tuyên úy sinh viên chủ tọa buổi họp ; tham dự, ngoài các sinh viên nam, nữ, còn có vài giáo sư, công có, tư có, và cũng là những người đang sống trong... nghiệp báo.

Sau lời mở đầu của chị trưởng ban Học tập, một anh sinh viên đứng lên trình-bày ý-kiến của một số anh chị em đã cùng nhau thảo luận trước.

Mở đầu, thuyết trình viên tìm hiểu sự quan trọng của báo chí đối với sinh Việt, sự quan trọng này rất đáng chú ý, phải chăng vì ba yếu-tố sau đây ?

1.— Sau mười năm khói lửa, số sách nghiên-cứu và dịch thuật về những trào lưu tư-tưởng, về những xu hướng văn-nghệ, về những kết-quả của khoa-học, kiểm điểm lại, không có bao nhiêu ; dĩ nhiên là

ta hiểu : những công trình phiên dịch hay biên khảo có giá trị.

2.— Vốn sinh ngữ của sinh viên bây giờ tương-đối chưa được giàu mấy, nên không biết tìm hiểu những vấn đề mình đang học hỏi hay đang quan tâm ngay trong các sách ngoại quốc ; mà những sách này vốn khó tìm và cũng khó mua.

3.— Vả lại, một chứng bệnh thông thường của sinh viên là có hơi lười biếng về trí thức : bỏ cả tuần để nghiền ngẫm một cuốn sách dày viết bằng tiếng nước ngoài, sao bằng để một buổi đọc một bài rút gọn trong một tạp chí viết bằng tiếng nước mình... Đỡ tốn thì giờ mà cũng đỡ tốn công phu !

Vì ba lẽ trên đây, mà giới sinh viên đặt khá nhiều hi vọng ở báo chí : cung cấp cho mình một số tài liệu cần thiết, giới thiệu những trào lưu về học thuật, về khoa học, phê phán những giá trị tinh-thần, những thuyết này thuyết nọ, và phản ảnh phần nào cuộc sống của nhân loại và của dân-tộc.

Sau khi trình-bày phần « Tại sao báo chí quan-trọng đối với sinh-viên Việt » thuyết-trình-viên xét đến hiện tình báo-chí nước nhà. Bắt đầu nói đến các nhật-báo.

Đại để thì hình-thức và nội-dung mười tờ nhật-báo ở miền Nam không khác gì nhau mấy : trang một, tin tức thế-gới, một ít tin tức quan-trọng trong nước, xã luận, trang 4 là phần tiếp theo trang 1 và quảng-cáo; hai trang trong mới là chỗ không giống nhau và cho ta biết phần nào đường đi nước bước của tờ báo. Trừ vài tờ đứng đắn nêu lên những vấn-đề thiết-thực, những sáng tác có giá trị, còn các tờ khác phô-bày một thứ văn-ngệ rẻ tiền, những chuyện mê-tin dị-đoan, những chuyện trình-thám vu-vơ hay diễm tình vớ-vẩn. Đó là chưa nói một số nhật-báo xu nịnh thị hiếu xấu của quần-chúng, thêu dệt một cái tin vặt đáng lẽ chỉ đáng để ở trang chót thành một tin hấp-dẫn để lên trang nh m khi mở những thiên điều tra, phóng sự phạm đến nhân-vị người khác.

Qua phần xét các tạp-chí. Thuyết-trình-viên để trong phần này các tờ tuần báo, các nguyệt-san và bán nguyệt-san, và chia làm ba loại :

1. — Loại chuyên về khảo-cứu, mục đích tìm hiểu những giá-trị tinh-thần của Đông-Phương và Tây-Phương, và giới-thiệu những nét đặc-biệt của tinh-thần Việt-Nam. Loại này quá khô khan, nên có ít người đọc.

2. — Loại tuy khảo-cứu, nhưng có phần sáng-tác. Loại này được đọc nhiều hơn.

3 — Loại chuyên về văn-ngệ hay nghệ-thuật. Tuổi trẻ rất thích loại này, nhất là những tờ có giới-thiệu các minh-tinh màn ảnh hay sân khấu.

Nhưng thay vì giới-thiệu những cố gắng của những minh tinh để làm gương, thì nhà báo lại tô điểm những cái hào nhoáng của đời sống bên ngoài. ngợi ca cái đẹp thân thể... ; còn kể lại chuyện phim, thì chỉ nhấn mạnh các khía cạnh rung-rợn, mê-li, mà ít khi nói đến ý-nghĩa của cuốn phim.

Rất ít tờ nghĩ đến việc hướng dẫn lương tâm bạn trẻ; đôi tờ cũng có mở « mục Thanh-niên », « trang Học-sinh », nhưng chưa có kết-quả mấy.

Vốn ham tìm hiểu những gì mới lạ, nên sinh viên đặc-biệt chú-ý đến thuyết hiện-sinh mà vài tạp-chí trong nước nhà đang cố võ và một số nhà văn, nhà thơ đang thực-hiện trong sáng tác-phẩm của họ. Cuộc tranh luận về luân-lý và văn-học cũng được sinh-viên đặc-biệt theo dõi. Một nhận xét làm anh chị em thắc mắc, là vai trò « chứng nhân của thời đại » mà đôi nhóm văn-ngệ-sĩ nêu lên và thể hiện : qua một số truyện của họ, người ta tự hỏi : « Phải chăng hiện có một số người lạc lõng, hoang mang, thấy mình hoàn-toàn bất lực trước cuộc đời đen tối và phi lý, nên đem cái chán nản không bờ bến của mình dạo khắp đó đây, tìm lãng quên trong những cảm giác khác thường, trong lối sống độc đáo ? Và thơ Tự-do xuất-hiện phải chăng vì đã có một số người như thế ? »

Báo chí ngoại quốc cũng được nhắc đến Phổ biến nhất là báo Pháp và báo Anh. Có tờ nghiêng về chánh-trị, hoặc dung hòa, hoặc chống Cộng, hoặc theo đường lối của Chánh-phủ họ ; có tờ chuyên về tin tức và hình ảnh, nhưng vì muốn chạy sát thời sự mà khó tránh được phần nông nổi, có tờ viết một cách phổ-

thông, giới-thiệu người, việc, cảnh, những phát-minh mới của khoa-học và ảnh-hưởng của những phát-minh này đối với nhân loại. Sinh viên thích loại báo sau này hơn.

Sau cùng, báo-chí công-giáo được đề cập. Nội-san, nguyệt-san, tuần-san, thì có, mà nhật báo thì chưa. Một tờ báo Công-giáo mà đạo với đời đều có mặt vẫn còn là sự mong chờ. Mới đây, một tờ tuần báo ra đời, muốn lãnh vai trò ấy, nhưng chưa đạt được. Nhìn chung, vẫn thì non nớt, truyện đôi khi ngây ngô — tương đối mà nói — nên sinh viên ít đọc báo công-giáo.

Để kết-luận phần trình bày, thuyết trình viên nêu lên câu hỏi: « Hiện tình báo chí, theo chúng tôi, là thế. Vậy, thái-độ và phản-ứng của sinh-viên chúng ta như thế nào? »

Và đây bắt đầu phần bàn cãi.

Anh chị em sinh-viên cùng vài người khách có mặt chia làm hai nhóm, mỗi nhóm có một trưởng nhóm để thu thập ý kiến và bàn cãi mỗi nhóm một nơi. Sau bốn mươi phút tách rời, hai nhóm họp lại; hai trưởng nhóm báo cáo kết quả, và một sinh-viên có tuổi được mời lên ngồi ghế chủ tịch để làm sáng tỏ vấn-đề thêm.

Và đây là kết-quả cuộc hội-thảo của hai nhóm.

Phải nhìn nhận rằng báo-chí nước nhà hiện thời đã tỏ ra đa dạng, có phần phong-phú; có nhiều cố gắng: tin tức mau lẹ, hình ảnh nhiều, một sự kiện gì quan-trọng xảy ở nước người là lập tức cung-cấp tài-liệu cho độc-giả (như cuộc bầu tổng-thống Hoa-kỳ vừa rồi), giới-thiệu những trào-lưu tư-tưởng, nghệ-thuật của thế-giới, dịch

những áng văn hay ngoại-quốc, nói lên những bất công của xã-hội cùng những thắc mắc, nguyện vọng của người dân. Về điểm chót này, chúng ta cần phải thông cảm với nhà báo: họ không thể « nói hết được, nêu đủ được », vì e Cộng-sản lợi-dụng, xuyên-tạc.

Nhưng cạnh những cố gắng ấy, còn có cái *khuyết-hướng xu nịnh những thị hiếu thấp hèn của đại-chúng* và cái *khuyết-hướng thiếu tôn-trọng nhân-vị*: kêu gọi mê tín, dị đoan, ru ngủ độc-giả bằng những cuộc đời hào nhoáng xa hoa của các tài-tử chớp bóng, phóng đại những tin có tính cách giật gân, xâm phạm đến đời tư người khác một cách vô ích, có những hành-động vô ý thức có thể làm hại tương-lai người (như đăng ảnh các cô gái điếm hoàn-lương), tìm mọi cách để làm thỏa mãn tánh tò mò của người đọc trong những vụ án mạng thương tâm... Ngoài ra, người xem báo còn thấy cái *khuyết-hướng thiếu cố gắng trong việc khảo-cứu*: dịch sát những bài khảo-cứu mà không để ý độc-giả người mình có thể hiểu không, trích-dịch văn người không đề xuất xứ, không chịu tìm tài-liệu gốc, xén bài người sao cho có lợi cho mình... vô tình vu cáo tác-giả (như trường hợp một nhà báo nọ dịch một bài của cố Cadière nghiên-cứu về « Con tinh » ở nước ta, lờ đi phần kết-luận của tác-giả, để có thể bảo rằng: chính một vị cố đạo mà cũng tin là có con tinh!)

Tưởng đến đây, chúng ta cũng nên phân tách hiện có hai loại báo chí.

Một loại báo kinh doanh, sống nhờ bạn đọc, nên mãi chạy theo đuôi quần-chúng.

Một loại báo muốn phụng-sự văn-hóa, nghệ-thuật, sống nhờ sự trợ cấp của chánh-

quyền, của đoàn thể, hoặc nhờ quảng cáo ; vì thế họ đôi khi quên lửng độc-giã, mà viết có phần quá cao, quá khó.

Cả hai lối làm báo ấy đều không có lợi cho người đọc. Chúng ta mong sao loại báo trên vươn lên một chút để còn hướng dẫn quần chúng, hơn là mãi mãi nuông chiều ; chúng ta lại mong sao loại báo dưới đi không xa không cao người đọc quá, nghĩa là trình bày các vấn-đề sao cho sáng sủa, cho dễ hiểu hơn. Được như thế, thì người viết báo cũng như người đọc báo đều có lợi.

Tóm lại, báo chí nước nhà hiện nay có lắm điểm đáng khen, mà cũng có nhiều mặt đáng chê.

Thái-độ của người sinh-viên là không thể thờ ơ với báo chí được. Nhất là ta được biết là báo nào cũng không thể đứng vững với dư luận, nhất là dư luận của lớp người trẻ tuổi có học, tha-thiết và chân-thành. Vậy, báo nào có chỗ hay, có cố gắng, ta viết thư khen, khuyến khích, ta cổ động cho báo ấy. Báo nào dở, xu nịnh thị hiếu thấp hèn của quần chúng, thì ta có thư chỉ trích, hoặc cảnh cáo, nếu cần, ta bất hợp tác với báo đó.

Tiếp được một đôi bức thư, nhà báo có

thể xem thường, nhưng nhận vài chục bức, thế nào họ cũng để ý và tự kiểm thảo. Đó là về phần cá nhân, còn về mặt đoàn-thể, ban Học tập sẽ nghiên-cứu lại xem chúng ta có nên thực-hiện ý-kiến của một bạn-khách đưa ra : lập một ban báo-chí, chia ra làm hai tiểu-ban, một tiểu-ban chuyên theo dõi các báo sáng-tác, một tiểu-ban chuyên đọc các báo biên-khảo, hầu biết rõ ưu, khuyết điểm, để rồi nhân danh đoàn-thể, ta góp ý-kiến hầu báo-chí có thể giúp ích nhân dân một cách có hiệu quả hơn, thiết thực hơn.

*
* *

Thế là, sau buổi hội thảo ngày chủ-nhật 27-11-60, anh chị em sinh-viên đã nhận-định tình-hình báo-chí nước nhà, và quyết góp sức mình vào. Các bạn liệu rồi có tìm được biện-pháp nào thỏa đáng không ? Đó là việc về sau. Còn giờ, chỉ hai sự kiện : *ý-thức được cái ưu cái khuyết của cái quyền thứ tư hiện nay, và quyết tâm chằng « ngồi yên mà ngó »*, cũng đủ chúng ta đặt trọn niềm tin vào các bạn, những người mà năm bảy năm sau sẽ nắm một phần các cơ-quan then chốt của nước nhà để chịu một phần trách-nhiệm trước Lịch-sử.

N. UIÊN-NG. - í thuật

* Có rất nhiều người quên việc tôn trọng thẩm-quyền của những người bề dưới. Cố nhiên khi nhà cháy, phải dập tắt lửa trước khi hỏi ai đã nhóm lửa. Can-thiệp trực-tiếp khi « lửa cháy » là một bổn-phận, nhưng phải bảo ngay cho người chịu trách-nhiệm ở dưới quyền mình biết mình đã sa-thải người nào, vì đó là cách trực-tiếp xen vào địa-hạt của họ. Nếu người trên không làm như vậy, người dưới sẽ không cảm thấy trách-nhiệm của họ nữa, vì lẽ người trên đã dời vị-trí của họ mà không hỏi họ và hướng-dẫn họ. Đó cũng là cách làm cho người dưới mất hứng thú làm việc và làm giảm uy-tin của họ đối với những người ở dưới quyền họ (Courtois).

Chúng tôi vừa nhận được :

Ngành ngư nghiệp trên thế-giới và người Việt-Nam dùng cá để làm gì ? (Trịnh-Thiên-Tử) — Bài hát của người đập đá (Thiện-Ý) — Mưa rừng ; Chợt thức (Nguyễn-Phong) — Ảnh ; Cuộc đời hai mươi lăm ; Điu hiu (Nghị-Hoặc) — Đời anh ; Mê trăng Hàn-Mặc-Tử (Hoàng-Huy-Đông) — Ái ân hàng loạt (Trang-Thái-Hiên) — Thuận-An (Bửu-Kế) — Nghề mảnh ở Tam-uan (Nguyễn Bạt-Tụy) — Hồn ; Xứ nhớ (Mạc-Phong-Thanh) — Gũ độc hành (Hoài-Minh) — Đôi bạn (Trần - Thanh - Đào) — Mưa mùa (Kim-Tướng) — Sự phát-triển của

văn-tự ; Vitamine B trong nước biển (Trịnh-Thiên-Tử) — Tinh tụy ; Xóm buồn ; Chiều tàn ; Về đi em (Thùy Dương).

Ô. Trần-Xuân-Lợi (Thành-Nội Huế).— Trân - trọng cảm ơn ông đã góp nhiều ý-kiến xây dựng cho Bách-Khoa và Mai. Đã gửi đến ông mục-lục bộ-môn nói trong thư rồi.

Xin trân trọng cảm ơn các bạn tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường - hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông-cảm cho. Đa tạ.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- « Thử thách » của ông Triệu-Triệu, do nhà Nguyễn-Đình-Vượng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 290 trang, giá 40\$00
- « Việt-sử tiêu-án » của Ngô-gia văn-phái (Ngô-Phong Ngô-Thời-Sỹ), do Văn-Hóa Á-Châu xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 307 trang, giá 70\$00
- « Sự tiến-triển của nền Kinh-tế Việt-Nam trong năm 1959 », phụ-bản của Thống-kê nguyệt-san, do viện Quốc-gia Thống-kê xuất-bản và gửi tặng, giá 80\$00
- « Kỳ-yếu Unesco-Việt-Nam », số 2, kỷ-yếu của Ủy-hội quốc-gia Việt-

Nam, do nha Văn-Hóa (phòng Unesco) gửi tặng.

- « Tài-liệu về hội-nghị Lương-nông Liên-Hiệp-Quốc », họp tại Sài Gòn ngày 19-11-1960, do bộ Canh - nông gửi tặng, gồm có :

Những bài diễn văn (bằng Anh, Pháp và Việt-ngữ) ; 3 số Tin tức đặc biệt về cuộc hội-nghị quốc-tế này.

- « Nội-san Quốc-hội », số 5, do sở Thông-tin Quốc-hội gửi tặng.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-giả và ân cần giới - thiệu với độc-giả thân mến.

NHỮNG PHIM ĐẶC SẮC NHẤT

SẮP CHIẾU TẠI THỦ-ĐÔ SAIGON - CHOLON

EDEN — CASINO — PALACE

Qui était donc cette dame
(Nặng số đào hoa)

(Từ ngày 24-11-60)

Tony Curtis, Dean Martin, Janet Leigh

EDEN — OLYMPIC

Chérie recommençons
(Yêu nhau lắm cắn nhau đau)

(Từ ngày 15-12-60)

Yul Brynner — Kay Kendall

CASINO-KHAI-HOAN - PALACE

Commando de Destruction
(Trên đường ly loạn)

(Từ ngày 15-12-60)

James Steward — Lisa Lu — Glenn Corbett

Babette s'en va t-en guerre

(Từ ngày 22-12-60)

Brigitte Bardot, Jacques Charrier

HÃNG PHIM COLUMBIA

23 Đường Gia-Long Saigon

Đ.T. 24.710

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANÇAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyen-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO
TỰ - DO

SAP PHÁT-HÀNH :

VIỆT - NAM DANH - NHÂN TỰ - BIÊN

của NGUYỄN HUYỀN-ANH

(DO HỘI VĂN-HÓA BÌNH-DÂN ẦN-HÀNH)

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL. { 22.102
SGN: 34

Công-Ty ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUẤT VÀ BÁN

- 1— CAC LOẠI ĐƯỜNG:
 - Đường miếng lọc
 - Đường cát trắng ngà
 - Đường cát trắng tinh
 - Đường cát trắng Hiệp-Hòa
- 2— CAC LOẠI RƯỢU:
 - Rượu đốt 90°
 - Rượu thơm 90°
 - Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COFAT

CHOLON

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VII (từ số 73 đến số 84) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

Spring



Chuốc thơm điệu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ

**GÍA
BÌNH DÂN**

10%

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sảng tinh thần

Sản -

- Tinh -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15 \$



ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА
ВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОАВАСНКНОА

百
科
雜
誌

Chủ-nhiệm : HUYNH-VAN-LANG

Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :

160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn

Điện thoại : 25.539

In tại nhà in VĂN HÓA
412 414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá 10\$

Công sở 15\$